

Số: /QĐ-UBND Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và cổng dịch vụ công Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ theo qui định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; Quyết định số 2575/QĐ-BKHCN ngày 08/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Viễn thông và Internet, Tần số vô tuyến điện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ; Quyết định số 2774/QĐ-BKHCN ngày 18/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 2350/QĐ-UBND ngày 16/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện giải quyết thủ tục hành chính ngành Khoa học và Công nghệ thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 319/TTr-SKHCHN ngày 30 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 190 danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh và phê duyệt 190 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (Trong đó, 36 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính liên thông lên UBND tỉnh và 154 quy trình nội bộ giải quyết thuộc thẩm quyền của Sở Khoa học và Công nghệ) thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ, cụ thể như sau:

(Có phụ lục I, II kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Quyết định số 1132/QĐ-UBND ngày 15/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hoá; phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính; phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính; Quyết định số 1529/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành theo quy định về phân quyền, phân cấp, phân định; Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành theo quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền; Quyết định số 1592/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng; Quyết định số 1757/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực An toàn bức xạ hạt nhân; Quyết định số 2121/QĐ-UBND ngày 23/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục TTHC mới ban hành và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC lĩnh vực An toàn bức xạ và hạt nhân; Quyết định số 2349/QĐ-UBND ngày 16/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Viễn thông và Internet, tần số vô tuyến điện thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Thường trực tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC, C.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Ngọc Hậu

Phụ lục I**Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực hoạt động Khoa học và Công nghệ: 56 TTHC				
1	Thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước. Mã thủ tục: 2.002709	121 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013 và Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước.
2	Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước. Mã thủ tục: 2.002710	87 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tiếp nhận hồ sơ đăng ký tuyển chọn.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại	Không	- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013 và Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; ☐- Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính. ☐		định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước.
3	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước. Mã thủ tục: 2.002711	43 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013 và Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước.
4	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu	17,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại	Không	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu. Mã thủ tục: 1.011814	sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.		2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ KH&CN ban hành Biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính quy định tại một số điều của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.
5	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến. Mã thủ tục: 1.011815	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					hành chính quy định tại một số điều của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.
6	Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực. Mã thủ tục: 1.011816	17,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ KH&CN ban hành Biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính quy định tại một số điều của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.
7	Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	29 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành	Không	- Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 và số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	nghệ. Mã thủ tục: 2.001143		chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.		- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN ngày 25/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.
8	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ. Mã thủ tục: 2.001137	29 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013 và Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; - Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN ngày 25/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.
9	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ. Mã thủ tục: 1.002690	29 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013 và Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; - Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN ngày 25/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.
10	Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học	29 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013 và Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; - Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	và phát triển công nghệ. Mã thủ tục: 2.001643				15/5/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN ngày 25/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.
11	Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ Mã thủ tục: 2.001179	- 19 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trường hợp tổ chức Hội đồng thẩm tra hồ sơ); - 9,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trường hợp không thành lập Hội đồng để thẩm định hồ sơ).	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016; - Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; - Quyết định số 30/2018/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ; phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					- Thông tư số 14/2017/TT-BKHCN ngày 01/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tiêu chí xác định phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư chuyên dùng và danh mục tài liệu, sách báo, tạp chí khoa học quy định tại khoản 2 điều 40 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu.
12	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu. Mã thủ tục: 1.011812	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19 ngày 6 tháng 2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 ngày 5 tháng 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30 ngày 6 tháng 2023 của Bộ trưởng Bộ KH&CN ban hành Biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính quy định tại một số điều của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 ngày 5 tháng 2018 của Chính phủ quy định chi tiết

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.
13	Thủ tục chấp thuận chuyển giao công nghệ. Mã thủ tục: 1.013918	- 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Mức thu phí thẩm định đối với xem xét, chấp thuận chuyển giao công nghệ là 10 (mười) triệu đồng	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ.
14	Thủ tục cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ. Mã thủ tục: 1.013927	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; trường hợp từ chối cấp Giấy phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Mức thu phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ để cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				nghìn) tổng giá trị của hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng tối đa không quá 10 (mười) triệu đồng và tối thiểu không dưới 05 (năm) triệu đồng.	đồng chuyển giao công nghệ.
15	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ. Mã thủ tục: 1.013931	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.
16	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ.	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;	Không	- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	Mã thủ tục: 1.013933		- Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.		Công nghệ; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.
17	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ. Mã thủ tục: 1.013936	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.
18	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ. Mã thủ tục: 1.013939	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.
19	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành	Chưa có quy định	- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	định công nghệ. Mã thủ tục: 1.013940	hợp lệ.	chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.		nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.
20	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ. Mã thủ tục: 1.013943	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.
21	Xác nhận phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư. Mã thủ tục: 1.013944	10 hoặc 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, trong trường hợp cần thiết thành lập hội đồng thẩm tra hồ sơ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Quyết định số 30/2018/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ Quy định trình tự, thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ; phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư.
22	Cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài. Mã thủ tục: 1.013938	a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và trường hợp hồ sơ không hợp lệ, có thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết để sửa đổi, bổ sung. b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ có kết quả giải quyết.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013 và Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ; - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.
23	Cấp Giấy phép thành lập lần đầu cho Văn phòng đại diện, Chi nhánh của tổ chức khoa	a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ,	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành	4.000.000 đồng	- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013 và Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	học và công nghệ nước ngoài tại Việt Nam. Mã thủ tục: 1.013941	Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và trường hợp hồ sơ không hợp lệ, có thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết để sửa đổi, bổ sung. b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ phải có kết quả giải quyết.	chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.		tạo số 93/2025/QH15; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ; - Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ; - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.
24	Đề nghị thành lập tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc ở nước ngoài.	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ,	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành	Không	- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013 và Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	Mã thủ tục: 1.013920	Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và trường hợp hồ sơ không hợp lệ, có thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết để sửa đổi, bổ sung; - Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ phải có kết quả giải quyết.	chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.		tạo số 93/2025/QH15; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.
25	Đề nghị thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam ở nước ngoài. Mã thủ tục: 1.013926	a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và trường hợp hồ sơ không hợp lệ, có thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết để sửa đổi, bổ sung. b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013 và Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		hợp lệ phải có kết quả giải quyết.			của tổ chức khoa học và công nghệ.
26	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao. Mã thủ tục: 1.013961	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008; - Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội Quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Quyết định số 55/2010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục chứng nhận tổ chức, cá nhân hoạt động ứng dụng công nghệ cao, chứng nhận tổ chức, cá nhân nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và công nhận doanh nghiệp công nghệ cao; - Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					được khuyến khích phát triển; - Quyết định số 10/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 04/2020/TT-BKHCN ngày 28/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.
27	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho tổ chức. Mã thủ tục: 1.013964	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008; - Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội Quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Quyết định số 55/2010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 09 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục chứng nhận tổ chức, cá nhân hoạt động ứng dụng công nghệ cao, chứng nhận tổ chức, cá nhân nghiên cứu và

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					phát triển công nghệ cao và công nhận doanh nghiệp công nghệ cao; - Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển; - Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 04/2020/TT-BKHCN ngày 28/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN; - Thông tư số 01/2013/TT-BKHCN ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao.
28	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho cá nhân. Mã thủ tục: 1.013969	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu	Không	- Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008; - Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội Quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			chính.		- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Quyết định số 55/2010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 09 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục chứng nhận tổ chức, cá nhân hoạt động ứng dụng công nghệ cao, chứng nhận tổ chức, cá nhân nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và công nhận doanh nghiệp công nghệ cao; - Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển; - Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 04/2020/TT-BKHCN ngày 28/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN; - Thông tư số 01/2013/TT-BKHCN ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí đề tài, đề

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao.
29	Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người. Mã thủ tục: 2.000079	21,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Theo quy định hiện hành do tổ chức, cá nhân đề nghị chi trả.	- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013 và Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13; - Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN ngày 06 tháng 3 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ không sử dụng ngân sách nhà nước.
30	Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc	21,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Theo quy định hiện hành do tổ chức, cá nhân đề nghị chi trả.	- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013 và Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người. Mã thủ tục: 2.002144				điều của Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13; - Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN ngày 06 tháng 3 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ không sử dụng ngân sách nhà nước.
31	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ). Mã thủ tục: 2.002248	4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đăng ký lần đầu thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng tối đa	Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				không quá 10 (mười) triệu đồng và tối thiểu không dưới 05 (năm) triệu đồng.	
32	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ). Mã thủ tục: 2.002249	4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đề nghị đăng ký sửa đổi, bổ sung thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng sửa đổi, bổ sung nhưng tối đa không quá 05	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chế độ báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao; mẫu văn bản trong hoạt động cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ, đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				(năm) triệu đồng và tối thiểu không dưới 03 (ba) triệu đồng.	đồng chuyển giao công nghệ.
33	Thủ tục cấp giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao. Mã thủ tục: 2.002544	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ trực tiếp; Trực tuyến; qua Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao.
34	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao. Mã thủ tục: 2.002546	- 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ - 12 ngày làm việc đối với trường hợp có thay đổi công nghệ, sản phẩm công nghệ hoặc quy mô sản lượng, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ trực tiếp; Trực tuyến; qua Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao.
35	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao. Mã thủ tục: 2.002548	4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ trực tiếp; Trực tuyến; qua Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao.
36	Thủ tục xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên. Mã thủ tục: 1.012353	- 17,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định đối với dự án quy mô nhỏ, công nghệ không phức tạp; - 32,5 ngày làm việc đối với dự án đầu tư có quy mô lớn, công nghệ phức tạp.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	- Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Quyết định số 29/2023/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục xác định dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
37	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ. Mã thủ tục: 1.001786	8,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	3.000.000 đồng	- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013 và Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ; - Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ; - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.
38	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ. Mã thủ tục: 1.001770	8,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	1.000.000 đồng	- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013 và Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ; - Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ.
39	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận	7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung	- Đối với Thủ tục cấp Giấy	- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013 và Luật

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ. Mã thủ tục: 1.001747	sơ đầy đủ, hợp lệ.	tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi tên của tổ chức KH&CN: 1.000.000 đồng; - Đối với Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi tên cơ quan quyết định thành lập hoặc cơ quan quản lý trực tiếp của tổ chức KH&CN: 1.000.000 đồng; - Đối với Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường	Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ; - Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ; - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				hợp đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của tổ chức KH&CN: 1.500.000 đồng; - Đối với Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi vốn của tổ chức KH&CN: 1.500.000 đồng; - Đối với Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi người đứng đầu của tổ chức KH&CN:	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				1.000.000 đồng; - Đối với Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động KH&CN của tổ chức KH&CN: 2.000.000 đồng.	
40	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ. Mã thủ tục: 1.001716	8,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	3.000.000 đồng	- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013 và Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ; - Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ; - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.
41	Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ. Mã thủ tục: 1.001693	8,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	1.000.000 đồng	- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013 và Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					- Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ; - Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ.
42	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ. Mã thủ tục: 1.001677	7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	- Đối với trường hợp trường hợp đăng ký thay đổi tên văn phòng đại diện, chi nhánh: 1.000.000 đồng; - Đối với trường hợp đăng ký thay đổi địa chỉ	- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013 và Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				trụ sở văn phòng đại diện, chi nhánh: 1.500.000 đồng; - Đối với trường hợp đăng ký thay đổi người đứng đầu văn phòng đại diện, chi nhánh: 1.000.000 đồng; - Đối với trường hợp đăng ký thay đổi thông tin của tổ chức khoa học công nghệ ghi trên giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi	công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ; - Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ; - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				nhánh: 1.000.000 đồng; - Đối với trường hợp đăng ký thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ của văn phòng đại diện, chi nhánh: 2.000.000 đồng.	
43	Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước. Mã thủ tục: 1.006427	- 4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ trường hợp Đặc cách cấp Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ; - 40,5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với Trường hợp không phải là đặc cách cấp	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Kinh phí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ do tổ chức, cá nhân đề nghị bảo đảm và chi trả. Mức chi áp dụng theo quy định hiện hành đối	- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013 và Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ 29/2013/QH13; - Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN ngày 06 tháng 3 năm 2015 của Bộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ.		với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.	Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ không sử dụng ngân sách nhà nước.
44	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Mã thủ tục: 2.002278	4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ.
45	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Mã thủ tục: 2.001525	- 4,5 ngày làm việc Trường hợp không bổ sung sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ, thời hạn cấp thay đổi nội dung Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ; - 8,5 ngày làm việc Trường hợp bổ sung sản phẩm hình thành từ kết	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		quả khoa học và công nghệ, thời hạn cấp thay đổi nội dung Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.			
46	Thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước. Mã thủ tục: 2.002722	40 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm phục vụ hành chính công cơ sở (nếu có); - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013 và Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước.
47	Thủ tục tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước.	64 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: - Kết thúc thời hạn nhận hồ sơ đăng ký	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm phục vụ hành chính công cơ sở (nếu có);	Không	- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013 và Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	Mã thủ tục: 2.002723	tuyển chọn trong thời hạn 07 ngày làm việc, cơ quan, đơn vị cấp cơ sở tổ chức mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở; - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả tư vấn của Hội đồng tuyển chọn, kết quả thẩm định của Tổ thẩm định kinh phí (nếu có), tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ gửi về cơ quan, đơn vị cấp cơ sở; Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp cơ sở quyết định theo thẩm quyền hoặc trình	- Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.		tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả tuyển chọn tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ và kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở theo quy định về tổ chức và hoạt động của mình.			
48	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước. Mã thủ tục: 2.002724	40 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm phục vụ hành chính công cơ sở (nếu có); - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013 và Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ 29/2013/QH13; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước.
49	Thủ tục cấp Giấy chứng	07 ngày làm việc kể từ	- Bộ phận tiếp nhận và trả	Không	- Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho tổ chức. Mã thủ tục: 1.013957	ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.		năm 2008; - Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội Quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Quyết định số 55/2010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 09 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục chứng nhận tổ chức, cá nhân hoạt động ứng dụng công nghệ cao, chứng nhận tổ chức, cá nhân nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và công nhận doanh nghiệp công nghệ cao; - Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển; - Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 04/2020/TT-BKHCN ngày 28/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					03/2014/TT-BKHCN.
50	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho cá nhân. Mã thủ tục: 1.013960	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008; - Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội Quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Quyết định số 55/2010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 09 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục chứng nhận tổ chức, cá nhân hoạt động ứng dụng công nghệ cao, chứng nhận tổ chức, cá nhân nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và công nhận doanh nghiệp công nghệ cao; - Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					- Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 04/2020/TT-BKHCN ngày 28/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao. - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023 về việc sửa

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.
51	Thủ tục đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam. Mã thủ tục: 3.000259	- 11,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 ngày 15/6/2022; - Nghị định số 18/2024/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ về Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các giải thưởng khác về khoa học và công nghệ.
52	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Mã thủ tục: 1.011818	03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013 và Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13; - Nghị định số 11/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CNM quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ; - Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ; - Căn cứ Thông tư 11/2023/TT-BKHCN ngày 26/6/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi Thông tư 14/2014/TT-BKHCN quy định thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Thông tư 10/2017/TT-BKHCN quy định về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.
53	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước. Mã thủ tục: 1.011820	03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013 và Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13; - Nghị định số 11/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					KH&CNM quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ; - Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ; - Căn cứ Thông tư 11/2023/TT-BKHCN ngày 26/6/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi Thông tư 14/2014/TT-BKHCN quy định thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Thông tư 10/2017/TT-BKHCN quy định về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.
54	Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu	Không	- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013 và Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	Mã thủ tục: 1.011819		chính.		điều của Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13; - Nghị định số 11/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CNM quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ; - Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ; - Căn cứ Thông tư 11/2023/TT-BKHCN ngày 26/6/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi Thông tư 14/2014/TT-BKHCN quy định thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Thông tư 10/2017/TT-BKHCN quy định về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.
55	Thủ tục xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa	70 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành	Không	- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013 và Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	học, chức danh công nghệ đối với cá nhân có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học và công nghệ. Mã thủ tục: 1.008377	đầy đủ, hợp lệ.	chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.		tạo số 93/2025/QH15; - Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ; - Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22/9/2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam.
56	Thủ tục xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác. Mã thủ tục: 1.008379	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013 và Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; - Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					hoạt động khoa học và công nghệ; - Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22/9/2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam.
II	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ: 22 TTHC				
1	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp. Mã thủ tục: 1.013955	20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ; 30 ngày làm việc hồ sơ có thiếu sót.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	- Phí thẩm định hồ sơ kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp (mỗi môn): 300.000 đ; - Phí phúc tra kiểm tra kết	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				quả nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp (mỗi môn): 150.000 đ.	hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.
2	Thủ tục cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp. Mã thủ tục: 1.013956	20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp: 250.000 đ	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.
3	Thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp. Mã thủ tục: 1.013958	20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					ngày 16 tháng 10 năm 2023.
4	Thủ tục thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp. Mã thủ tục:	20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
5	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp. Mã thủ tục: 1.013963	20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	- Phí kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp (mỗi môn): 300.000 đ - Phí phúc tra kết quả kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp (mỗi	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				môn): 150.000 đ	nước về sở hữu trí tuệ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.
6	Thủ tục ra Quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế. Mã thủ tục: 1.013973	60 ngày làm việc sau khi nhận hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 (được sửa đổi, bổ sung năm 2022); - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
7	Thủ tục yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc. Mã thủ tục: 1.013975	60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực	Không	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14 và Luật số 07/2022/QH15;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			tuyên hoặc qua dịch vụ bưu chính.		- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
8	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp. Mã thủ tục:1.013916	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đ; - Lệ phí đăng bạ Quyết định cấp chứng chỉ: 75.000 đồng. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí đăng bạ Quyết định cấp chứng chỉ: 150.000	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				đồng; - Lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 100.000 đồng. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí cấp Quyết định cấp chứng chỉ: 200.000 đồng.	mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.
9	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp. Mã thủ tục:1.013919	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đ;	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				- Lệ phí đăng bạ Quyết định cấp lại chứng chỉ: 75.000 đồng. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí đăng bạ Quyết định cấp lại chứng chỉ: 150.000 đồng; - Lệ phí cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 100.000 đ. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí cấp lại Quyết định cấp chứng	quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				chỉ: 200.000 đồng.	
10	Thủ tục thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp. Mã thủ tục: 1.013922	- 20 ngày làm việc (Trong trường hợp có quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền); - 50 ngày làm việc (Trong trường hợp tổ chức, cá nhân có yêu cầu thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp).	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Chưa có	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.
11	Thủ tục ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu ghi nhận tổ chức	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	Mã thủ tục: 1.013924		- Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đ; - Lệ phí đăng bạ Quyết định ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đồng. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí đăng bạ Quyết định ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000 đồng.	42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.
12	Thủ tục ghi nhận người đại diện sở hữu công	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại	Chưa có	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	nghiệp. Mã thủ tục: 1.013925	lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.		đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.
13	Thủ tục ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp. Mã thủ tục: 1.013928	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				250.000 đồng; - Lệ phí đăng bạ Quyết định ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đồng. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí đăng bạ Quyết định ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000 đồng	quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.
14	Thủ tục xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu	15 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại	- Lệ phí đăng bạ Quyết	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	công nghiệp. Mã thủ tục: 1.013942		Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	định xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đồng. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí đăng bạ Quyết định xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000 đồng; - Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000đ;	đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
15	Thủ tục xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp. Mã thủ tục: 1.013954	15 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đ; - Lệ phí đăng bạ Quyết định xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đồng. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí đăng bạ Quyết định xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000 đồng.	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.
16	Thủ tục cấp phó bản văn	24 ngày làm việc kể từ	- Bộ phận tiếp nhận và trả	- Phí đăng	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	bằng bảo hộ và cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ. Mã thủ tục: 1.013966	ngày tiếp nhận hồ sơ.	kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	bạ: 120.000 đồng/văn bằng; - Phí công bố: 120.000 đồng/yêu cầu.	ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; - Khoản 7 Điều 29 của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; - Điều 36 của Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Điểm 4.1 và 4.2 Mục B Phí sở hữu công nghiệp tại Biểu mức thu phí, lệ phí sở hữu công nghiệp (Ban hành kèm theo Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính).
17	Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất	50 ngày làm việc kể từ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại	- Phí thẩm định hồ sơ:	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	tượng sở hữu công nghiệp. Mã thủ tục: 1.013968	ngày tiếp nhận hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	230.000 đồng/văn bản; - Lệ phí cấp GCN ĐKHHĐ: 60.000 đồng/GCN. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí cấp văn bản bảo hộ: 120.000 đồng; - Phí đăng bạ: 120.000 đồng/văn bản; - Phí công bố: 120.000 đồng/yêu cầu.	đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; - Điều 10 của Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Khoản 2 Điều 58 của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; - Điểm 2.2 Mục A Lệ phí sở hữu công nghiệp; điểm 1.5, 4.1 và 4.2 Mục B Phí sở hữu công nghiệp tại Biểu mức thu phí, lệ phí sở hữu công nghiệp (Ban hành kèm theo Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính); - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.
18	Thủ tục ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp. Mã thủ tục: 1.013970	21 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	- Phí thẩm định hồ sơ: 160.000 đồng/văn bản; - Phí đăng bạ: 120.000 đồng/văn bản; - Phí công bố: 120.000 đồng/yêu cầu.	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; - Điều 42 của Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Điều 61 của Nghị định số 65/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; - Điểm 1.6, 4.1 và 4.2 Mục B Phí sở hữu công nghiệp tại Biểu mức thu phí, lệ phí sở hữu công nghiệp (Ban hành kèm theo Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					Bộ Tài chính).
19	Thủ tục cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp. Mã thủ tục: 1.013972	21 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	- Phí đăng bạ: 120.000 đồng/văn bản; - Phí công bố: 120.000 đồng/yêu cầu.	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; - Điều 37 của Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Khoản 7 Điều 29 của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; - Điểm 4.1 và 4.2 Mục B Phí sở hữu công nghiệp tại Biểu mức thu phí, lệ phí sở hữu công nghiệp (Ban hành kèm theo Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					chính).
20	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp. Mã thủ tục: 1.011937	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020.
21	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp.	9,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;	250.000đ	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	Mã thủ tục: 1.011938		- Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.		42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020.
22	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp. Mã thủ tục: 1.011939	42 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	250.000đ	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020.
III. Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 47 TTHC					
1	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân. Mã thủ tục: 2.002253	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21/11/2007; - Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 ngày 15/6/2022; - Quyết định số 51/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tổ chức xét tôn vinh danh hiệu và trao giải thưởng cho doanh nhân và doanh nghiệp; - Thông tư số 06/2009/TT-BKHCN ngày 03/4/2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về điều kiện, thủ tục xét tặng giải thưởng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân; - Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN ngày 08/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia; - Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
2	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Mã thủ tục: 3.000453	7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					- Nghị định số 107/2016/NĐ- CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định số 154/2018/NĐ- CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; - Nghị định số 133/2025/NĐ- CP ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
3	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Mã thủ tục: 3.000451	7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					- Nghị định số 107/2016/NĐ- CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định số 154/2018/NĐ- CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; - Nghị định số 133/2025/NĐ- CP ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
4	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Mã thủ tục: 3.000454	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 107/2016/NĐ- CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định số 154/2018/NĐ- CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; - Nghị định số 133/2025/NĐ- CP ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
5	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng. Mã thủ tục: 3.000455	7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 107/2016/NĐ- CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định số 154/2018/NĐ- CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; - Nghị định số 133/2025/NĐ- CP ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
6	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng. Mã thủ tục: 3.000456	7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 107/2016/NĐ- CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định số 154/2018/NĐ- CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; - Nghị định số 133/2025/NĐ- CP ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
7	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng. Mã thủ tục: 3.000457	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 107/2016/NĐ- CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định số 154/2018/NĐ- CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; - Nghị định số 133/2025/NĐ- CP ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
8	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư	- Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: 10 ngày. - Trường hợp cần thiết phải đánh giá thực tế: 20 ngày.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước; - Thông tư số 26/2014/TT-BKH&CN ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	vấn. Mã thủ tục: 3.000475				10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước; - Thông tư số 07/2024/TT-BKHCHN ngày 08/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia; - Thông tư số 07/2025/TT-BKHCHN ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
9	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất	- Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: 10 ngày; - Trường hợp cần thiết	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành	Không	- Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn. Mã thủ tục: 3.000476	phải đánh giá thực tế, trong thời hạn 20 ngày.	chính công tỉnh - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.		lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước; - Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước; - Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN ngày 08/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia; - Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
10	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập. Mã thủ tục: 3.000475	- Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: 10 ngày; - Trường hợp cần thiết phải đánh giá thực tế: 20 ngày.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước; - Thông tư số 26/2014/TT-BKHHCN ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước; - Thông tư số 07/2024/TT-BKHHCN ngày 08/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia; - Thông tư số 07/2025/TT-BKHHCN ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
11	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập. Mã thủ tục: 3.000476	- Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: 10 ngày; - Trường hợp cần thiết phải đánh giá thực tế: 20 ngày.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước; - Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước; - Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN ngày 08/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia; - Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
12	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận. Mã thủ tục: 3.000479	- Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: 10 ngày; - Trường hợp cần thiết phải đánh giá thực tế: 20 ngày.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước; - Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước; - Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN ngày 08/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia; - Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
13	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận.	- Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: 10 ngày; - Trường hợp cần thiết phải đánh giá thực tế: 20 ngày.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước; - Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	Mã thủ tục: 3.000480				tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước; - Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN ngày 08/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia; - Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
14	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001	03 ngày làm việc	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực	Không	- Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức chứng nhận và thẻ cho chuyên gia trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc. Mã thủ tục: 3.000481		tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.		cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước; - Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước; - Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN ngày 08/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia; - Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
15	Thủ tục cấp bổ sung thẻ chuyên gia tư vấn, thẻ chuyên gia đánh giá cho tổ chức tư vấn, tổ chức chứng nhận. Mã số: 3.000482	10 ngày khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước; - Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước; - Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN ngày 08/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia; - Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về phân cấp,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
16	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước. Mã thủ tục: 3.000483	- 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước; - Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước; - Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN ngày 08/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					bộ trưởng bộ khoa học và công nghệ liên quan đến ủy ban tiêu chuẩn đo lường chất lượng quốc gia; - Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ khoa học và công nghệ.
17	Thủ tục đăng ký cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước. Mã thủ tục: 3.000484	- 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước; - Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					thuộc hệ thống hành chính nhà nước; - Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN ngày 08/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của bộ trưởng bộ khoa học và công nghệ liên quan đến ủy ban tiêu chuẩn đo lường chất lượng quốc gia; - Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ khoa học và công nghệ.
18	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc.	- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước; - Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	Mã thủ tục: 3.000485				tiết thi hành quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước; - Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN ngày 08/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của bộ trưởng bộ khoa học và công nghệ liên quan đến ủy ban tiêu chuẩn đo lường chất lượng quốc gia; - Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ khoa học và công nghệ.
19	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý.	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 10 ngày làm việc; - Trường hợp hồ sơ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;	Không	- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	Mã thủ tục: 3.000461	chưa đầy đủ, hợp lệ: 05 ngày làm việc.	- Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.		hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
20	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 10 ngày làm việc;	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành	Không	- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	sản phẩm, hệ thống quản lý. Mã thủ tục: 3.000462	- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: 05 ngày làm việc.	chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.		hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
21	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản	- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành	Không	- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	phẩm, hệ thống quản lý. Mã thủ tục: 3.000464		chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.		hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
22	Thủ tục cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố đủ năng lực thực hiện	- 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007; - Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	hoạt động đào tạo. Mã thủ tục: 3.000486		chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.		31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Thông tư 36/2014/TT-BKHCN ngày 12/12/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định hoạt động đào tạo chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý và chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm của tổ chức đánh giá sự phù hợp; - Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN ngày 08/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của bộ trưởng bộ khoa học và công nghệ liên quan đến ủy ban tiêu chuẩn đo lường chất lượng quốc gia; - Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ khoa học và công nghệ.
23	Thủ tục cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố	- 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	bổ sung, điều chỉnh phạm vi đào tạo. Mã thủ tục: 3.000487	đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.		ngày 21/11/2007; - Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Thông tư 36/2014/TT-BKHCN ngày 12/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định hoạt động đào tạo chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý và chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm của tổ chức đánh giá sự phù hợp; - Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN ngày 08/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của bộ trưởng bộ khoa học và công nghệ liên quan đến ủy ban tiêu chuẩn đo lường chất lượng quốc gia; - Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ khoa

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					học và công nghệ.
24	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Mã thủ tục: 3.000458	- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; - 05 ngày làm việc đối với trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					của Bộ Khoa học và Công nghệ.
25	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Mã thủ tục: 3.000460	- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; - 05 ngày làm việc đối với trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					của Bộ Khoa học và Công nghệ.
26	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Mã thủ tục: 3.000459	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
27	Thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2. Mã thủ tục: 3.000469	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 10 ngày; - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: 07 ngày làm việc.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Đo lường 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường; - Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quân lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; - Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20/6/2025 quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					của Bộ Khoa học và Công nghệ.
28	Thủ tục điều chỉnh quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2. Mã thủ tục: 3.000470	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 07 ngày làm việc; - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: 05 ngày làm việc.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Đo lường 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường; - Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; - Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20/6/2025 quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
29	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường. Mã thủ tục: 3.000471	03 ngày làm việc	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Đo lường 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường; - Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; - Thông tư số 07/2025/TT-BKH&CN ngày 20/6/2025 quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
30	Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường. Mã thủ tục: 3.000488	Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 10 ngày (mười) làm việc.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Đo lường: 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; - Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20/6/2025 quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ
31	Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường.	Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 10 ngày làm việc.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực	Không	- Luật Đo lường: 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	Mã thủ tục: 3.000472		tuyển hoặc qua dịch vụ bưu chính.		định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; - Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20/6/2025 quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
32	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường. Mã thủ tục: 3.000473	03 ngày làm việc	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Đo lường: 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; - Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20/6/2025 quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
33	Thủ tục Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh. Mã thủ tục: 2.001207	2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	150.000đ/hồ sơ	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11; - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (có hiệu lực từ ngày 03/9/2007); - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (có hiệu lực từ ngày 27/01/2013); - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (có hiệu lực từ ngày 15/5/2017); - Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí.
34	Thủ tục Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận. Mã thủ tục: 2.001209	2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	150.000đ/hồ sơ	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11; - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (có hiệu lực từ ngày 03/9/2007); - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					thuật (có hiệu lực từ ngày 27/01/2013); - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (có hiệu lực từ ngày 15/5/2017); - Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí.
35	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành. Mã thủ tục: 2.001277	2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	150.000đ/hồ sơ	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12; - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (có hiệu lực từ ngày 03/9/2007); - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (hiệu lực thi hành từ ngày 01/02/2009); - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (có hiệu lực từ ngày 27/01/2013); - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (có hiệu lực từ ngày 15/5/2017); - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Thông tư số 06/2020/TT-BKHCN ngày 10/12/2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 và Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2024/TT-BTTTT ngày 29/3/2024 của Bộ TT&TT quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông; - Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy (có hiệu lực từ ngày 01/01/2017); - Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017.
36	Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu. Mã thủ tục: 1.001392	3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (có hiệu lực từ ngày 01/7/2008); - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; - Thông tư số 06/2020/TT-BKHCN ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Bộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					Khoa học và Công nghệ ban hành quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 và Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ.
37	Thủ tục cấp giấy xác nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm hàng hóa của tổ chức, cá nhân. Mã thủ tục: 2.002253	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2022; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá năm 2007; - Thông tư số 06/2009/TT-BKHCN ngày 03/4/2009 của Bộ KH&CN hướng dẫn về điều kiện, thủ tục xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân; - Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN ngày 08/10/2024 của Bộ KH&CN sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của bộ trưởng bộ khoa học và công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng quốc gia; - Thông tư số 15/2025/TT-BNV ngày 04/8/2025 của Bộ Nội vụ quy định biện

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.
38	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu. Mã thủ tục: 2.001259	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá năm 2007; - Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN ngày 08/10/2024 của Bộ KH&CN sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của bộ trưởng bộ khoa học và công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng quốc gia; - Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thi đua, khen thưởng; - Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24/2/2024 Quy định biện pháp thi hành luật thi đua, khen thưởng và nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
39	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng. Mã thủ tục: 2.000212	2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Đo lường năm 2011; - Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đo lường; - Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về Nhãn hàng hóa; - Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; - Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN ngày 15/7/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn.
40	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng. Mã thủ tục: 1.000449	2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Đo lường năm 2011; - Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đo lường; - Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về Nhãn hàng hóa;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					- Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; - Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN ngày 15/7/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn.
41	Cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp. Mã thủ tục: 2.001501	3,5 ngày làm việc nếu hồ sơ đầy đủ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá; - Quyết định số 3727/QĐ-BKHCN ngày về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng và thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ 06/8/20218 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
42	Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận. Mã thủ tục: 2.001208	19 ngày làm việc nếu hồ sơ đầy đủ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá; - Quyết định số 3727/QĐ-BKHCN ngày về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng và thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ 06/8/20218 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
43	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định. Mã thủ tục: 2.001100	19 ngày làm việc nếu hồ sơ đầy đủ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Quyết định số 3727/QĐ-BKH&CN ngày về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng và thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ 06/8/20218 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
44	Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia. Mã thủ tục: 2.001269	Hằng năm	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Thông tư số 27/2019/TT-BKHCN ngày 26/12/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về Giải thưởng Chất lượng Quốc gia; - Quyết định số 1310/QĐ-BKHCN ngày 22/7/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Tiêu

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					chuẩn Đo lường chất lượng thuộc phạm vi chức năng quản lý của bộ Khoa học và công nghệ.
45	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường. Mã thủ tục: 1.002267	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 05 ngày làm việc; - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: 03 ngày làm việc.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011; - Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; - Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
46	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường. Mã thủ tục: 1.011055	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 05 ngày làm việc; - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: 03 ngày làm việc.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011; - Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; - Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					chuyên ngành; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
47	Thủ tục chấm dứt hiệu lực hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký khi nhận được đề nghị không tiếp tục thực hiện toàn bộ lĩnh vực hoạt động đã được chứng nhận đăng ký của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, Mã thủ tục: 3.000452	03 ngày làm việc	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011; - Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; - Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
IV	Lĩnh vực Năng lượng nguyên tử: 14 TTHC				
1	Thủ tục cấp giấy phép sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh. Mã thủ tục: 1.013951	401 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phí, lệ phí (nếu có) theo quy định.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	- Phí thẩm định cấp giấy phép: + Sử dụng thiết bị phân tích huỳnh quang tia X: 4.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị phát tia X dùng trong soi kiểm tra bo	- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008; - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25/02/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				mạch: 4.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị phát tia X dùng trong kiểm tra an ninh: 4.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X-quang chụp cắt lớp vi tính (CT Scanner): 8.000.000 đồng/ 1 thiết bị. + Sử dụng hệ thiết bị PET/CT: 16.000.000 đồng/ 1 thiết bị;	CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, liên tịch ban hành; - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư quy định về phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				- Việc thực hiện nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ theo hình thức trực tuyến (trừ thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN) kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 được áp dụng mức thu phí bằng 90% mức thu phí theo quy định được nêu ở trên; - Lệ phí cấp	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				giấy phép: Không.	
2	Thủ tục cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn trong sử dụng thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh. Mã thủ tục: 1.013971	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và lệ phí (nếu có) theo quy định.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	- Phí: Không; - Lệ phí: 200.000 đồng/ 1 chứng chỉ.	Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008; - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25/02/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; - Quyết định số 153/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục An toàn bức xạ và hạt nhân;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					- Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư quy định về phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến.
3	Thủ tục khai báo thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh. Mã thủ tục: 1.013948	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ khai báo.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008; - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25/02/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.
4	Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh. Mã thủ tục: 1.014204	24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phí, lệ phí theo quy định.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	1. Phí thẩm định cấp giấy phép: 75% phí thẩm định cấp giấy phép mới. Việc thực hiện nộp hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 được áp	- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008; - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				dụng mức thu phí bằng 90% mức thu phí theo quy định được nêu ở trên. 2. Lệ phí cấp giấy phép: Không.	Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, liên tịch ban hành; - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử; - Thông tư 116/2021/TT-BTC ngày 22/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 287/2016/TTBTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư quy định về phí, lệ phí của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến.
5	Sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh. Mã thủ tục: 1.014206	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008; - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, liên tịch ban hành; - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư quy định về phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến.
6	Bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.	24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008; - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định 21 định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	Mã thủ tục: 1.014207				ngày 25/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 13/2023/TT-BKHHCN ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, liên tịch ban hành; - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.
7	Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X,	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008; - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh Mã thủ tục: 1.014205				12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, liên tịch ban hành; - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử; - Thông tư 116/2021/TT-BTC ngày 22/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 287/2016/TT-BTC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư quy định về phí, lệ phí.
8	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế. Mã thủ tục: 2.002385	4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008; - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, liên tịch ban hành.
9	Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế). Mã thủ tục: 2.002379	7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	- Phí: Không. - Lệ phí: 200.000 đồng/ 1 chứng chỉ.	- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008; - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Bộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, liên tịch ban hành.
10	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế. Mã thủ tục: 2.002381	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	- Phí thẩm định cấp giấy phép: 75% phí thẩm định cấp giấy phép mới. - Lệ phí cấp giấy phép: Không.	- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008; - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					tử; - Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, liên tịch ban hành.
11	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế. Mã thủ tục: 2.002382	7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008; - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, liên tịch ban hành.
12	Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế. Mã thủ tục: 2.002383	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008; - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					- Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, liên tịch ban hành.
13	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu	Không	- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008; - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	Mã thủ tục: 2.002384		chính.		động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, liên tịch ban hành.
14	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành	- Phí thẩm định cấp giấy phép:	- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	chẩn đoán trong y tế. Mã thủ tục: 2.002380		chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	+ Sử dụng thiết bị X-quang chụp răng: 2.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X-quang chụp vú: 2.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X-quang di động: 2.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán thông thường: 3.000.000 đồng/1 thiết bị.	- Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử. - Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, liên tịch ban hành.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				bị. + Sử dụng thiết bị đo mật độ xương: 3.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X-quang tăng sóng truyền hình: 5.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X-quang chụp cắt lớp vi tính (CT Scanner): 8.000.000 đồng/ 1 thiết bị. + Sử dụng hệ thiết bị	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				PET/CT: 16.000.000 đồng/1 thiết bị; - Lệ phí cấp giấy phép: Không.	
V	Lĩnh vực Viễn thông - Internet: 24 TTHC				
1	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Mã thủ tục: 1.013819	45 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Viễn thông năm 2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
2	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ Không hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất). Mã thủ tục: 1.013877	45 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Viễn thông năm 2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
3	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà	Không	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Viễn thông năm 2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông. Mã thủ tục: 1.013885				
4	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí	Không	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Viễn thông năm 2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ Không hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông. Mã thủ tục: 1.013888				quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
5	Đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông. Mã thủ tục: 1.013912	08 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực	Không	- Luật Viễn thông năm 2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			tuyển hoặc qua dịch vụ bưu chính.		- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
6	Thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ fax gia tăng giá trị. Mã thủ tục: 1.013897	03 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Viễn thông năm 2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
7	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông Không hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất). Mã thủ tục: 1.013899	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và phí, lệ phí theo quy định.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ	- Luật Viễn thông năm 2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				thể như sau: - Phí dịch vụ viễn thông: Dưới 20 tỷ đồng: 50 triệu đồng; Từ 20 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng: 250 triệu đồng; Từ 50 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ đồng: 400 triệu đồng; Từ 100 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng: 01 tỷ đồng; Từ 1.000 tỷ đồng đến dưới 10.000 tỷ đồng: 10 tỷ đồng; Từ	Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				10.000 tỷ đồng đến dưới 20.000 tỷ đồng: 100 tỷ đồng; Từ 20.000 tỷ đồng đến dưới 30.000 tỷ đồng: 150 tỷ đồng; Từ 40.000 tỷ đồng đến dưới 50.000 tỷ đồng: 250 tỷ đồng; Từ 50.000 tỷ đồng trở lên: 300 tỷ đồng; - Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép.	
8	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và phí, lệ phí theo quy định.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành	Thực hiện theo Thông tư số	- Luật Viễn thông năm 2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Mã thủ tục: 1.013900		chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng (nộp hàng năm): + Thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện: 1) Phạm vi một tỉnh, thành	pháp thi hành Luật Viễn thông; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				phổ trực thuộc Trung ương: 100 triệu đồng; 2) Phạm vi khu vực: 300 triệu đồng; 3) Phạm vi toàn quốc: 600 triệu đồng; + Thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất có sử dụng băng tần số vô tuyến điện: 1) Phạm vi khu vực: 800 triệu đồng; 2) Phạm vi toàn quốc: 2.000	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				triệu đồng; + Thiết lập mạng viễn thông công cộng di động mặt đất có sử dụng kênh tần số vô tuyến điện: 200 triệu đồng; + Thiết lập mạng viễn thông công cộng di động mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện (MVNO): 2.000 triệu đồng; + Thiết lập mạng viễn	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				thông công cộng di động mặt đất có sử dụng băng tần số vô tuyến điện: 5.000 triệu đồng; + Thiết lập mạng viễn thông công cố định vệ tinh: 100 triệu đồng; + Thiết lập mạng viễn thông công cộng di động vệ tinh: 100 triệu đồng; - Phí dịch vụ viễn thông: Dưới 20 tỷ đồng: 50 triệu đồng;	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				Từ 20 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng: 250 triệu đồng; Từ 50 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ đồng: 400 triệu đồng; Từ 100 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng: 01 tỷ đồng; Từ 1.000 tỷ đồng đến dưới 10.000 tỷ đồng: 10 tỷ đồng; Từ 10.000 tỷ đồng đến dưới 20.000 tỷ đồng: 100 tỷ đồng; Từ 20.000 tỷ	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				đồng đến dưới 30.000 tỷ đồng: 150 tỷ đồng; Từ 40.000 tỷ đồng đến dưới 50.000 tỷ đồng: 250 tỷ đồng; Từ 50.000 tỷ đồng trở lên: 300 tỷ đồng; - Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép	
9	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông Không hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và phí, lệ phí theo quy định.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ	- Luật Viễn thông năm 2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. Mã thủ tục: 1.013901			thể như sau: - Phí dịch vụ viễn thông: Dưới 20 tỷ đồng: 50 triệu đồng; Từ 20 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng: 250 triệu đồng; Từ 50 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ đồng: 400 triệu đồng; Từ 100 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng: 01 tỷ đồng; Từ 1.000 tỷ đồng đến dưới 10.000 tỷ đồng: 10 tỷ đồng; Từ	Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				10.000 tỷ đồng đến dưới 20.000 tỷ đồng: 100 tỷ đồng; Từ 20.000 tỷ đồng đến dưới 30.000 tỷ đồng: 150 tỷ đồng; Từ 40.000 tỷ đồng đến dưới 50.000 tỷ đồng: 250 tỷ đồng; Từ 50.000 tỷ đồng trở lên: 300 tỷ đồng; - Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép	
10	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông Không hạ tầng	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và phí, lệ phí theo quy định.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành	Thực hiện theo Thông tư số	- Luật Viễn thông năm 2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. Mã thủ tục: 1.013902		chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Phí dịch vụ viễn thông: Dưới 20 tỷ đồng: 50 triệu đồng; Từ 20 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng: 250 triệu đồng; Từ 50 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ đồng: 400 triệu đồng; Từ 100 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng: 01 tỷ	quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				đồng; Từ 1.000 tỷ đồng đến dưới 10.000 tỷ đồng: 10 tỷ đồng; Từ 10.000 tỷ đồng đến dưới 20.000 tỷ đồng: 100 tỷ đồng; Từ 20.000 tỷ đồng đến dưới 30.000 tỷ đồng: 150 tỷ đồng; Từ 40.000 tỷ đồng đến dưới 50.000 tỷ đồng: 250 tỷ đồng; Từ 50.000 tỷ đồng trở lên: 300 tỷ đồng; - Lệ phí: 500.000	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				đồng/giấy phép	
11	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. Mã thủ tục: 1.013903	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và phí, lệ phí theo quy định.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng (nộp hàng năm): + Thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng	- Luật Viễn thông năm 2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				tần số vô tuyến điện: 1) Phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: 100 triệu đồng; 2) Phạm vi khu vực: 300 triệu đồng; 3) Phạm vi toàn quốc: 600 triệu đồng; + Thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất có sử dụng băng tần số vô tuyến điện: 1) Phạm vi khu vực: 800 triệu đồng; 2)	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				Phạm vi toàn quốc: 2.000 triệu đồng; + Thiết lập mạng viễn thông công cộng di động mặt đất có sử dụng kênh tần số vô tuyến điện: 200 triệu đồng; + Thiết lập mạng viễn thông công cộng di động mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện (MVNO): 2.000 triệu đồng;	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				+ Thiết lập mạng viễn thông công cộng di động mặt đất có sử dụng băng tần số vô tuyến điện: 5.000 triệu đồng; + Thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định vệ tinh: 100 triệu đồng; + Thiết lập mạng viễn thông công cộng di động vệ tinh: 100 triệu đồng. - Phí dịch vụ viễn thông: Dưới 20 tỷ	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				đồng: 50 triệu đồng; Từ 20 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng: 250 triệu đồng; Từ 50 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ đồng: 400 triệu đồng; Từ 100 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng: 01 tỷ đồng; Từ 1.000 tỷ đồng đến dưới 10.000 tỷ đồng: 10 tỷ đồng; Từ 10.000 tỷ đồng đến dưới 20.000 tỷ đồng: 100 tỷ đồng; Từ	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				20.000 tỷ đồng đến dưới 30.000 tỷ đồng: 150 tỷ đồng; Từ 40.000 tỷ đồng đến dưới 50.000 tỷ đồng: 250 tỷ đồng; Từ 50.000 tỷ đồng trở lên: 300 tỷ đồng; - Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép	
12	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và phí, lệ phí theo quy định.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ	- Luật Viễn thông năm 2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. Mã thủ tục: 1.013904			Tài chính, cụ thể như sau: - Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng (nộp hàng năm): + Thiết lập mạng viễn thông công cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện: 1) Phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: 100 triệu đồng; 2) Phạm vi khu vực: 300 triệu đồng; 3)	Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				Phạm vi toàn quốc: 600 triệu đồng; + Thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất có sử dụng băng tần số vô tuyến điện: 1) Phạm vi khu vực: 800 triệu đồng; 2) Phạm vi toàn quốc: 2.000 triệu đồng; + Thiết lập mạng viễn thông công cộng di động mặt đất có sử dụng kênh tần số vô tuyến điện:	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				200 triệu đồng; + Thiết lập mạng viễn thông công cộng di động mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện (MVNO): 2.000 triệu đồng; + Thiết lập mạng viễn thông công cộng di động mặt đất có sử dụng băng tần số vô tuyến điện: 5.000 triệu đồng; + Thiết lập	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				mạng viễn thông công cộng cố định vệ tinh: 100 triệu đồng; + Thiết lập mạng viễn thông công cộng di động vệ tinh: 100 triệu đồng; - Phí dịch vụ viễn thông: Dưới 20 tỷ đồng: 50 triệu đồng; Từ 20 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng: 250 triệu đồng; Từ 50 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				đồng: 400 triệu đồng; Từ 100 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng: 01 tỷ đồng; Từ 1.000 tỷ đồng đến dưới 10.000 tỷ đồng: 10 tỷ đồng; Từ 10.000 tỷ đồng đến dưới 20.000 tỷ đồng: 100 tỷ đồng; Từ 20.000 tỷ đồng đến dưới 30.000 tỷ đồng: 150 tỷ đồng; Từ 40.000 tỷ đồng đến	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				dưới 50.000 tỷ đồng: 250 tỷ đồng; Từ 50.000 tỷ đồng trở lên: 300 tỷ đồng; - Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép	
13	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Mã thủ tục: 1.013905	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và phí, lệ phí theo quy định.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: Phí thiết lập mạng viễn thông công	- Luật Viễn thông năm 2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				cộng: + Thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện: 1) Phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: 100 triệu đồng; 2) Phạm vi khu vực: 300 triệu đồng; 3) Phạm vi toàn quốc: 600 triệu đồng; + Thiết lập	giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất có sử dụng băng tần số vô tuyến điện: 1) Phạm vi khu vực: 800 triệu đồng; 2) Phạm vi toàn quốc: 2.000 triệu đồng; + Thiết lập mạng viễn thông công cộng di động mặt đất có sử dụng kênh tần số vô tuyến điện: 200 triệu đồng; + Thiết lập	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				mạng viễn thông công cộng di động mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện (MVNO): 2.000 triệu đồng; + Thiết lập mạng viễn thông công cộng di động mặt đất có sử dụng băng tần số vô tuyến điện: 5.000 triệu đồng; + Thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				vệ tinh: 100 triệu đồng; + Thiết lập mạng viễn thông công cộng di động vệ tinh: 100 triệu đồng; - Phí dịch vụ viễn thông: Dưới 20 tỷ đồng: 50 triệu đồng; Từ 20 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng: 250 triệu đồng; Từ 50 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ đồng: 400 triệu đồng; Từ 100 tỷ đồng đến	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				dưới 1.000 tỷ đồng; 01 tỷ đồng; Từ 1.000 tỷ đồng đến dưới 10.000 tỷ đồng; 10 tỷ đồng; Từ 10.000 tỷ đồng đến dưới 20.000 tỷ đồng; 100 tỷ đồng; Từ 20.000 tỷ đồng đến dưới 30.000 tỷ đồng; 150 tỷ đồng; Từ 40.000 tỷ đồng đến dưới 50.000 tỷ đồng; 250 tỷ đồng; Từ 50.000 tỷ đồng trở lên: 300 tỷ đồng;	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				- Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép	
14	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông Không hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất). Mã thủ tục: 1.013906	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và phí, lệ phí theo quy định.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Phí dịch vụ viễn thông: Dưới 20 tỷ đồng: 50 triệu đồng; Từ 20 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng: 250 triệu đồng; Từ 50 tỷ	- Luật Viễn thông năm 2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				đồng đến dưới 100 tỷ đồng: 400 triệu đồng; Từ 100 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng: 01 tỷ đồng; Từ 1.000 tỷ đồng đến dưới 10.000 tỷ đồng: 10 tỷ đồng; Từ 10.000 tỷ đồng đến dưới 20.000 tỷ đồng: 100 tỷ đồng; Từ 20.000 tỷ đồng đến dưới 30.000 tỷ đồng: 150 tỷ đồng; Từ 40.000 tỷ đồng đến dưới 50.000	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				tỷ đồng: 250 tỷ đồng; Từ 50.000 tỷ đồng trở lên: 300 tỷ đồng; - Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép	
15	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Mã thủ tục: 1.013907	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và lệ phí theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Phí: Không - Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép	- Luật Viễn thông năm 2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					thông.
16	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông Không hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất). Mã thủ tục: 1.013976	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và phí, lệ phí theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Phí dịch vụ viễn thông: Dưới 20 tỷ đồng: 50 triệu đồng; Từ 20 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng: 250 triệu đồng; Từ 50 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ đồng: 400	- Luật Viễn thông năm 2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				triệu đồng; Từ 100 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng: 01 tỷ đồng; Từ 1.000 tỷ đồng đến dưới 10.000 tỷ đồng: 10 tỷ đồng; Từ 10.000 tỷ đồng đến dưới 20.000 tỷ đồng: 100 tỷ đồng; Từ 20.000 tỷ đồng đến dưới 30.000 tỷ đồng: 150 tỷ đồng; Từ 40.000 tỷ đồng đến dưới 50.000 tỷ đồng: 250 tỷ đồng; Từ	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				50.000 tỷ đồng trở lên: 300 tỷ đồng; - Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép	
17	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông Không hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông. Mã thủ tục: 1.013908	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và phí theo quy định.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Phí: Doanh nghiệp phải nộp phí cung cấp dịch vụ viễn thông hết quý có ngày thu hồi giấy phép.	- Luật Viễn thông năm 2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				Thời điểm nộp phí trước ngày giấy phép bị thu hồi; - Lệ phí: không.	
18	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Mã thủ tục: 1.013909	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và phí theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Phí: Doanh nghiệp phải nộp phí cung cấp dịch vụ viễn thông hết quý có ngày thu hồi giấy phép.	- Luật Viễn thông năm 2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				Thời điểm nộp phí trước ngày giấy phép bị thu hồi; - Lệ phí: không.	
19	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động. Mã thủ tục: 1.013913	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Viễn thông năm 2023; - Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
20	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động. Mã thủ tục: 1.013914	05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Viễn thông năm 2023; - Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
21	Gia hạn chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động. Mã thủ tục: 1.013915	05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Viễn thông năm 2023; - Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
22	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động. Mã thủ tục: 1.013917	05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Viễn thông năm 2023; - Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
23	Phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá. Mã thủ tục: 1.013910	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.		Không	- Luật Viễn thông năm 2023; - Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
24	Hoàn trả số thuê bao di động H2H được phân bổ theo phương thức đấu giá. Mã thủ tục: 1.013911	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Viễn thông năm 2023; - Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
VI	Lĩnh vực Tần số vô tuyến điện: 20 TTHC				
1	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại	Theo quy định của Bộ	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá. Mã thủ tục: 2.002777	đủ, đúng quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Tài chính.	một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
2	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá. Mã thủ tục: 2.002778	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Theo quy định của Bộ Tài chính.	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					Công nghệ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
3	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá. Mã thủ tục: 2.002775	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Theo quy định của Bộ Tài chính.	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số <u>265/2016/TT-BTC</u> ngày 14/11/2016.
4	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá. Mã thủ tục: 2.002779	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Theo quy định của Bộ Tài chính.	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số <u>265/2016/TT-BTC</u> ngày 14/11/2016.
5	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại	Theo quy định của Bộ	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư. Mã thủ tục: 2.002781	đủ, đúng quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Tài chính.	một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016
6	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư. Mã thủ tục: 2.002782	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Theo quy định của Bộ Tài chính.	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					Công nghệ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016
7	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư. Mã thủ tục: 2.002776	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Theo quy định của Bộ Tài chính.	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số <u>265/2016/TT-BTC</u> ngày 14/11/2016
8	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư. Mã thủ tục: 2.002787	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Theo quy định của Bộ Tài chính.	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số <u>265/2016/TT-BTC</u> ngày 14/11/2016
9	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại	Theo quy định của Bộ	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế). Mã thủ tục: 2.002783	đủ, đúng quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Tài chính.	một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016
10	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế). Mã thủ tục: 2.002784	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Theo quy định của Bộ Tài chính.	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					- Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016
11	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế). Mã thủ tục: 2.002785	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Theo quy định của Bộ Tài chính.	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					bổ sung một số điều của Thông tư số <u>265/2016/TT-BTC</u> ngày 14/11/2016
12	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế). Mã thủ tục: 2.002786	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Theo quy định của Bộ Tài chính.	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số <u>265/2016/TT-BTC</u> ngày 14/11/2016
13	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ.	22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;	Theo quy định của Bộ Tài chính.	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	Mã thủ tục: 2.002788		- Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.		12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016
14	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ. Mã thủ tục: 2.002789	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Theo quy định của Bộ Tài chính.	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số <u>265/2016/TT-BTC</u> ngày 14/11/2016. - Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. - Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
15	Cấp đổi giấy phép sử	07 ngày kể từ ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả	Theo quy	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ. Mã thủ tục: 2.002780	nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	định của Bộ Tài chính.	23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
16	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ. Mã thủ tục: 2.002790	22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Theo quy định của Bộ Tài chính.	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					Công nghệ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19; - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp; - Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu một số khoản

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
17	Cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư. Mã thủ tục: 1.013935	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
18	Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư. Mã thủ tục: 2.002793	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
19	Cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;	Không	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	Mã thủ tục: 2.002791		- Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.		- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
20	Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải. Mã thủ tục: 2.002792	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
VII Lĩnh vực Bưu chính: 07 TTHC					
1	Cấp Giấy phép bưu chính. Mã thủ tục: 1.003659	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	- Trường hợp thẩm định cấp phép lần đầu: 10.750.000 đ; - Trường hợp chuyển nhượng toàn bộ doanh nghiệp do	- Luật Bưu chính số 49/2010/QH ngày 28/6/2010; - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính; - Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ quy định chi

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				mua bán, sáp nhập doanh nghiệp: 4.250.000 đ.	tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính; - Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính; - Thông tư 25/2020/TT-BTC ngày 14/4/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính; - Quyết định số 882/QĐ-BTTTT ngày 10/05/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bưu chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.
2	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép bưu chính. Mã thủ tục: 1.003687	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực	- Trường hợp mở rộng phạm vi cung ứng dịch vụ nội tỉnh: 2.750.000	- Luật Bưu chính số 49/2010/QH ngày 28/6/2010; - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	đồng; - Trường hợp thay đổi các nội dung khác trong giấy phép: 750.000 đồng.	Bưu chính; - Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính; - Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính; - Thông tư 25/2020/TT-BTC ngày 14/4/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính; - Quyết định số 882/QĐ-BTTTT ngày 10/05/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bưu chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
3	Cấp lại Giấy phép bưu chính khi hết hạn. Mã thủ tục: 1.003633	5,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	5.375.000 đồng	- Luật Bưu chính số 49/2010/QH ngày 28/6/2010; - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính; - Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính; - Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính; - Thông tư 25/2020/TT-BTC ngày 14/4/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính; - Quyết định số 882/QĐ-BTTTT ngày 10/05/2022 của Bộ Thông tin và

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					Truyền thông về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bưu chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.
4	Cấp lại Giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được. Mã thủ tục: 1.004379	4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	500.000 đồng	- Luật Bưu chính số 49/2010/QH ngày 28/6/2010; - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính; - Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính; - Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính; - Thông tư 25/2020/TT-BTC ngày 14/4/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính; - Quyết định số 882/QĐ-BTTTT ngày 10/05/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bưu chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.
5	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính. Mã thủ tục: 1.004470	51/2 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	- Trường hợp tự cung ứng dịch vụ phạm vi nội tỉnh: 1.250.000 đồng; - Trường hợp với chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính được thành lập theo pháp luật Việt	- Luật Bưu chính số 49/2010/QH ngày 28/6/2010; - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính; - Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính; - Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				Nam: 1.000.000 đồng; - Trường hợp chuyển nhượng toàn bộ doanh nghiệp do mua bán, sáp nhập doanh nghiệp: 1.250.000 đồng.	bưu chính; - Thông tư 25/2020/TT-BTC ngày 14/4/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính; - Quyết định số 882/QĐ-BTTTT ngày 10/05/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bưu chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.
6	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính. Mã thủ tục: 1.010902	4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Bưu chính số 49/2010/QH ngày 28/6/2010; - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính; - Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					- Quyết định số 882/QĐ-BTTTT ngày 10/05/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bưu chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.
7	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được. Mã thủ tục: 1.005442	4 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ: Trực tiếp; Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	- Trường hợp cấp lại Văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính nội tỉnh khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được: 500.000 đồng; - Trường hợp cấp lại Văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính cho chi	- Luật Bưu chính số 49/2010/QH ngày 28/6/2010; - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính; - Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính; - Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính; - Thông tư 25/2020/TT-BTC ngày 14/4/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính được thành lập theo pháp luật Việt Nam khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được: 500.000 đồng.	sung một số điều của Thông tư 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính; - Quyết định số 882/QĐ-BTTTT ngày 10/05/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bưu chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Phụ lục II

Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. Quy trình liên thông UBND tỉnh: 36 quy trình**I. Lĩnh vực hoạt động Khoa học và Công nghệ: 28 quy trình****1. Thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước.**

- Thời gian thực tế giải quyết: 121 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ đề xuất	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Tổng hợp, lập danh mục các đề xuất nhiệm vụ; tra cứu thông tin các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã và đang thực hiện trên địa bàn tỉnh có liên quan đến nhiệm vụ được đề xuất	Chuyên viên Phòng KH&CN	Danh mục các đề xuất nhiệm vụ	30 ngày
B3	Dự thảo các Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ (<i>Hội đồng</i>)	Chuyên viên Phòng KH&CN	Dự thảo Tờ trình, các Quyết định thành lập Hội đồng	08 ngày
		Lãnh đạo Phòng KH&CN	Xét duyệt	1/2 ngày
B4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Tờ trình; Dự thảo các Quyết định thành lập Hội đồng	01 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B5	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/2 ngày
B6	Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kèm theo hồ sơ	1/2 ngày
B7	Liên thông lên UBND tỉnh		Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ	05 ngày
B8	Hội đồng tư vấn làm việc	Hội đồng tư vấn	Biên bản họp Hội đồng kèm theo hồ sơ	12 ngày
B9	Phòng KH&CN	Chuyên viên Phòng KH&CN	Tờ trình; Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về phê duyệt danh mục nhiệm vụ	05 ngày
		Lãnh đạo Phòng KH&CN	Xét duyệt	1/2 ngày
B10	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Tờ trình; Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về phê duyệt danh mục nhiệm vụ	01 ngày
B11	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B12	Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kèm theo hồ sơ	1/2 ngày
B13	Liên thông lên UBND tỉnh		Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ	55 ngày
B14	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ	1/2 ngày
	Tổng thời gian giải quyết			121 ngày

2. Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước.

- Thời gian giải quyết: 87 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc nhận hồ sơ đăng ký tuyển chọn.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ thuyết minh nhiệm vụ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ thuyết minh nhiệm vụ	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh - Trong trường hợp hồ sơ hợp lệ, chuyển B3. - Trong trường hợp hồ sơ không đạt, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản gửi tổ chức, cá nhân thông báo, nêu rõ lý do, chuyển B24	Chuyên viên Phòng KH&CN	Biên bản mở Hồ sơ thuyết minh nhiệm vụ	05 ngày
B3	Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn (Hội đồng tuyển chọn) và Tổ Thẩm định kinh phí	Chuyên viên Phòng KH&CN	Tờ trình; Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh thành lập Hội đồng tuyển chọn và Tổ thẩm định kinh phí	05 ngày
		Lãnh đạo Phòng KH&CN	Xét duyệt	01 ngày
B4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Tờ trình; Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh thành lập Hội đồng tuyển chọn, Tổ Thẩm định kinh phí	01 ngày
B5	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B6	Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kèm theo hồ sơ	1/2 ngày
B7	Liên thông lên UBND tỉnh		Quyết định thành lập Hội đồng tuyển chọn, Tổ thẩm định kinh phí	03 ngày
B8	Hội đồng tuyển chọn làm việc	Hội đồng tuyển chọn	Biên bản họp Hội đồng tuyển chọn kèm theo hồ sơ	12 ngày
B9	Thông báo kết quả tuyển chọn của Sở KH&CN	Chuyên viên Phòng KH&CN	Dự thảo Thông báo kết quả tuyển chọn	1/2 ngày
		Lãnh đạo Phòng KH&CN	Xét duyệt	1/2 ngày
B10	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Thông báo kết quả tuyển chọn	1/2 ngày
B11	Phát hành, gửi Thông báo cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/2 ngày
B12	Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kèm theo hồ sơ	1/2 ngày
B13	- Hoàn thiện thuyết minh nhiệm vụ theo kết luận của Hội đồng tuyển chọn - Báo cáo tiếp thu, giải trình	Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm	- Hồ sơ thuyết minh nhiệm vụ - Báo cáo tiếp thu, giải trình các ý kiến của Hội đồng, tài liệu liên quan	15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	các ý kiến của Hội đồng, tài liệu liên quan			
B14	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Hồ sơ thuyết minh nhiệm vụ - Báo cáo tiếp thu, giải trình các ý kiến của Hội đồng, tài liệu liên quan	1/2 ngày
B15	Kiểm tra hồ sơ	Chuyên viên Phòng KH&CN	Hồ sơ hợp lệ	1/2 ngày
B16	Tổ thẩm định kinh phí làm việc	Tổ thẩm định kinh phí	Biên bản họp Tổ thẩm định kinh phí kèm theo hồ sơ	12 ngày
B17	Bổ sung, hoàn thiện hồ sơ	Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm	Hồ sơ thuyết minh sau bổ sung hoàn thiện	15 ngày
B18	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Hồ sơ thuyết minh nhiệm vụ - Báo cáo tiếp thu, giải trình các ý kiến của Hội đồng, tài liệu liên quan	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B19	Thẩm định hồ sơ; xây dựng dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về phê duyệt tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ	Chuyên viên Phòng KH&CN	- Hồ sơ thuyết minh nhiệm vụ đã chỉnh sửa hoàn thiện - Tờ trình; Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về phê duyệt tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ	5 ngày
		Lãnh đạo Phòng KH&CN	Xét duyệt	01 ngày
B20	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Tờ trình; Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về phê duyệt tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ	02 ngày
B21	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/2 ngày
B22	Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kèm theo hồ sơ	1/2 ngày
B23	Liên thông lên UBND tỉnh		Quyết định của UBND tỉnh về phê duyệt tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ, kinh phí, phương thức khoán chi và thời	3 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
			gian thực hiện nhiệm vụ	
B24	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Quyết định của UBND tỉnh về phê duyệt tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ	1/2 ngày
	Tổng số ngày giải quyết:			87 ngày

3. Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước.

- Thời gian giải quyết: 43 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ nghiệm thu	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ nghiệm thu	1/2 ngày
B2	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ - Trong trường hợp hồ sơ đạt, chuyển B9. - Trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ, chuyển B3.	Chuyên viên Phòng KH&CN	Biên bản xác nhận tình trạng hồ sơ	01 ngày
B3	Dự thảo Thông báo bổ sung, hoàn	Chuyên viên Phòng KH&CN	Dự thảo Thông báo bổ sung,	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	thiện hồ sơ		hoàn thiện hồ sơ	
		Lãnh đạo Phòng KH&CN	Xét duyệt	1/2 ngày
B4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Thông báo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ	01 ngày
B5	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/2 ngày
B6	Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kèm theo hồ sơ	1/2 ngày
B7	Bổ sung, hoàn thiện hồ sơ	Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm	Hồ sơ nghiệm thu sau bổ sung hoàn thiện	15 ngày
B8	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ nghiệm thu sau bổ sung hoàn thiện	1/2 ngày
B9	Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh thành lập Hội đồng nghiệm thu, Tổ chuyên gia (trong trường hợp nhiệm vụ có sản phẩm đo kiểm được)	Chuyên viên Phòng KH&CN	Tờ trình; Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh thành lập Hội đồng nghiệm thu; Tổ Chuyên gia (nếu có)	5 ngày
		Lãnh đạo Phòng KH&CN	Xét duyệt	1/2 ngày
B10	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	QĐ thành lập tổ chuyên gia; Tờ trình; Dự thảo Quyết định	01 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
			của UBND tỉnh thành lập Hội đồng nghiệm thu,	
B11	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/2 ngày
B12	Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kèm theo hồ sơ	1/2 ngày
B13	Liên thông lên UBND tỉnh		Quyết định của UBND tỉnh thành lập Hội đồng nghiệm thu	03 ngày
B14	Hội đồng nghiệm thu làm việc	Hội đồng nghiệm thu	Biên bản họp và hồ sơ kèm theo	12 ngày
B15	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu	1/2 ngày
	Tổng số ngày giải quyết:			43 ngày

4. Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 25 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 7,5 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 17,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Đảm bảo hồ sơ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên được phân công	Văn bản thành lập Hội đồng tư vấn	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/2 ngày
B5	Liên thông lên UBND tỉnh (phê duyệt thành lập Hội đồng tư vấn)			2 ngày
B6	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên tham mưu Dự thảo Giấy mời họp Hội đồng	Giấy mời	1/4 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt	1/4 ngày
B7	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B8	Hội đồng tư vấn làm việc		Biên bản họp Hội đồng kèm theo hồ sơ	5,5 ngày
B9	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên	Dự thảo Tờ trình kèm theo Quyết định phê duyệt hoặc không phê duyệt	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt	1/4 ngày
B10	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Tờ trình	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B11	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ	1/2 ngày
B12	Liên thông UBND tỉnh			4,75 ngày
B13	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trả kết quả Quyết định được ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				17,5 ngày

5. Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 25 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 09 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 16 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kèm scan hồ sơ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ thụ lý, xử lý hồ sơ; tham mưu việc thành lập Hội đồng tư vấn khoa học và	Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ thẩm định nội dung, tham mưu văn bản	Văn bản thành lập hội đồng	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	công nghệ	Lãnh đạo phòng	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	- Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt. - Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành.	- Lãnh đạo Sở. - Văn thư Sở.	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Liên thông lên UBND tỉnh (thành lập Hội đồng tư vấn			02 ngày
B5	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên	Dự thảo Giấy mời họp Hội đồng	1/4 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt	1/4 ngày
B6	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/4 ngày
B5	Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ làm việc		Biên bản họp Hội đồng kèm theo hồ sơ	5 ngày
B6	Phòng Khoa học và Công nghệ tiếp nhận kết quả từ Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ, xử lý	Chuyên viên	Tổng hợp, xây dựng Tờ trình kèm Dự thảo Quyết định phê duyệt hoặc không phê duyệt	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng	Thẩm định	1/4 ngày
B7	Lãnh đạo sở Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Văn bản phê duyệt	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B8	Phát hành văn bản và chuyển bộ phận một cửa	văn thư	Đính kèm văn bản phát hành	1/4 ngày
B9	Liên thông UBND tỉnh			4,75 ngày
B10	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kết quả trả Quyết định được ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				16 ngày

6. Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 25 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 7,5 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 17,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Đảm bảo hồ sơ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên được phân công	Văn bản thành lập Hội đồng tư vấn	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/2 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ	1/2 ngày
B6	Liên thông lên UBND tỉnh (phê duyệt thành lập Hội đồng tư vấn)			02 ngày
B7	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên tham mưu Giấy mời họp Hội đồng tư vấn	Dự thảo Giấy mời	1/4 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt	1/4 ngày
B8	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B9	Hội đồng tư vấn làm việc		Biên bản Hội đồng tư vấn kèm theo Hồ sơ	5,5 ngày
B10	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên tham mưu	Dự thảo Tờ trình kèm theo Quyết định phê duyệt hoặc không được phê duyệt	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B11	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Tờ trình	1/4 ngày
B12	Liên thông UBND tỉnh			4,75 ngày
B13	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				17,5 ngày

7. Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 30 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 01 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 29 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Đảm bảo hồ sơ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên được phân công	Văn bản thành lập Hội đồng tư vấn	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/2 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ	1/2 ngày
B6	Liên thông lên UBND tỉnh (phê duyệt thành lập Hội đồng tư vấn)			02 ngày
B7	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên tham mưu Giấy mời họp Hội đồng tư vấn	Dự thảo Giấy mời	1/4 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt	1/4 ngày
B8	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/4 ngày
B9	Hội đồng tư vấn làm việc		Biên bản Hội đồng tư vấn kèm theo Hồ sơ	2,5 ngày
B10	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên tham mưu	Dự thảo Tờ trình kèm theo Quyết định phê duyệt hoặc không được phê duyệt	1/4 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt	1/4 ngày
B11	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Tờ trình	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B12	Liên thông UBND tỉnh			4,75 ngày
B13	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả Quyết định của UBND tỉnh	1/4 ngày
B14	Trung tâm Thông tin, Văn phòng UBND tỉnh	Đăng tải trên cổng thông tin điện tử Tỉnh	Đính kèm Quyết định của UBND tỉnh	15 ngày
Tổng thời gian thực hiện				29 ngày

8. Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 30 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 01 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 29 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Đảm bảo hồ sơ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên được phân công	Văn bản thành lập Hội đồng tư vấn	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/2 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ	1/2 ngày
B6	Liên thông lên UBND tỉnh (phê duyệt thành lập Hội đồng tư vấn)			02 ngày
B7	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên tham mưu Giấy mời họp Hội đồng tư vấn	Dự thảo Giấy mời	1/4 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt	1/4 ngày
B8	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/4 ngày
B9	Hội đồng tư vấn làm việc		Biên bản Hội đồng tư vấn kèm theo Hồ sơ	2,5 ngày
B10	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên tham mưu	Dự thảo Tờ trình kèm theo Quyết định phê duyệt hoặc không được phê duyệt	1/4 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt	1/4 ngày
B11	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Tờ trình	1/4 ngày
B12	Liên thông UBND tỉnh			4,75 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B13	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả Quyết định của UBND tỉnh	1/4 ngày
B14	Trung tâm Thông tin, Văn phòng UBND tỉnh	Đăng tải trên cổng thông tin điện tử Tỉnh	Đính kèm Quyết định của UBND tỉnh	15 ngày
Tổng thời gian thực hiện				29 ngày

9. Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 30 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 01 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 29 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Đảm bảo hồ sơ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên được phân công	Văn bản thành lập Hội đồng tư vấn	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày

B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/2 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ	1/2 ngày
B6	Liên thông lên UBND tỉnh (phê duyệt thành lập Hội đồng tư vấn)			02 ngày
B7	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên tham mưu Giấy mời họp Hội đồng tư vấn	Dự thảo Giấy mời	1/4 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt	1/4 ngày
B8	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/4 ngày
B9	Hội đồng tư vấn làm việc		Biên bản Hội đồng tư vấn kèm theo Hồ sơ	2,5 ngày
B10	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên tham mưu	Dự thảo Tờ trình kèm theo Quyết định phê duyệt hoặc không được phê duyệt	1/4 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt	1/4 ngày
B11	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Tờ trình	1/4 ngày
B12	Liên thông UBND tỉnh			4,75 ngày

B13	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả Quyết định của UBND tỉnh	1/4 ngày
B14	Trung tâm Thông tin, Văn phòng UBND tỉnh	Đăng tải trên cổng thông tin điện tử Tỉnh	Đính kèm Quyết định của UBND tỉnh	15 ngày
Tổng thời gian thực hiện				29 ngày

10. Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 30 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 01 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 29 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Đảm bảo hồ sơ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên được phân công	Văn bản thành lập Hội đồng tư vấn	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	cửa để thực hiện liên thông			
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ	1/2 ngày
B6	Liên thông lên UBND tỉnh (phê duyệt thành lập Hội đồng tư vấn)			02 ngày
B7	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên tham mưu Giấy mời họp Hội đồng tư vấn	Dự thảo Giấy mời	1/4 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt	1/4 ngày
B8	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/4 ngày
B9	Hội đồng tư vấn làm việc		Biên bản Hội đồng tư vấn kèm theo Hồ sơ	2,5 ngày
B10	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên tham mưu	Dự thảo Tờ trình kèm theo Quyết định phê duyệt hoặc không được phê duyệt	1/4 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt	1/4 ngày
B11	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Tờ trình	1/4 ngày
B12	Liên thông UBND tỉnh			4,75 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B13	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả Quyết định của UBND tỉnh	1/4 ngày
B14	Trung tâm Thông tin, Văn phòng UBND tỉnh	Đăng tải trên cổng thông tin điện tử Tỉnh	Đính kèm Quyết định của UBND tỉnh	15 ngày
Tổng thời gian thực hiện				29 ngày

11. Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ

- * Trường hợp thành lập Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ để thẩm định hồ sơ.
 - Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày làm việc;
 - Thời gian cắt giảm: 01 ngày làm việc;
 - Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 19 ngày làm việc;
- * Trường hợp không thành lập Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ để thẩm định hồ sơ.
 - Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 13 ngày làm việc;
 - Thời gian cắt giảm: 3,5 ngày làm việc;
 - Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 9,5 ngày làm việc;

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về	Bộ phận một cửa tại Trung tâm	Kèm scan hồ sơ	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Phục vụ Hành chính công tỉnh		
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Cán bộ, chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ, tham mưu thành lập Hội đồng	- Trường hợp thành lập Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ để thẩm định hồ sơ: Văn bản thành lập Hội đồng (xin ý kiến thành viên Hội đồng) - Trường hợp không thành lập Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ để thẩm định hồ sơ, chuyển sang bước B17	0,75 ngày
		Lãnh đạo phòng	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Xem xét, phê duyệt. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Tiếp nhận danh sách thành viên tham gia Hội đồng, tham mưu thành lập hội đồng trình UBND tỉnh	Lãnh đạo phòng tiếp nhận, phân công thụ lý	Phân công, giao việc	3 ngày
		Chuyên viên xử lý, tham mưu thành lập Hội đồng	Tờ trình kèm Dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B5	Xem xét, phê duyệt. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt Tờ trình	1/2 ngày
B6	Gửi hồ sơ liên thông, đồng thời cập nhật hồ sơ gửi liên thông trên hệ thống thông tin một cửa điện tử	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B7	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh trình thành lập Hội đồng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Đính kèm hồ sơ trình	1/4 ngày
B8	Liên thông Chủ tịch UBND tỉnh (phê duyệt thành lập Hội đồng)			02 ngày
B9	Tiếp nhận kết quả liên thông, chuyển về Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả liên thông	1/4 ngày
B10	Tiếp nhận kết quả liên thông và xử lý	Lãnh đạo phòng tiếp nhận	Phân công, giao việc triển khai để Hội đồng tư vấn làm việc	1/2 ngày
		Chuyên viên tiếp nhận và xử lý hồ sơ	Chuyển hồ sơ, mời họp Hội đồng	02 ngày
B11	Hội đồng thẩm tra làm việc	Hội đồng thẩm tra làm việc	Biên bản họp kèm theo hồ sơ hội đồng	2,5 ngày
B12	Tiếp nhận kết quả từ Hội đồng tư vấn và xử lý	Chuyên viên xử lý	Biên bản họp Hội đồng; Dự thảo văn bản xác nhận danh mục của UBND tỉnh	01 ngày
		Lãnh đạo phòng	Thẩm định	1/2 ngày
B13	Phê duyệt trình UBND tỉnh	Lãnh đạo sở	Phê duyệt Tờ trình	1/2 ngày
B14	Tiếp nhận chuyển hồ sơ trình liên thông UBND tỉnh	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Đính kèm hồ sơ trình liên thông	1/4 ngày
B15	Liên thông Chủ tịch UBND tỉnh (phê duyệt kết quả)			02 ngày
B16	Bộ phận một cửa tiếp nhận liên thông, trả kết quả cho phòng chuyên	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả là văn bản của UBND tỉnh ký duyệt	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	môn và cho khách hàng			
Tổng thời gian thực hiện:				19 ngày
B17	Phòng Khoa học và Công nghệ	Cán bộ, chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ theo nhiệm vụ được giao	Tờ trình kèm theo Dự thảo văn bản về danh mục hàng hóa của UBND tỉnh	3 ngày
		Lãnh đạo phòng	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B18	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B19	Gửi hồ sơ liên thông, đồng thời cập nhật hồ sơ gửi liên thông trên hệ thống thông tin một cửa điện tử (phòng chuyên môn tạm dừng giải quyết hồ sơ sau khi đã gửi liên thông)	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B20	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Scan hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B21	Liên thông Chủ tịch UBND tỉnh (phê duyệt kết quả)		Các văn bản đầu ra	3,5 ngày
B22	Bộ phận một cửa tiếp nhận liên thông, trả kết quả cho phòng chuyên môn và cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả là Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				9,5 ngày

12. Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 25 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 07 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 18 ngày làm việc.

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kèm scan hồ sơ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên	Dự thảo Văn bản thành lập Hội đồng tư vấn	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên	Tổng hợp, dự thảo Tờ trình kèm Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn	01 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt	1/2 ngày
B5	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Tờ trình	1/2 ngày
B6	Liên thông lên UBND tỉnh		Tờ trình kèm Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn	2,5 ngày
B7	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên	Dự thảo Giấy mời họp Hội đồng	1/2 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt	1/2 ngày
B8	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B9	Hội đồng tư vấn làm việc		Biên bản họp Hội đồng kèm theo hồ sơ họp	5 ngày
B10	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên	Tổng hợp kết quả họp Hội đồng, Dự thảo Tờ trình kèm Quyết định công nhận ông nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu/ hoặc văn bản không công nhận	01 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt	1/2 ngày
B11	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Tờ trình	1/4 ngày
B12	Liên thông UBND tỉnh			3 ngày
B13	Bộ phận một cửa tiếp nhận liên thông, trả kết quả cho phòng chuyên môn và cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả là Quyết định/Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/4 ngày
	Tổng thời gian thực hiện			18 ngày

13. Thủ tục chấp thuận chuyển giao công nghệ

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 30 ngày làm việc;
- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, sửa chữa thiếu sót: thời gian giải quyết 03 ngày làm việc để thông báo cho tổ chức cá nhân sửa chữa thiếu sót.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: + Báo cáo thẩm định; + Dự thảo tờ trình và Dự thảo Quyết định chấp thuận chuyển giao công nghệ hoặc văn bản không chấp thuận; - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cần sửa chữa thiếu sót: Chuyển bước B8.	20,5 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	01 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh ban hành Quyết định chấp thuận hoặc văn bản không chấp thuận			4,75 ngày
B7	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				30 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B8	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Báo cáo thẩm định; Dự thảo Tờ trình + Thông báo bổ sung hồ sơ	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	1/4 ngày
B9	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B10	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/4 ngày
B11	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Thông báo của UBND tỉnh được ký duyệt	1/4 ngày
B12	Liên thông UBND tỉnh ban hành Thông báo			01 ngày
B13	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
B14	Sửa chữa hồ sơ	Tổ chức, các nhân đề xuất	Hồ sơ hoàn chỉnh sau chỉnh sửa	
B15	Chuyển thực hiện về bước B2			
Tổng thời gian thực hiện đề nghị bổ sung hồ sơ				03 ngày

14. Cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 15 ngày làm việc;
- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, sửa chữa thiếu sót: thời gian giải quyết 05 ngày làm việc để thông báo đến tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: + Báo cáo thẩm định; + Dự thảo tờ trình và Dự thảo Quyết định cấp Giấy phép hoặc văn bản từ chối cấp Giấy phép; - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cần sửa chữa thiếu: chuyển bước B8.	08 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/4 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh ban hành Quyết định cấp Giấy phép hoặc văn bản từ chối cấp Giấy phép			4,75 ngày
B7	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày
B8	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Tờ trình + Thông báo bổ sung	2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
			hồ sơ	
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	1/2 ngày
B9	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B10	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/4 ngày
B11	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Thông báo của UBND tỉnh được ký duyệt	1/4 ngày
B12	Liên thông UBND tỉnh ban hành Thông báo			1,25 ngày
B13	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
B14	Sửa chữa hồ sơ	Tổ chức, các nhân đề xuất	Hồ sơ hoàn chỉnh sau chỉnh sửa	
B15	Chuyển thực hiện về bước B2			
	Tổng thời gian thực hiện đề nghị bổ sung hồ sơ			05 ngày

15. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc;

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, sửa chữa thiếu sót: Thời gian thực hiện 03 ngày làm việc để thông báo đến tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: + Báo cáo thẩm định; + Dự thảo tờ trình và Dự thảo Quyết định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ hoặc văn bản từ chối. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, hồ sơ cần sửa chữa thiếu sót: Chuyển bước B8	5 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/4 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh ban hành Quyết định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công			2,75 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	nghệ hoặc văn bản từ chối			
B7	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				10 ngày
B8	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Tờ trình + Thông báo bổ sung hồ sơ	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	1/2 ngày
B9	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B10	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/4 ngày
B11	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Thông báo của UBND tỉnh được ký duyệt	1/4 ngày
B12	Liên thông UBND tỉnh ban hành Thông báo			1/2 ngày
B13	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/2 ngày
B14	Sửa chữa hồ sơ	Tổ chức, các nhân đề xuất	Hồ sơ hoàn chỉnh sau chỉnh sửa	

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B15	Chuyển thực hiện bước B2			
	Tổng thời gian thực hiện đề nghị bổ sung hồ sơ			03 ngày

16. Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc;
- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, sửa chữa thiếu sót: Thời gian thực hiện 03 ngày làm việc để thông báo đến tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: + Báo cáo thẩm định; + Dự thảo tờ trình và Dự thảo Quyết định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ hoặc văn bản từ chối. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, hồ sơ cần sửa chữa thiếu sót: Chuyển bước B8	5 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/4 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh ban hành Quyết định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ hoặc văn bản từ chối			2,75 ngày
B7	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				10 ngày
B8	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Tờ trình + Thông báo bổ sung hồ sơ	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	1/2 ngày
B9	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B10	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/4 ngày
B11	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Thông báo của UBND tỉnh được ký duyệt	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B12	Liên thông UBND tỉnh ban hành Thông báo			1/2 ngày
B13	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/2 ngày
B14	Sửa chữa hồ sơ	Tổ chức, các nhân đề xuất	Hồ sơ hoàn chỉnh sau chỉnh sửa	
B15	Chuyển thực hiện bước B2			
	Tổng thời gian thực hiện đề nghị bổ sung hồ sơ			03 ngày

17. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 5 ngày làm việc;

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/4 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động đánh giá công nghệ	01 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			1,75 ngày
B7	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				05 ngày

18. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc;
- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, hồ sơ sửa chữa: thời gian thực hiện 03 ngày làm việc để thông báo đến người nộp hồ sơ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: + Báo cáo thẩm định; + Dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, hồ sơ sửa chữa: Chuyển bước B8	02 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	01 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B7	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				10 ngày
B8	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo thông báo đề nghị tổ chức sửa	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
			đổi bổ sung hồ sơ.	
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	1/2 ngày
B9	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/4 ngày
B10	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/4 ngày
B11	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/4 ngày
B12	Liên thông UBND tỉnh			01 ngày
B13	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
B14	Chuyển thực hiện Bước 2			
Tổng thời gian thực hiện đề nghị sửa đổi bổ sung hồ sơ				03 ngày

19. Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc;
- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cần sửa chữa thiếu sót: thời gian thực hiện 03 ngày làm việc để thông báo đến người nộp hồ sơ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/4 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: + Báo cáo thẩm định; + Dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cần sửa chữa: Chuyển bước B8	02 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	01 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B7	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				10 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B8	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo thông báo đề nghị tổ chức sửa đổi bổ sung hồ sơ	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	1/4 ngày
B9	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B10	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/4 ngày
B11	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/4 ngày
B12	Liên thông UBND tỉnh			01 ngày
B13	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
B14	Chuyển thực hiện về bước B2			
Tổng thời gian thực hiện đề nghị sửa đổi bổ sung hồ sơ				03 ngày

20. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 05 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/4 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	01 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	01 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			01 ngày
B7	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				05 ngày

21. Xác nhận phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư

- Trường hợp không thành lập Hội đồng thẩm tra hồ sơ: Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc;
- Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm tra hồ sơ: thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/4 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Trường hợp không thành lập Hội đồng thẩm tra hồ sơ: + Báo cáo thẩm định; + Tờ trình phê duyệt dự thảo văn bản xác nhận của UBND tỉnh/ từ chối xác nhận; + Dự thảo văn bản xác nhận của UBND tỉnh/ hoặc từ chối xác nhận - Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm tra hồ sơ: chuyển bước B8	02 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	01 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh phê duyệt văn bản xác nhận của UBND tỉnh/ hoặc từ chối xác nhận			05 ngày
B7	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				10 ngày
B8	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Công văn mời tham gia hội đồng	02 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	1/2 ngày
B9	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B10	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư		1/4 ngày
B11	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Tiếp nhận công văn mời các sở ban ngành tham gia hội đồng - Dự thảo QĐ thành lập hội đồng - Tờ trình v.v phê duyệt thành viên hội đồng thẩm tra	03 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B12	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B13	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B14	Liên thông UBND tỉnh phê duyệt QĐ thành lập hội đồng thẩm tra			03 ngày
B15	Họp hội đồng thẩm tra		Biên bản họp hội đồng kèm theo tài liệu của thành viên Hội đồng	01 ngày
B16	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên xử lý	- Tờ trình phê duyệt dự thảo văn bản xác nhận của UBND tỉnh/ từ chối xác nhận; - Dự thảo văn bản xác nhận của UBND tỉnh/ hoặc từ chối xác nhận	03 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt	1/2 ngày
B17		Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B18	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/2 ngày
B19	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/4 ngày
B20	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B21	Liên thông UBND tỉnh phê duyệt văn bản xác nhận của UBND tỉnh/ hoặc từ chối xác nhận			03 ngày
B22	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				20 ngày

22. Cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ có kết quả giải quyết.

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, đề nghị chỉnh sửa bổ sung hồ sơ: Thời gian thực hiện: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và trường hợp hồ sơ không hợp lệ, có thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết để sửa đổi, bổ sung.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ về thành phần	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: + Báo cáo thẩm định; + Dự thảo Tờ trình và Quyết định cho phép thành lập, phê duyệt điều lệ tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài; - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, đề nghị chỉnh sửa bổ sung hồ sơ: chuyển bước B8.	12 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	01 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/4 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			5 ngày
B7	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				20 ngày
B8	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Tờ trình và thông báo đề nghị đơn vị sửa đổi, bổ sung	3 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	1/2 ngày
B9	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B10	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Thông báo đề nghị đơn vị sửa đổi, bổ sung	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B11	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Thông báo đề nghị đơn vị sửa đổi, bổ sung	1/2 ngày
B12	Sửa chữa hồ sơ	Tổ chức, các nhân đề xuất	Hồ sơ hoàn chỉnh sau chỉnh sửa	
B13	Chuyển thực hiện về bước B2			
Tổng thời gian thực hiện đề nghị chỉnh sửa hồ sơ				05 ngày

23. Cấp Giấy phép thành lập lần đầu cho Văn phòng đại diện, Chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài tại Việt Nam.

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ phải có kết quả giải quyết;
- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, đề nghị chỉnh sửa bổ sung hồ sơ: Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và trường hợp hồ sơ không hợp lệ, có thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết để sửa đổi, bổ sung.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ về thành phần	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: + Báo cáo thẩm định; + Dự thảo Tờ trình và Giấy phép;	21,5 ngày

			- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, đề nghị chỉnh sửa bổ sung hồ sơ: chuyển Bước 8	
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	01 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	01 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/4 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			5 ngày
B7	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				30 ngày
B8	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Tờ trình và Thông báo đề nghị đơn vị sửa đổi, bổ sung;	3 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	1/2 ngày
B9	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B10	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên	Văn thư	Thông báo đề nghị đơn vị sửa đổi, bổ sung	1/2 ngày

	thông			
B11	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Thông báo đề nghị đơn vị sửa đổi, bổ sung	1/2 ngày
B12	Sửa chữa hồ sơ	Tổ chức, các nhân đề xuất	Hồ sơ hoàn chỉnh sau chỉnh sửa	
B13	Chuyển thực hiện bước B2			
Tổng thời gian thực hiện đề nghị chỉnh sửa hồ sơ				05 ngày

24. Đề nghị thành lập tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc ở nước ngoài.

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ phải có kết quả giải quyết;
- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, đề nghị chỉnh sửa bổ sung hồ sơ: Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và trường hợp hồ sơ không hợp lệ, có thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết để sửa đổi, bổ sung.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ về thành phần	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: + Báo cáo thẩm định; + Dự thảo Tờ trình và Quyết định thành lập; - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, đề nghị chỉnh sửa bổ sung hồ sơ: chuyển	07 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
			Bước 8	
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	01 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/4 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			5 ngày
B7	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày
B8	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Tờ trình và Thông báo đề nghị đơn vị sửa đổi, bổ sung;	3 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B9	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B10	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Thông báo đề nghị đơn vị sửa đổi, bổ sung	1/2 ngày
B11	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Thông báo đề nghị đơn vị sửa đổi, bổ sung	1/2 ngày
B12	Sửa chữa hồ sơ	Tổ chức, các nhân đề xuất	Hồ sơ hoàn chỉnh sau chỉnh sửa	
B13	Chuyển thực hiện bước B2			
Tổng thời gian thực hiện đề nghị chỉnh sửa hồ sơ				05 ngày

25. Đề nghị thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam ở nước ngoài.

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ phải có kết quả giải quyết;

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, đề nghị chỉnh sửa bổ sung hồ sơ: Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và trường hợp hồ sơ không hợp lệ, có thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết để sửa đổi, bổ sung.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ về thành phần	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: + Báo cáo thẩm định; + Dự thảo Tờ trình và Quyết định thành lập; - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, đề nghị chỉnh sửa bổ sung hồ sơ: chuyển bước B8	07 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	01 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/4 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			5 ngày
B7	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày
B8	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Tờ trình và Thông báo đề	03 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
			nghị đơn vị sửa đổi, bổ sung;	
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	1/2 ngày
B9	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B10	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Thông báo đề nghị đơn vị sửa đổi, bổ sung	1/2 ngày
B11	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Thông báo đề nghị đơn vị sửa đổi, bổ sung	1/2 ngày
B12	Sửa chữa hồ sơ	Tổ chức, các nhân đề xuất	Hồ sơ hoàn chỉnh sau chỉnh sửa	
B13	Chuyển bước thực hiện bước B2			
	Tổng thời gian thực hiện đề nghị chỉnh sửa hồ sơ			05 ngày

26. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày làm việc;
- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, cần sửa chữa hồ sơ: thời gian giải quyết 20 ngày làm việc để thông báo cho tổ chức, cá nhân và sửa chữa hồ sơ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: + Tờ trình đề nghị Văn bản của UBND tỉnh + Dự thảo Văn bản lấy ý kiến các Sở, ban, ngành liên quan/hoặc họp liên ngành; - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, cần sửa chữa: chuyển thực hiện bước B14	1,5 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	01 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/4 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh ban hành Văn bản của UBND tỉnh			4,75 ngày
B7	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
B8	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân	- Tiếp nhận ý kiến các sở, ban,	5 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
		công xử lý hồ sơ/hợp liên ngành	ngành/hoặc hợp liên ngành - Báo cáo tổng hợp ý kiến/hoặc Báo cáo hợp liên ngành - Tờ trình phê duyệt Giấy chứng nhận/từ chối phê duyệt - Dự thảo Giấy chứng nhận/Thông báo từ chối cấp	
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt	
B9	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B10	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/4 ngày
B11	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ đề nghị UBND tỉnh được ký duyệt	1/4 ngày
B12	Liên thông UBND tỉnh ban hành Giấy chứng nhận/Thông báo từ chối cấp Giấy chứng nhận			4,75 ngày
B13	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				20 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B14	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Tờ trình đề nghị Văn bản của UBND tỉnh Dự thảo Văn bản yêu cầu bổ sung.	1,5 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	01 ngày
B15	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B16	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B17	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/2 ngày
B18	Liên thông UBND tỉnh ban hành Văn bản của UBND tỉnh			4,75 ngày
B19	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
B20	Doanh nghiệp công nghệ cao bổ sung, sửa chữa và gửi lại UBND tỉnh			10 ngày
B21	Chuyển thực hiện về bước B2			
Tổng thời gian thực hiện đề nghị bổ sung, sửa chữa hồ sơ				20 ngày

27. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho tổ chức.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc;

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Thời gian giải quyết 10 ngày làm việc để thông báo đến tổ chức.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: + Báo cáo thẩm định; + Dự thảo tờ trình phê duyệt cấp Giấy chứng nhận/từ chối cấp Chứng nhận + Dự thảo Giấy chứng nhận/văn bản từ chối; - Trường hợp hồ sơ sửa chữa: chuyển bước thực hiện B8	2,5 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	01 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/4 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh ban hành Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối			4,75 ngày
B7	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết	Bộ phận một cửa tại Trung tâm	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	quả cho khách hàng	phục vụ Hành chính công tỉnh		
Tổng thời gian thực hiện				10 ngày
B8	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Tờ trình về việc ban hành công văn của UBND tỉnh - Dự thảo Công văn của UBND tỉnh yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ	2,5 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	01 ngày
B9	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B10	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B11	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/2 ngày
B12	Liên thông UBND tỉnh ban hành Văn bản			4,75 ngày
B13	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
B14	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, hoàn thiện thực hiện chuyển về bước B2 (trong trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận nêu rõ lý do)			
Tổng thời gian thực hiện yêu cầu bổ sung hồ sơ				10 ngày

28. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho cá nhân.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc;
- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, sửa chữa: thời gian giải quyết 10 ngày làm việc để thông báo đến cá nhân.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: + Báo cáo thẩm định; + Dự thảo tờ trình phê duyệt cấp Giấy chứng nhận/từ chối cấp Giấy chứng nhận + Dự thảo Giấy chứng nhận/văn bản từ chối cấp Giấy chứng nhận; - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, sửa chữa: chuyển bước B8	2,5 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	01 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận và	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	chuyển hồ sơ liên thông		được ký duyệt	
B6	Liên thông UBND tỉnh ban hành Giấy chứng nhận hoặc Văn bản từ chối cấp Chứng nhận			4,75 ngày
B7	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				10 ngày
B8	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Tờ trình về việc ban hành công văn của UBND tỉnh - Dự thảo Công văn của UBND tỉnh yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ	2,5 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	01 ngày
B9	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B10	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B11	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/2 ngày
B12	Liên thông UBND tỉnh ban hành Văn bản			4,75 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B13	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
B14	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, hoàn thiện thực hiện chuyển thực hiện bước B2			
Tổng thời gian thực hiện yêu cầu bổ sung hồ sơ				10 ngày

II. Lĩnh vực sở hữu trí tuệ: 07 quy trình

1. Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày làm việc;
- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để người nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót;
- Trường hợp người nộp hồ sơ không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định từ chối chấp nhận đơn đăng ký dự kiểm tra, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: + Báo cáo thẩm định;	13 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
			+ Tờ trình đề nghị ban hành; + Dự thảo thông báo chấp nhận hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong đó nêu rõ kế hoạch kiểm tra. - Trường hợp hồ sơ có thiếu sót: Chuyển bước B8 - Trường hợp hồ sơ sửa chữa không đạt yêu cầu: chuyển bước B16	
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/4 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			4,75 ngày
B7	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				20 ngày
B8	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Tờ trình đề nghị ban hành;	12 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
			- Dự thảo thông báo sửa chữa các thiếu sót của hồ sơ	
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	1/2 ngày
B9	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B10	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B11	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/2 ngày
B12	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B13	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/2 ngày
B14	Người yêu cầu sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối			30 ngày
B15	Chuyển về bước B2			
	Tổng thời gian thực hiện			50 ngày
B16	Tiếp nhận ý kiến hồ sơ sửa chữa	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B17	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định;	13 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
			- Tờ trình đề nghị ban hành; - Dự thảo quyết định từ chối chấp nhận đơn đăng ký dự kiểm tra (nêu rõ lý do từ chối)	
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	1/2 ngày
B18	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B19	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/4 ngày
B20	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/4 ngày
B21	Liên thông UBND tỉnh			4,75 ngày
B22	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				20 ngày

2. Thủ tục cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết: 20 ngày làm việc;
- Trường hợp hồ sơ có thiếu sót: Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày làm việc; có 30 ngày để người yêu cầu sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối; Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày làm việc;

- Trường hợp không sửa chữa thiếu sót, sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu: Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày làm việc; Thời gian giải quyết: 20 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: + Báo cáo thẩm định; + Tờ trình đề nghị ban hành; + Dự thảo quyết định cấp Thẻ và Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp cho người nộp hồ sơ, đồng thời gửi quyết định cấp đến cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp để ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp. - Trường hợp hồ sơ có thiếu sót: Chuyển bước B8. - Trường hợp hồ sơ có thiếu sót, sửa chữa không đạt yêu cầu: chuyển bước B22	13 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/4 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			4,75 ngày
B7	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				20 ngày
B8	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Tờ trình đề nghị ban hành; - Dự thảo thông báo dự định từ chối/cấp lại chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	7,5 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	02 ngày
B9	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	01 ngày
B10	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/4 ngày
B11	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/4 ngày
B12	Liên thông UBND tỉnh			3,75 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B13	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
B14	Người yêu cầu sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối	Tổ chức, cá nhân có liên quan	Sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối	30 ngày
B15	Tiếp nhận ý kiến bằng văn bản về dự định từ chối	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B16	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Tờ trình đề nghị ban hành; - Dự thảo quyết định từ chối/cấp lại chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.	07 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	01 ngày
B17	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B18	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B19	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/2 ngày
B20	Liên thông UBND tỉnh			4,75 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B21	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				30 ngày
B22	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Thông báo sửa chữa thiếu sót	4 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	1/2 ngày
B23	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B24	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B25	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Thông báo của UBND tỉnh được ký duyệt	1/2 ngày
B26	Liên thông UBND tỉnh ban hành Thông báo			3 ngày
B27	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/2 ngày
B28	Sửa chữa hồ sơ	Tổ chức, cá nhân đề xuất		4,5 ngày
B29	Thực hiện các bước từ B1 (nếu người nộp hồ sơ có nhu cầu)			06 ngày
Tổng thời gian thực hiện				20 ngày

3. Thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày làm việc
- Thời gian giải quyết: 20 ngày làm việc
- Trường hợp hồ sơ có thiếu sót: Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày làm việc; có 30 ngày để người yêu cầu sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối; Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày làm việc
- Trường hợp không sửa chữa thiếu sót, sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu: Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày làm việc; Thời gian giải quyết: 20 ngày làm việc.
- Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp lại do bị lỗi do cơ quan có thẩm quyền cấp gây ra: Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 5 ngày làm việc; Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: + Báo cáo thẩm định; + Tờ trình đề nghị ban hành; + Dự thảo quyết định cấp lại Thẻ và Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp cho người nộp hồ sơ, đồng thời gửi quyết định cấp lại Thẻ đến cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp để ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp - Trường hợp hồ sơ có thiếu sót: Chuyên	13 ngày

			bước B8 - Trường hợp không sửa chữa thiếu sót, sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu: Chuyển bước B16 - Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp lại do bị lỗi do cơ quan có thẩm quyền cấp gây ra: Chuyển bước B30	
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/4 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			4,75 ngày
B7	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				20 ngày
B8	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Thông báo sửa chữa thiếu sót	4 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	1/2 ngày
B9	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày

B10	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B11	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Thông báo của UBND tỉnh được ký duyệt	1/2 ngày
B12	Liên thông UBND tỉnh ban hành Thông báo			3 ngày
B13	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/2 ngày
B14	Sửa chữa hồ sơ	Tổ chức, cá nhân đề xuất		4,5 ngày
B15	Chuyển thực hiện từ bước B1			06 ngày
	Tổng thời gian thực hiện			20 ngày
B16	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Báo cáo thẩm định; - Tờ trình đề nghị ban hành; - Dự thảo thông báo dự định từ chối	7,5 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	02 ngày
B17	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	01 ngày
B18	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/4 ngày
B19	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/4 ngày

B20	Liên thông UBND tỉnh			3,75 ngày
B21	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
B22	Người yêu cầu sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối			
B23	Tiếp nhận ý kiến bằng văn bản về dự định từ chối	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B24	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo - Tờ trình - Dự thảo Thông báo chấp nhận hồ sơ hoặc dự thảo quyết định cấp lại/từ chối cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	07 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	01 ngày
B25	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B26	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B27	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/2 ngày
B28	Liên thông UBND tỉnh			4,75 ngày
B29	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng (<i>trong trường hợp cấp</i>	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày

	<i>lại chuyển hồ sơ về bước B2)</i>			
Tổng thời gian thực hiện				30 ngày
B30	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Báo cáo thẩm định. - Dự thảo Tờ trình cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ Đại diện SHCN; - Dự thảo Quyết định	01 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	1/2 ngày
B31	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B32	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B33	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ	1/2 ngày
B34	Liên thông UBND tỉnh			1,75 ngày
B35	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả: Quyết định và chứng chỉ	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				5 ngày

4. Thủ tục thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp

* Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ yêu cầu thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày làm việc

- Thời gian giải quyết: 20 ngày làm việc

* Trường hợp có căn cứ khẳng định người được cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày làm việc;
- Thời gian giải quyết: 20 ngày làm việc.

* Trường hợp cá nhân bị xử phạt bằng hình thức thu hồi Thẻ giám định viên theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 30 ngày làm việc;
- Thời gian giải quyết: 20 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ thành phần	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ yêu cầu thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp + Báo cáo thẩm định; + Dự thảo tờ trình và dự thảo Thông báo về yêu cầu thu hồi cho người được cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp - Trường hợp có căn cứ khẳng định người được cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ: Chuyển bước 16 - Trường hợp cá nhân bị xử phạt bằng hình	03 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
			thức thu hồi Thẻ giám định viên theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: chuyển bước B30	
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh ban hành Thông báo (ấn định thời gian thực hiện Thông báo 30 ngày)			2,75 ngày
B7	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
B8	Người được cấp Chứng chỉ hành nghề chuẩn bị ý kiến phản hồi			
B9	Tiếp nhận văn bản phản hồi của người được cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ	1/2 ngày
B10	Phòng Khoa học và Công	Chuyên viên phụ trách được phân	- Báo cáo thẩm định;	06 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	nghe	công xử lý hồ sơ	- Dự thảo tờ trình và Quyết định thu hồi hoặc từ chối thu hồi Thẻ giám định viên	
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	1/2 ngày
B11	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B12	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B13	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/2 ngày
B14	Liên thông UBND tỉnh ban hành Quyết định thu hồi hoặc từ chối thu hồi			2,75 ngày
B15	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả: Quyết định thu hồi hoặc từ chối thu hồi	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				20 ngày
B16	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo tờ trình và dự thảo Thông báo về yêu cầu thu hồi cho người được cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp;	03 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	1/2 ngày
B17	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B18	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B19	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/2 ngày
B20	Liên thông UBND tỉnh ban hành Thông báo (ấn định thời gian thực hiện Thông báo 30 ngày)			2,75 ngày
B21	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
B22	Người được cấp Chứng chỉ hành nghề chuẩn bị ý kiến phản hồi			
B23	Tiếp nhận văn bản phản hồi của người được cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ	1/2 ngày
B24	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo tờ trình và Quyết định thu hồi hoặc từ chối thu hồi Thẻ giám định viên	6,5 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	1/2 ngày
B25	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B26	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	phận một cửa để thực hiện liên thông			
B27	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/2 ngày
B28	Liên thông UBND tỉnh ban hành Quyết định thu hồi hoặc từ chối thu hồi			2,75 ngày
B29	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả: Quyết định thu hồi hoặc từ chối thu hồi	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				20 ngày
B30	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo tờ trình và Quyết định thu hồi Thẻ giám định viên	21 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	1/2 ngày
B31	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B32	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B33	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/2 ngày
B34	Liên thông UBND tỉnh ban hành Quyết định thu hồi			6,75 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B35	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả: Quyết định thu hồi	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				30 ngày

5. Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp

- Thời gian thực tế giải quyết: 20 ngày làm việc;
- Trường hợp hồ sơ có thiếu sót: Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày làm việc; có 30 ngày để người đăng ký sửa chữa hoặc có ý kiến phản đối; Thời gian thực tế giải quyết: 20 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ và người đăng ký đáp ứng đủ điều kiện tham dự kiểm tra: + Báo cáo thẩm định; + Tờ trình đề nghị ban hành thông báo; + Dự thảo thông báo chấp nhận hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong đó nêu rõ kế hoạch kiểm tra; - Trường hợp hồ sơ có thiếu sót: chuyển	13 ngày

			bước B8	
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	01 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/4 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			04 ngày
B7	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				20 ngày
B8	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Báo cáo thẩm định; - Tờ trình đề nghị ban hành; - Dự thảo thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ trong đó nêu rõ lý do	05 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	01 ngày

B9	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B10	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/4 ngày
B11	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/4 ngày
B12	Liên thông UBND tỉnh			2,25 ngày
B13	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
B14	Người đăng ký sửa chữa hoặc có ý kiến phản đối			
B15	Tiếp nhận ý kiến bằng văn bản về thông báo dự định từ chối	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B16	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Tờ trình đề nghị ban hành; - Dự thảo Thông báo chấp nhận hồ sơ đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp hoặc Dự thảo Quyết định từ chối chấp nhận đơn đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp	05 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	01 ngày

B17	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B18	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B19	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/2 ngày
B20	Liên thông UBND tỉnh			2,25 ngày
B21	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				20 ngày

6. Thủ tục ra Quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế

- Thời gian thực tế giải quyết: 60 ngày làm việc;
- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ (yêu cầu ra quyết định chuyển giao quyền sử dụng sáng chế không có căn cứ xác đáng): Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 60 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Trường hợp hồ sơ hợp lệ: - Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Thông báo yêu cầu chuyển giao	09 ngày

			sáng chế. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ (yêu cầu ra quyết định chuyển giao quyền sử dụng sáng chế không có căn cứ xác đáng): chuyển bước B12	
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	02 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	01 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản được phê duyệt	1/2 ngày
B5	Tiếp nhận văn bản trả lời thông báo yêu cầu chuyển giao sáng chế	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B6	Ý kiến của Tổ chức cá nhân đối với Thông báo			30 ngày
B7	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Dự thảo Văn bản yêu cầu các bên liên quan khắc phục các bất đồng để ký Hợp đồng chuyển giao (nếu cần thiết). - Báo cáo kết quả xem xét hồ sơ - Tờ trình phê duyệt quyết định bắt buộc chuyển giao sáng chế; - Dự thảo Quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế	09 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt	02 ngày
B8	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	01 ngày

B9	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/2 ngày
B10	Liên thông UBND tỉnh ban hành Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh			4,75 ngày
B11	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				60 ngày
B12	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Tờ trình phê duyệt dự thảo Thông báo - Dự thảo Thông báo của Chủ tịch UBND tỉnh về dự định từ chối.	08 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	01 ngày
B13	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B14	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/4 ngày
B15	Liên thông UBND tỉnh			3,75 ngày
B16	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
B17	Ý kiến của Tổ chức cá nhân đối với Thông báo dự định từ chối			30 ngày
B18	Tiếp nhận ý kiến bằng văn bản về dự	Bộ phận một cửa tại Trung tâm	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày

	định từ chối	Phục vụ Hành chính công tỉnh		
B19	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Báo cáo thẩm định; - Tờ trình đề nghị phê duyệt - Dự thảo Quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế/ Dự thảo Thông báo của Chủ tịch UBND tỉnh về từ chối yêu cầu bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế (trong đó nêu rõ lý do từ chối)	08 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt	02 ngày
B20	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	01 ngày
B21	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/2 ngày
B22	Liên thông UBND tỉnh ban hành Thông báo từ chối			3,75 ngày
B23	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				60 ngày

7. Thủ tục yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 60 ngày làm việc; Thời gian thực tế giải quyết: 60 ngày làm việc;
- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 60 ngày làm việc; Thời gian giải quyết: 60 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Trường hợp hồ sơ hợp lệ: + Báo cáo thẩm định; + Dự thảo Thông báo về yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc cho người nắm giữ độc quyền sáng chế. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: chuyển bước B12	09 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	02 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	01 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản được phê duyệt	1/2 ngày
B5	Tiếp nhận văn bản trả lời	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/4 ngày
B6	Ý kiến của người nắm giữ độc quyền sáng chế			30 ngày
B7	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Báo cáo kết quả xem xét hồ sơ - Tờ trình phê duyệt quyết định bắt buộc	8,5 ngày

			chấm dứt quyền sử dụng sáng chế hoặc thông báo từ chối yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc	
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt	1/2 ngày
B8	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B9	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/4 ngày
B10	Liên thông UBND tỉnh			6,75 ngày
B11	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				60 ngày
B12	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Thông báo của Chủ tịch UBND tỉnh về dự định từ chối	09 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	01 ngày
B13	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B14	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/4 ngày

B15	Liên thông UBND tỉnh			4,25 ngày
B16	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
B17	Ý kiến của Tổ chức cá nhân đối với Thông báo dự định từ chối			30 ngày
B18	Tiếp nhận ý kiến bằng văn bản về dự định từ chối	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B19	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Báo cáo thẩm định; - Tờ trình về việc ban hành thông báo từ chối yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc - Dự thảo Thông báo của Chủ tịch UBND tỉnh về từ chối yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc	8,5 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt	1/2 ngày
B20	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B21	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/4 ngày
B22	Liên thông UBND tỉnh			4,25 ngày
B23	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				60 ngày

III. Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 01 quy trình

1. Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân (đối với các giải thưởng do cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã - hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, Hội, Hiệp hội ở Trung ương, Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố tổ chức)

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc;

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Dự thảo Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo tờ trình gửi UBND tỉnh về việc đề nghị xem xét, xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa. - Dự thảo văn bản xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa. - Hồ sơ gửi kèm;	3,5 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Ký báo cáo thẩm định hồ sơ; - Xét duyệt dự thảo tờ trình gửi UBND tỉnh về việc đề nghị xem xét, xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa; văn bản xác nhận đăng ký hoạt động xét	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
			tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa.	
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	- Phê duyệt tờ trình gửi UBND tỉnh về việc đề nghị xem xét, xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Xét duyệt dự thảo văn bản xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Hồ sơ gửi kèm.	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kèm hồ sơ Văn bản của UBND tỉnh được ký duyệt	1/4 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh ký Văn bản xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa			4 ngày
B7	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn bản xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				10 ngày

B. Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Sở Khoa học và Công nghệ: 154 quy trình

I. Lĩnh vực hoạt động Khoa học và Công nghệ: 28 quy trình

1. Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích Quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 45 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 23,5 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 21,5 ngày làm việc.

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kèm scan hồ sơ hợp lệ (hoặc chuyển hồ sơ bằng văn bản)	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ thụ lý, xử lý hồ sơ	Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ	Kiểm tra hồ sơ, điều kiện thẩm định, văn bản tiếp nhận hồ sơ (trường hợp không đủ điều kiện thẩm định gửi văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị thẩm định, đồng thời thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị)	02 ngày
			Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của Sở KHCN	05 ngày
			Dự thảo văn bản Thành lập Hội đồng và tổ chuyên gia đánh giá	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
		lãnh đạo Sở phê duyệt		
B3	Xem xét, phê duyệt. Giao văn thư phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Hội đồng, chuyên gia làm việc	5 ngày		
B5	Phòng Khoa học và Công nghệ tiếp nhận kết quả từ Hội đồng và xử lý	Chuyên viên xử lý	Dự thảo Giấy xác nhận thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ.	04 ngày
		Lãnh đạo phòng thẩm định	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B6	Phê duyệt	lãnh đạo sở	Ý kiến	01 ngày
B7	Phát hành văn bản	Văn thư sở KHCN	Đính kèm văn bản đã phát hành chuyển Bộ phận một cửa	1/2 ngày
B8	Bộ phận một cửa trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả Giấy xác nhận được ký duyệt	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				21,5 ngày

2. Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 45 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 23,5 ngày làm việc;

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 21,5 ngày làm việc.

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kèm scan hồ sơ (hoặc chuyển hồ sơ bằng văn bản)	1/2 ngày
B2	Phòng khoa học và Công nghệ thụ lý, xử lý hồ sơ	Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ	Kiểm tra hồ sơ, điều kiện thẩm định, văn bản tiếp nhận hồ sơ (trường hợp không đủ điều kiện thẩm định gửi văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị thẩm định, đồng thời thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị)	02 ngày
			Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của Sở KH-CN	05 ngày
			Dự thảo văn bản Thành lập Hội đồng và tổ chuyên gia đánh giá	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Xem xét, phê duyệt. Giao văn thư phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Hội đồng, chuyên gia làm việc	05 ngày		
B5	Phòng Khoa học và Công nghệ tiếp nhận kết quả từ Hội đồng và	Chuyên viên xử lý	Dự thảo Giấy xác nhận đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ.	04 ngày

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	xử lý			
		Lãnh đạo phòng thẩm định	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B6	Phê duyệt	Lãnh đạo sở	Ý kiến	01 ngày
B7	Phát hành văn bản	Văn thư sở KHCN	đính kèm văn bản đã phát hành chuyển Bộ phận một cửa	1/2 ngày
B8	Bộ phận một cửa trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả Giấy xác nhận được ký duyệt	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				21,5 ngày

3. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 5 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 1/2 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 4,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kèm scan hồ sơ hợp lệ	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Cán bộ, chuyên viên phụ trách được phân công thẩm định hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Giấy chứng nhận	1,5 ngày
		Lãnh đạo phòng	Ý kiến thẩm định, ký duyệt báo cáo và Tờ trình	01 ngày
B3	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt. Giao văn thư lấy sổ, vào sổ, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt, ký duyệt Giấy chứng nhận	01 ngày
B4	Văn thư lưu sổ công văn và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				4,5 ngày

4. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 5 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 1/2 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 4,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Cán bộ, chuyên viên phụ trách được phân công thẩm định hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Giấy chứng nhận	1,5 ngày
		Lãnh đạo phòng	Ý kiến thẩm định, ký duyệt Báo cáo và Tờ trình	01 ngày
B3	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt, Ký duyệt Giấy chứng nhận	01 ngày
B4	Văn thư lưu sổ công văn và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả là Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				4,5 ngày

5. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 15 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 3 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 12 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (<i>scan hồ sơ</i>)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kèm scan hồ sơ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ thụ lý, xử lý hồ sơ tham mưu việc thành lập Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ	Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ thẩm định nội dung, tham mưu văn bản	Dự thảo Văn bản thành lập Hội đồng	02 ngày
		Lãnh đạo phòng	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	- Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt. - Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành.	- Lãnh đạo Sở - Văn thư Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Văn thư lưu sổ công văn và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư Sở	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ làm việc		Kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ (Biên bản họp kèm theo hồ sơ hội đồng; Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ)	05 ngày
B6	Phòng Khoa học và Công nghệ tiếp nhận kết quả từ Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ, xử lý	Chuyên viên	Tổng hợp, xây dựng dự thảo văn bản (kèm dự thảo Giấy chứng nhận)	02 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt văn bản	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B7	Lãnh đạo sở Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Văn bản phê duyệt Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B8	Phát hành văn bản và chuyển bộ phận một cửa	văn thư	Đính kèm văn bản phát hành	1/4 ngày
B9	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				12 ngày

6. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao

* Trường hợp không thay đổi công nghệ, sản phẩm công nghệ hoặc quy mô sản lượng, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc;

- Thời gian cắt giảm: 2,5 ngày làm việc;

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 7,5 ngày làm việc;

* Trường hợp có thay đổi công nghệ, sản phẩm công nghệ hoặc quy mô sản lượng, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm: Thời gian giải quyết 12 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (<i>scan hồ sơ</i>)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Kèm scan hồ sơ hợp lệ	01 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ thẩm định nội dung, tham mưu văn bản	- Trường hợp không thay đổi công nghệ, sản phẩm công nghệ hoặc quy mô sản lượng, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm + Báo cáo thẩm định; + dự thảo Giấy chứng nhận - Trường hợp có thay đổi công nghệ, sản phẩm công nghệ hoặc quy mô sản lượng, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm: chuyển bước 6	04 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định; ký duyệt báo cáo	01 ngày
B3	- Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt. - Văn thư lấy số, vào sổ, phát hành.	- Lãnh đạo Sở - Văn thư Sở	Ý kiến phê duyệt ký duyệt Giấy chứng nhận	01 ngày
B4	Văn thư lưu sổ công văn và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư Sở	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả Giấy chứng nhận được ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				7,5 ngày
B6	Phòng Khoa học và Công nghệ thụ lý,	Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ thẩm	Văn bản thành lập Hội đồng tư vấn	02 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	xử lý hồ sơ tham mưu việc thành lập Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ	định nội dung, tham mưu văn bản		
		Lãnh đạo phòng - Tên người thực hiện: Vũ Văn Khang - Tên tài khoản: khangvv.skhn	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B7	- Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt. - Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành.	- Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B8	Văn thư lưu sổ công văn và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư Sở	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B9	Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ làm việc		Kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ	05 ngày
B10	Phòng Khoa học và Công nghệ tiếp nhận kết quả từ Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ, xử lý	Chuyên viên	Tổng hợp, xây dựng dự thảo văn bản (Báo cáo thẩm định của Hội đồng; kèm dự thảo Giấy chứng nhận)	02 ngày
		Lãnh đạo phòng	Thẩm định ký văn bản	1/2 ngày
B11	Lãnh đạo sở Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Văn bản phê duyệt, ký Giấy chứng nhận	1/4 ngày
B12	Phát hành văn bản và chuyển bộ phận một cửa	Văn thư	Đính kèm văn bản phát hành	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B13	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả là Giấy chứng nhận	1/4 ngày
	Tổng thời gian thực hiện			12 ngày

7. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 5 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 1/2 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 4,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (<i>scan hồ sơ</i>)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kèm scan hồ sơ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ thẩm định nội dung, tham mưu văn bản	Báo cáo thẩm định kèm Dự thảo Giấy chứng nhận	2,75 ngày
		Lãnh đạo phòng	Ý kiến thẩm định, ký duyệt Báo cáo	1/2 ngày
B3	- Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt. - Văn thư lấy số, vào sổ, phát hành.	- Lãnh đạo Sở - Văn thư Sở	Ý kiến phê duyệt, ký duyệt Giấy chứng nhận	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B4	Văn thư lưu sổ công văn và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư Sở	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả Giấy chứng nhận được ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				4,5 ngày

8. Thủ tục xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên

* Trường hợp dự án có quy mô nhỏ, công nghệ không phức tạp

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 23 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 5,5 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 17,5 ngày làm việc;

* Trường hợp dự án có quy mô lớn, công nghệ phức tạp (Có thể kéo dài thêm 20 ngày làm việc).

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 43 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 10,5 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 32,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ theo quy định (chuyển hồ sơ điện tử) và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Cán bộ, chuyên viên phụ trách được phân công thẩm định hồ sơ	- Trường hợp dự án có quy mô nhỏ, công nghệ không phức tạp: Dự thảo văn bản xin ý kiến Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc tổ chức, chuyên gia độc lập. - Trường hợp dự án có quy mô lớn, công nghệ phức tạp (Có thể kéo dài thêm 20 ngày làm việc): chuyển bước B6	1,5 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo văn bản	1/2 ngày
		Lãnh đạo sở	Ký, ban hành	1/2 ngày
B3	Phòng Khoa học và Công nghệ	Cán bộ, chuyên viên phụ trách được phân công thẩm định hồ sơ	Tổng hợp ý kiến tham gia từ Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc các tổ chức, chuyên gia độc lập	10 ngày
B4	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên	Dự thảo văn bản xác định dự án có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên	02 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	01 ngày
		Lãnh đạo Sở	Ký duyệt văn bản	01 ngày
B4	Văn thư lưu sổ công văn và bàn giao Bộ phận một cửa	Văn thư	Đóng dấu, ban hành văn bản	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả là văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				17,5 ngày
B6	Tiếp nhận hồ sơ theo quy định (scan hoặc chuyển hồ sơ điện tử) và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	- Hồ sơ: Không đầy đủ hợp lệ thì từ chối tiếp nhận. - Hồ sơ: Đầy đủ hợp lệ thì tiếp nhận theo quy định.	1/2 ngày
B7	Phòng Khoa học và Công nghệ	Cán bộ, chuyên viên phụ trách được phân công thẩm định hồ sơ	Dự thảo văn bản đề nghị tổ chức, chuyên gia độc lập tham gia Hội đồng tư vấn	02 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo văn bản	1/2 ngày
		Lãnh đạo sở	Ký, ban hành	1/2 ngày
B8	Phòng Khoa học và Công nghệ	Cán bộ, chuyên viên phụ trách được phân công thẩm định hồ sơ	- Tổng hợp văn bản cử thành viên tham gia Hội đồng tư vấn;	22 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
			- Tham mưu Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn; - Hội đồng tư vấn khảo sát thực tế để xác định công nghệ; Kết quả Biên bản Hội đồng tư vấn kèm hồ sơ của Hội đồng	
B9	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên	Dự thảo văn bản xác định dự án có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên	04 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	1,5 ngày
		Lãnh đạo Sở	Ký duyệt văn bản	01 ngày
B10	Văn thư lưu sổ công văn và bàn giao Bộ phận một cửa	Văn thư	Đóng dấu ban hành văn bản	1/4 ngày
B11	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả là văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				32,5 ngày

9. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 15 ngày làm việc;

- Thời gian cắt giảm: 6,5 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 8,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (<i>scan hồ sơ</i>)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Cán bộ, chuyên viên phụ trách được phân công thẩm định hồ sơ	Báo cáo thẩm định kèm Giấy chứng nhận	6,75 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt báo cáo	1/4 ngày
B3	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt (phê duyệt Giấy chứng nhận)	1/2 ngày
B4	Văn thư lưu sổ công văn và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kết quả trả Giấy chứng nhận được ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				8,5 ngày

10. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc;

- Thời gian cắt giảm: 1,5 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 8,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kèm scan hồ sơ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Cán bộ, chuyên viên phụ trách được phân công thẩm định hồ sơ	- Báo cáo thẩm định kèm Giấy chứng nhận	6,5 ngày
		Lãnh đạo phòng	Ý kiến thẩm định ký duyệt Báo cáo	0,5 ngày
B3	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt, ký duyệt Giấy chứng nhận	0,5 ngày
B4	Văn thư lưu sổ công văn và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả Giấy chứng nhận được ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				8,5 ngày

11. Thủ tục Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 2,5 ngày làm việc;

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 7,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (<i>scan hồ sơ</i>)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kèm scan hồ sơ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Cán bộ, chuyên viên phụ trách được phân công thẩm định hồ sơ	Báo cáo thẩm định kèm Giấy chứng nhận	5,75 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt báo cáo	1/4 ngày
B3	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt. Giao văn thư lấy sổ, vào sổ, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt (phê duyệt Giấy chứng nhận)	1/2 ngày
B4	Văn thư lưu sổ công văn và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kết quả trả Giấy chứng nhận được phê duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				7,5 ngày

12. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 15 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 6,5 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 8,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (<i>scan hồ sơ</i>)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kèm scan hồ sơ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Cán bộ, chuyên viên phụ trách được phân công thẩm định hồ sơ	Báo cáo thẩm định, kèm Giấy chứng nhận	6,75 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt báo cáo	1/4 ngày
B3	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt. Giao văn thư lấy sổ, vào sổ, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt (phê duyệt Giấy chứng nhận)	1/2 ngày
B4	Văn thư lưu sổ công văn và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kết quả trả Giấy chứng nhận được phê duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				8,5 ngày

13. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 1,5 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 8,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kèm scan hồ sơ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Cán bộ, chuyên viên phụ trách được phân công thẩm định hồ sơ	- Báo cáo thẩm định kèm dự thảo Giấy chứng-nhận	6,5 ngày
		Lãnh đạo phòng	Ý kiến thẩm định, ký duyệt Báo cáo	0,5 ngày
B3	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt, ký duyệt Giấy chứng nhận	0,5 ngày
B4	Văn thư lưu sổ công văn và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả Giấy chứng nhận được ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				8,5 ngày

14. Thủ tục Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 2,5 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 7,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (<i>scan hồ sơ</i>)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kèm scan hồ sơ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Cán bộ, chuyên viên phụ trách được phân công thẩm định hồ sơ	Báo cáo thẩm định kèm Giấy chứng nhận	5,75 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt báo cáo	1/4 ngày
B3	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt (phê duyệt Giấy chứng nhận)	1/2 ngày
B4	Văn thư lưu sổ công văn và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kết quả trả Giấy chứng nhận được phê duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				7,5 ngày

15. Thủ tục đánh giá, xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.

* Trường hợp Đặc cách cấp Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 5 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 1/2 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 4,5 ngày làm việc;

* Trường hợp không phải là đặc cách cấp Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 45 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 4,5 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 40,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Kèm scan hồ sơ (hoặc chuyển hồ sơ bằng văn bản)	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ thụ lý, xử lý hồ sơ	Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ	- Trường hợp Đặc cách cấp Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ: Báo cáo thẩm định kèm dự thảo Giấy xác nhận - Trường hợp không phải là đặc cách cấp Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ: chuyển bước B6	02 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định, ký duyệt Báo cáo	1/2 ngày
B3	Xem xét, phê duyệt. Giao văn thư phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt, ký duyệt Giấy xác nhận	1/2 ngày
B4	Phát hành văn bản	Văn thư sở KHCN	đính kèm văn bản đã phát hành chuyển Bộ phận một cửa	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B5	Bộ Bộ phận một cửa trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả Giấy xác nhận được ký duyệt	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				4,5 ngày
B6	Phòng Khoa học và Công nghệ thụ lý, xử lý hồ sơ	Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ	Kiểm tra hồ sơ, điều kiện thẩm định, văn bản tiếp nhận hồ sơ (trường hợp không đủ điều kiện thẩm định gửi văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị thẩm định, đồng thời thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị)	04 ngày
		Chuyên viên	Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của Sở KH-CN	10 ngày
		Chuyên viên	Dự thảo văn bản Thành lập Hội đồng và tổ chuyên gia đánh giá	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B7	Xem xét, phê duyệt. Giao văn thư phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B8	Hội đồng, chuyên gia làm việc		Biên bản đánh giá kèm hồ sơ họp của Hội đồng, chuyên gia	17 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B9	Phòng Khoa học và Công nghệ tiếp nhận kết quả từ Hội đồng và xử lý	Chuyên viên xử lý	Tiếp nhận kết quả Hội đồng, dự thảo Giấy xác nhận	04 ngày
		Lãnh đạo phòng thẩm định	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B10	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo sở	Ý kiến, ký duyệt Giấy xác nhận	01 ngày
B11	Phát hành văn bản	Văn thư sở KHCN	đính kèm văn bản đã phát hành chuyển Bộ phận một cửa	1/2 ngày
B12	Bộ Bộ phận một cửa trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả là văn bản do Sở phát hành	1/2 ngày
B13	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Kèm scan hồ sơ, Giấy xác nhận được ký duyệt (hoặc chuyển hồ sơ bằng văn bản)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				40,5 ngày

16. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 5,5 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 4,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kèm scan hồ sơ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ thụ lý, xử lý hồ sơ tham mưu việc ban hành văn bản gửi Cục Khởi nghiệp và Doanh nghiệp công nghệ	Cán bộ, chuyên viên phụ trách được phân công	Dự thảo Công văn gửi Cục Khởi nghiệp và Doanh nghiệp công nghệ	1,5 ngày
		Lãnh đạo phòng	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt Công văn	01 ngày
B4	Văn thư lưu sổ công văn và bàn giao bộ phận một cửa; gửi Hồ sơ và Văn bản về Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp KHCVN	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/2 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả là văn bản do Sở phát hành gửi Cục Khởi nghiệp và Doanh nghiệp công nghệ	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				4,5 ngày

17. Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ

* Trường hợp không bổ sung sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ, thời hạn cấp thay đổi nội dung Giấy

chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 5 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 1/2 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 4,5 ngày làm việc;

* Trường hợp bổ sung sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ, thời hạn cấp thay đổi nội dung Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 1,5 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 8,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Kèm scan hồ sơ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ	- Trường hợp không bổ sung sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ, thời hạn cấp thay đổi nội dung Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ: Báo cáo thẩm định kèm dự thảo Giấy chứng nhận —Trường hợp bổ sung sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ, thời hạn cấp thay đổi nội dung Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	1,5 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
			nghệ: chuyển bước B6	
		Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định, ký duyệt Báo cáo	01 ngày
B3	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt. Giao văn thư lấy sổ, vào sổ, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt, ký duyệt Giấy chứng nhận	01 ngày
B4	Văn thư lưu sổ công văn và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả Giấy chứng nhận được ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				4,5 ngày
B6	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ thẩm định nội dung bổ sung sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ, tham mưu văn bản	Báo cáo thẩm định kèm dự thảo Giấy chứng nhận	6,5 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định, ký duyệt Báo cáo	01 ngày
B7	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt. Giao văn thư lấy sổ, vào sổ, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt (ký Giấy chứng nhận)	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B8	Văn thư lưu sổ công văn và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B9	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả là văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				8,5 ngày

18. Thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: không xác định.
- Thời gian giải quyết: 40 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp cơ sở (nếu có)	Hồ sơ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Tổng hợp, lập danh mục các đề xuất nhiệm vụ; tra cứu thông tin các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã và đang thực hiện trên địa bàn tỉnh có liên quan đến nhiệm vụ được đề xuất	Công chức phòng chuyên môn đơn vị được giao tham mưu quản lý cơ quan, đơn vị cấp cơ sở	Danh mục các đề xuất nhiệm vụ	15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B3	Thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ hoặc lựa chọn chuyên gia tư vấn độc lập để xác định danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở	Công chức phòng chuyên môn đơn vị được giao tham mưu quản lý cơ quan, đơn vị cấp cơ sở	Dự thảo các Quyết định thành lập Hội đồng hoặc Tổ chuyên gia	05 ngày
		Lãnh đạo phòng chuyên môn đơn vị	Xét duyệt	01 ngày
B4	Phê duyệt	Lãnh đạo đơn vị cấp cơ sở	Quyết định thành lập Hội đồng hoặc Tổ chuyên gia	01 ngày
B5	Tổ chức họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ hoặc xin ý kiến chuyên gia tư vấn độc lập để xác định danh mục nhiệm vụ	Hội đồng tư vấn, Tổ chuyên gia	Biên bản họp Hội đồng hoặc ý kiến của chuyên gia kèm theo hồ sơ	07 ngày
B6	Phê duyệt danh mục nhiệm vụ đề xuất đặt hàng	Chuyên viên	Dự thảo Quyết định phê duyệt	03 ngày
		Lãnh đạo phòng chuyên môn đơn vị	Xét duyệt	01 ngày
B7	Trình phê duyệt	Lãnh đạo đơn vị cấp cơ sở	Dự thảo Quyết định phê duyệt danh mục	01 ngày
	Phê duyệt	Lãnh đạo đơn vị cấp cơ sở/cơ quan có thẩm quyền	Quyết định phê duyệt	05 ngày
B8	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa	Quyết định phê duyệt danh mục	1/2 ngày
	Tổng thời gian thực hiện			40 ngày

19. Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: không xác định.

- Thời gian giải quyết: 64 ngày làm việc

+ Thời gian tổ chức mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở: 07 ngày.

+ Thời gian hoàn thiện hồ sơ kể từ ngày có kết quả tư vấn của Hội đồng tuyển chọn, kết quả thẩm định của Tổ thẩm định kinh phí: 10 ngày.

+ Thời gian phê duyệt kết quả tuyển chọn tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ và kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở: 06 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp cơ sở (nếu có)	Hồ sơ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở. - Trong trường hợp hồ sơ hợp lệ, chuyển B3. - Trong trường hợp hồ sơ không đạt, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản gửi tổ chức, cá nhân thông báo, nêu rõ lý do, chuyển B13	Công chức (chuyên viên) phòng chuyên môn đơn vị được giao tham mưu quản lý cơ quan, đơn vị cấp cơ sở	Biên bản mở Hồ sơ thuyết minh nhiệm vụ	07 ngày
B3	Thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn, Tổ thẩm định kinh phí	Công chức (chuyên viên) phòng chuyên môn đơn vị được giao tham mưu quản lý cơ	Dự thảo các Quyết định thành lập	08 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
	nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở	quan, đơn vị cấp cơ sở	Hội đồng, Tổ thẩm định kinh phí	
		Lãnh đạo phòng chuyên môn đơn vị	Xét duyệt	01 ngày
		Lãnh đạo đơn vị cấp cơ sở	Phê duyệt	01 ngày
B4	Hội đồng tuyển chọn làm việc	Thành viên Hội đồng tuyển chọn	Biên bản họp Hội đồng tuyển chọn kèm theo hồ sơ	6,5 ngày
B5	Thông báo kết quả tuyển chọn	Công chức phòng chuyên môn đơn vị	Dự thảo Thông báo kết quả tuyển chọn của UBND tỉnh	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng chuyên môn đơn vị	Xét duyệt	1/2 ngày
		Lãnh đạo đơn vị cấp cơ sở	Phê duyệt	01 ngày
B6	- Hoàn thiện thuyết minh nhiệm vụ theo kết luận của Hội đồng tuyển chọn - Báo cáo tiếp thu, giải trình các ý kiến của Hội đồng, tài liệu liên quan	Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm	- Hồ sơ thuyết minh nhiệm vụ - Báo cáo tiếp thu, giải trình các ý kiến của Hội đồng, tài liệu liên quan	15 ngày
B7	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Hồ sơ thuyết minh nhiệm vụ - Báo cáo tiếp thu, giải trình các ý kiến của Hội đồng tuyển chọn, tài liệu liên quan	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
B8	Tổ thẩm định kinh phí làm việc	Tổ thẩm định kinh phí	Biên bản họp Tổ thẩm định kinh phí kèm theo hồ sơ	05 ngày
B9	Bổ sung, hoàn thiện hồ sơ	Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm	Hồ sơ thuyết minh sau bổ sung hoàn thiện	10 ngày
B10	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Hồ sơ thuyết minh nhiệm vụ - Báo cáo tiếp thu, giải trình các ý kiến của Tổ thẩm định, tài liệu liên quan	1/2 ngày
B11	Thẩm định hồ sơ; xây dựng dự thảo Tờ trình, Quyết định phê duyệt	Công chức phòng chuyên môn đơn vị	- Hồ sơ thuyết minh nhiệm vụ đã chỉnh sửa hoàn thiện - Dự thảo Quyết định phê duyệt	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng chuyên môn, đơn vị	Xét duyệt	1/2 ngày
B12	Trình phê duyệt	Lãnh đạo đơn vị cấp cơ sở	Tờ trình; Dự thảo Quyết định phê duyệt danh mục	1/2 ngày
	Phê duyệt	Lãnh đạo đơn vị cấp cơ sở/cơ quan có thẩm quyền	Quyết định phê duyệt	05 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
B13	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa	Quyết định phê duyệt	1/2 ngày
	Tổng thời gian thực hiện			64 ngày

20. Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: không xác định.
- Thời gian giải quyết: 40 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp cơ sở (nếu có)	Hồ sơ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ - Trong trường hợp hồ sơ không đầy đủ, chuyển B3. - Trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, chuyển B6.	Công chức phòng chuyên môn đơn vị được giao tham mưu quản lý nhiệm vụ	Biên bản xác nhận tình trạng hồ sơ	07 ngày
B3	Thông báo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ	Công chức phòng chuyên môn đơn vị	Dự thảo Thông báo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ	01 ngày
		Lãnh đạo phòng chuyên môn, đơn vị	Xét duyệt	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
		Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cơ sở	Phê duyệt	01 ngày
B4	Bổ sung, hoàn thiện hồ sơ	Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm	Hồ sơ nghiệm thu sau bổ sung hoàn thiện	15 ngày
B5	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ nghiệm thu sau bổ sung hoàn thiện	1/2 ngày
B6	Thành lập Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ cấp cơ sở và Tổ chuyên gia (Trong trường hợp sản phẩm đo kiểm được)	Công chức phòng chuyên môn đơn vị	Dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng, Tổ chuyên gia (nếu có)	05 ngày
		Lãnh đạo phòng chuyên môn đơn vị	Xét duyệt	01 ngày
		Lãnh đạo đơn vị cấp cơ sở	Phê duyệt	01 ngày
B7	Hội đồng làm việc	Thành viên Hội đồng	Biên bản họp Hội đồng.	07 ngày
B8	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu	1/2 ngày
	Tổng thời gian thực hiện			40 ngày

21. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho tổ chức.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 03 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 07 ngày làm việc;
- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, sửa chữa thiếu sót: Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Báo cáo thẩm định kèm theo Dự thảo Quyết định cấp Giấy chứng hoặc văn bản từ chối; - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, sửa chữa thiếu sót: chuyển bước B6	05 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt báo cáo	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt (ký Quyết định cấp Giấy chứng nhận)	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Hồ sơ	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				07 ngày
B6	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Báo cáo thẩm định kèm dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ	05 ngày
		Lãnh đạo phòng	phê duyệt Báo cáo	1/2 ngày
B7	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Thông báo	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B8	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Thông báo	1/4 ngày
B9	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
B10	Sửa chữa hồ sơ	Tổ chức, các nhân đề xuất	Hồ sơ hoàn chỉnh sau chỉnh sửa	
B11	Chuyển thực hiện bước B1			
Tổng thời gian thực hiện đề nghị sửa chữa				07 ngày

22. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho cá nhân.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 05 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 05 ngày làm việc;
- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: thời gian giải quyết 05 ngày làm việc để thông báo đến cá nhân.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Trường hợp hồ sơ hợp lệ: + Báo cáo thẩm định; + Dự thảo Giấy chứng nhận/văn bản từ chối; - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: chuyển bước B6	2,5 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt báo cáo	01 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Giấy chứng nhận/văn bản từ chối	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản phê duyệt	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				05 ngày
B6	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Công văn của UBND tỉnh yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ	2,5 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt báo cáo	01 ngày
B7	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Công văn	1/2 ngày
B8	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Hồ sơ ký duyệt	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	cửa			
B9	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/2 ngày
B10	Chuyển bước B1			
Tổng thời gian thực hiện				05 ngày

23. Thủ tục đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 25 ngày làm việc
- Thời gian cắt giảm: 13,5 ngày làm việc
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 11,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Dự thảo Tờ trình đề nghị đồng ý hoặc không đồng ý cho tổ chức, cá nhân đặt, xét tặng giải thưởng về KH&CN (kèm theo Dự thảo văn bản của Sở)	09 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt dự thảo Tờ trình	01 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Văn bản	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Hồ sơ	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kèm hồ sơ Văn bản của Sở được ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				11,5 ngày

24. Thủ tục: “Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 05 ngày;
- Thời gian cắt giảm: 02 ngày;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 03 ngày.

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Hồ sơ TTHC	1/4 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phòng Thông tin và đổi mới sáng tạo - Trung tâm Đổi mới sáng tạo	Chuyên viên Phòng Thông tin và đổi mới sáng tạo	Dự thảo Giấy đăng ký	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng Thông tin và đổi mới sáng tạo	Dự thảo Giấy đăng ký đã được phê duyệt	1/2 ngày
B3	Ký duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Trung tâm Đổi mới sáng tạo	Giấy đăng ký đã được ký duyệt	1/2 ngày
B4	Chuyển kết quả giải quyết TTHC cho văn thư đóng dấu và bàn giao về bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Văn thư Trung tâm Đổi mới sáng tạo	Giấy đăng ký đã được đóng dấu	1/2 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Kết quả trả Giấy đăng ký đã được hoàn thiện	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				03 ngày

25. Thủ tục “Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước”.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 05 ngày;
- Thời gian cắt giảm: 02 ngày;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 03 ngày.

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Hồ sơ TTHC	1/4 ngày
B2	Phòng Thông tin và đổi mới sáng tạo - Trung tâm Đổi mới sáng tạo	Chuyên viên Phòng Thông tin và đổi mới sáng tạo	Dự thảo Giấy đăng ký	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng Thông tin và đổi mới sáng tạo	Dự thảo Giấy đăng ký đã được phê duyệt	1/2 ngày
B3	Ký duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Trung tâm Đổi mới sáng tạo	Giấy đăng ký đã được ký duyệt	1/2 ngày
B4	Chuyển kết quả giải quyết TTHC cho văn thư đóng dấu và bàn giao về bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh Sơn La	Văn thư Trung tâm Đổi mới sáng tạo	Giấy đăng ký đã được đóng dấu	1/2 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Kết quả trả Giấy đăng ký đã được hoàn thiện	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				03 ngày

26. Thủ tục “Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 05 ngày;
- Thời gian cắt giảm: 02 ngày;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 03 ngày.

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Hồ sơ TTHC	1/4 ngày
B2	Phòng Thông tin và đổi mới sáng tạo - Trung tâm Đổi mới sáng tạo	Chuyên viên Phòng Thông tin và đổi mới sáng tạo	Dự thảo Giấy đăng ký	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng Thông tin và đổi mới sáng tạo	Dự thảo Giấy đăng ký đã được phê duyệt	1/2 ngày
B3	Ký duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Trung tâm Đổi mới sáng tạo	Giấy đăng ký đã được ký duyệt	1/2 ngày
B4	Chuyển kết quả giải quyết TTHC cho văn thư đóng dấu và bàn giao về bộ phận tiếp	Văn thư Trung tâm Đổi mới sáng tạo	Giấy đăng ký đã được đóng dấu	1/2 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	nhận và trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La			
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Kết quả trả Giấy đăng ký đã được hoàn thiện	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				03 ngày

27. Thủ tục xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ đối với cá nhân có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học và công nghệ

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 105 ngày;
- Thời gian cắt giảm: 35 ngày;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 70 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Thông báo tiếp nhận vào viên chức	- Đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ. - Trang Thông tin điện tử của Sở.	Thông báo	Ít nhất 15 ngày
B2	Nộp hồ sơ đăng ký xét tiếp nhận vào viên chức	Cá nhân đạt thành tích trong hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của	Hồ sơ	

		Bộ.		
B3	Xử lý hồ sơ			
*	<i>Hồ sơ xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu viên cao cấp, kỹ sư cao cấp (hạng I)</i>			
	Gửi hồ sơ đủ điều kiện tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh hạng I đến cơ quan có thẩm quyền	Đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ	Hồ sơ đủ điều kiện	10 ngày
*	<i>Hồ sơ xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu viên chính, kỹ sư chính (hạng II)</i>			
	Gửi hồ sơ đủ điều kiện tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh hạng I đến cơ quan có thẩm quyền	Đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ	Hồ sơ đủ điều kiện	10 ngày
*	<i>Hồ sơ xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh trợ lý nghiên cứu, kỹ thuật viên (hạng IV), nghiên cứu viên, kỹ sư (hạng III)</i>			
-	Thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch	Sở Khoa học và Công nghệ	Danh sách ứng viên đủ điều kiện, tiêu chuẩn được tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh hạng IV, chức danh hạng III	05 ngày

-	Xem xét, quyết định công nhận kết quả xét tiếp nhận vào viên chức	Sở Khoa học và Công nghệ	Kết quả xét tiếp nhận vào viên chức	15 ngày
-	Ban hành quyết định tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào hạng chức danh	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định	15 ngày
B4	Công khai kết quả xét tiếp nhận	Trang Thông tin điện tử của Sở	Quyết định	30 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				70 ngày

28. Thủ tục xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 60 ngày;
- Thời gian cắt giảm: 35 ngày;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 25 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Thông báo về việc xét đặc cách bổ nhiệm vào hạng chức danh cao hơn	- Đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ. - Trang Thông tin điện tử của Sở.	Thông báo	15 ngày
B2	Nộp hồ sơ đề nghị xét đặc cách bổ nhiệm hạng chức danh cao hơn	Cá nhân đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét đặc cách	Hồ sơ	
B3	Xử lý hồ sơ			

*	<i>Hồ sơ xét đặc cách bổ nhiệm chức danh nghiên cứu viên cao cấp, kỹ sư cao cấp (chức danh hạng I) không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác</i>			
	Gửi hồ sơ đủ tiêu chuẩn, điều kiện xét đặc cách bổ nhiệm hạng I	Đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ	Hồ sơ đủ điều kiện	10 ngày
*	<i>Hồ sơ xét đặc cách bổ nhiệm chức danh nghiên cứu viên chính, kỹ sư chính (chức danh hạng II) không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác</i>			
	Gửi hồ sơ đủ tiêu chuẩn, điều kiện xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh hạng II	Đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ	Hồ sơ đủ điều kiện	10 ngày
*	<i>Hồ sơ xét đặc cách bổ nhiệm chức danh nghiên cứu viên, kỹ sư (chức danh hạng III) không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác</i>			
-	Lập danh sách, kèm theo hồ sơ viên chức đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện	Đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ	Danh sách, hồ sơ viên chức đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện	
-	Thành lập Hội đồng xét bổ nhiệm đặc cách để xem xét, thẩm định hồ sơ	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định thành lập Hội đồng	05 ngày
-	Thông báo kết quả xét và quyết định bổ nhiệm đặc cách	Sở Khoa học và Công nghệ	Thông báo, Quyết định	15 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				25 ngày

II. Lĩnh vực sở hữu trí tuệ: 15 quy trình

1. Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 5 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 15 ngày làm việc;
- *Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, sửa chữa thiếu sót đạt yêu cầu:* thời gian giải quyết 15 ngày làm việc để thông báo đến tổ chức cá nhân;
- *Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, không sửa chữa hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu:* Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận thành phần hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: + Báo cáo thẩm định; + Dự thảo Quyết định và Chứng chỉ kèm theo; - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, sửa chữa thiếu sót: chuyển bước B6 - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, không sửa chữa hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu: Chuyển bước B12	12 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	01 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành văn bản	Văn thư	Đính kèm văn bản đã phát hành chuyển Bộ phận một cửa	1/2 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả: Quyết định và chứng chỉ	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày
B6	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Thông báo sửa chữa thiếu sót	12 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	01 ngày
B7	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	01 ngày
B8	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện	Văn thư	Đính kèm văn bản phát hành chuyển Bộ phận một cửa	1/2 ngày
B9	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Công chức Bộ phận một cửa	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/2 ngày
B10	Sửa chữa hồ sơ	Khách hàng		
B11	Thực hiện các bước B1			

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
Tổng thời gian thực hiện đề nghị sửa chữa hồ sơ				15 ngày
B12	Thực hiện từ B1-B2 (nếu hồ sơ không đạt yêu cầu)			
B13	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Quyết định từ chối cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ Đại diện SHCN;	12 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt báo cáo	01 ngày
B14	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	01 ngày
B15	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Kèm hồ sơ Văn bản của được ký duyệt	1/2 ngày
B16	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa	Kết quả Quyết định từ chối	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày

2. Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 5 ngày;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 15 ngày;

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, sửa chữa thiếu sót đạt yêu cầu: Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc để thông báo đến tổ chức, cá nhân.

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, không sửa chữa hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu: Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc.

- Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp lại do bị lỗi do cơ quan có thẩm quyền cấp gây ra: Thời gian giải quyết: 03 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận thành phần hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Trường hợp hồ sơ hợp lệ: + Báo cáo thẩm định + Dự thảo Quyết định cấp lại chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp; —Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, sửa chữa thiếu sót: chuyển bước B6 —Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, không sửa chữa hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu: chuyển bước B12 - Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp lại do bị lỗi do cơ quan có thẩm quyền cấp gây ra: chuyển bước B17	12 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt Báo cáo	01 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Quyết định	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Hồ sơ	1/2 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kèm hồ sơ Văn bản của Sở được ký duyệt	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày
B6	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Thông báo sửa chữa thiếu sót.	12 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt báo cáo	01 ngày
B7	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Thông báo	01 ngày
B8	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Hồ sơ	1/2 ngày
B9	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/2 ngày
B10	Sửa chữa hồ sơ	Tổ chức, cá nhân đề xuất		
B11	Chuyển thực hiện bước B1			
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày
B12	Từ bước B1 đến bước B2 (nếu hồ sơ không đạt yêu cầu)			

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B13	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Quyết định choi cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ Đại diện SHCN	12 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Phê duyệt Báo cáo	01 ngày
B14	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	- Phê duyệt Quyết định	01 ngày
B15	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Hồ sơ	1/2 ngày
B16	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày
B17	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định. - Dự thảo Quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ Đại diện SHCN;	01 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt Báo cáo	1/2 ngày
B18	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Quyết định	01 ngày
B19	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ	1/4 ngày
B20	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển	Công chức Bộ phận một cửa	Kết quả: Quyết định và chứng chỉ	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	hồ sơ liên thông			
	Tổng thời gian thực hiện			03 ngày

3. Thủ tục thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

** Trường hợp có quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc trường hợp có căn cứ khẳng định người được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp không còn đáp ứng các điều kiện hành nghề*

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 30 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 10 ngày làm việc
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 20 ngày làm việc

** Trường hợp tổ chức, cá nhân có yêu cầu thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp*

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 60 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 10 ngày;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 50 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận thành phần hợp lệ	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	<i>Trường hợp có quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc trường hợp có căn cứ khẳng định người được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp không còn đáp ứng các điều kiện hành nghề:</i> + Báo cáo thẩm định; + Dự thảo Thông báo thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp đối với được cấp Chứng chỉ hành nghề; <i>- Trường hợp tổ chức, cá nhân có yêu cầu thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: chuyển bước B12</i>	05 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt Báo cáo	02 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Thông báo	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Hồ sơ	1/2 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B6	Người được cấp Chứng chỉ hành nghề chuẩn bị ý kiến phản hồi			
B7	Tiếp nhận phản hồi	Phòng Khoa học và Công nghệ		
B8	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề;	07 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt báo cáo	2 ngày
B9	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Quyết định	01 ngày
B10	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Hồ sơ	1/2 ngày
B11	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả Quyết định thu hồi	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				20 ngày
B12	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Thông báo yêu cầu thu hồi cho người được cấp Chứng chỉ hành nghề;	21 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt báo cáo	2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B13	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Thông báo	01 ngày
B14	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Hồ sơ	01 ngày
B15	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả: Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/2 ngày
B16	Người được cấp Chứng chỉ hành nghề chuẩn bị ý kiến phản hồi			
B17	Tiếp nhận ý kiến phản hồi	Phòng KH&CN		
B18	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề;	22 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt báo cáo	01 ngày
B19	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Quyết định	1/2 ngày
B20	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Hồ sơ	1/2 ngày
B21	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả: Quyết định thu hồi	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				50 ngày

4. Thủ tục ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 5 ngày;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 15 ngày;
- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, sửa chữa thiếu sót đạt yêu cầu: thời gian giải quyết 15 ngày làm việc để thông báo đến tổ chức cá nhân
- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, không sửa chữa hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu: Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận thành phần hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Trường hợp hồ sơ hợp lệ: + Báo cáo thẩm định; + Dự thảo Quyết định phê duyệt ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp; - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, sửa chữa thiếu sót: chuyển bước B6 - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, không sửa chữa hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu: chuyển bước B12	12 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt báo cáo	01 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Quyết định	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Hồ sơ	1/2 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày
B6	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Thông báo sửa chữa thiếu sót	12 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt báo cáo	01 ngày
B7	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Thông báo	01 ngày
B8	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Hồ sơ	1/2 ngày
B9	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/2 ngày
B10	Khách hàng sửa chữa thiếu sót			
B11	Chuyển bước B1			
Tổng thời gian thực hiện đề nghị sửa chữa hồ sơ				15 ngày
B12	Từ B1 đến B2 (sau khi tiếp nhận hồ sơ sửa chữa, nếu không đạt)			

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B13	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Quyết định từ chối ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp;	12 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt báo cáo	01 ngày
B14	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Quyết định	01 ngày
B15	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Hồ sơ	1/2 ngày
B16	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày

5. Thủ tục ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 5 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 15 ngày làm việc;
- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, sửa chữa thiếu sót đạt yêu cầu: thời gian giải quyết 15 ngày làm việc để thông báo đến tổ chức cá nhân.
- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, không sửa chữa hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu: Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận thành phần hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Trường hợp hồ sơ hợp lệ: + Báo cáo thẩm định; + Dự thảo Quyết định phê duyệt ghi nhận cá nhân đại diện sở hữu công nghiệp; - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, sửa chữa thiếu sót: chuyển bước B6 - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, không sửa chữa hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu: chuyển bước B12	11 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt Báo cáo	02 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Quyết định	01 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Hồ sơ	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày
B6	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Báo cáo thẩm định; Dự thảo Thông báo sửa chữa thiếu sót	11 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt báo cáo	02 ngày
B7	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Thông báo	01 ngày
B8	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Hồ sơ	1/2 ngày
B9	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/2 ngày
B10	Khách hàng hoàn thiện hồ sơ			
B11	Chuyển bước B1			
Tổng thời gian thực hiện đề nghị sửa chữa hồ sơ				15 ngày
B12	Từ bước 1 đến bước 2 (sau khi tiếp nhận hồ sơ sửa chữa, nếu không đạt)			
B13	Tiếp nhận hồ sơ sửa chữa	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận thành phần hợp lệ	1/2 ngày
B14	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Quyết định từ chối ghi nhận cá nhân đại diện sở hữu công nghiệp;	11 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt báo cáo	02 ngày
B15	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Quyết định	01 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B16	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Hồ sơ	1/2 ngày
B17	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày

6. Thủ tục ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 5 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 15 ngày làm việc;
- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, sửa chữa thiếu sót đạt yêu cầu: thời gian giải quyết 15 ngày làm việc để thông báo đến tổ chức cá nhân.
- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, không sửa chữa hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu: Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận thành phần hợp lệ	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Trường hợp hồ sơ hợp lệ: + Báo cáo thẩm định; + Dự thảo Quyết định phê duyệt ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp; - <i>Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, sửa chữa thiếu sót: chuyển bước B6;</i> - <i>Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, không sửa chữa hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu: chuyển bước B12.</i>	11 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt báo cáo	02 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Quyết định	01 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Hồ sơ	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày
B6	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Thông báo sửa chữa thiếu sót.	11 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt báo cáo	02 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B7	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Thông báo	01 ngày
B8	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Hồ sơ	1/2 ngày
B9	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/2 ngày
B10	Khách hàng hoàn thiện hồ sơ			
B11	Chuyển về bước B1			
Tổng thời gian thực hiện đề nghị sửa chữa hồ sơ				15 ngày
B12	Từ bước 1 đến bước 2 (sau khi tiếp nhận hồ sơ sửa chữa, nếu không đạt)			
B13	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Quyết định từ chối ghi nhận cá nhân đại diện sở hữu công nghiệp;	11 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt báo cáo	2 ngày
B14	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Quyết định	01 ngày
B15	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Hồ sơ	1/2 ngày
B16	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả	Công chức Bộ phận một cửa	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	cho khách hàng			
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày

7. Thủ tục xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 5 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 15 ngày làm việc;
- *Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, sửa chữa thiếu sót đạt yêu cầu:* thời gian giải quyết 15 ngày làm việc để thông báo đến tổ chức cá nhân.
- *Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, không sửa chữa hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu:* Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận thành phần hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: + Báo cáo thẩm định; + Dự thảo Quyết định phê duyệt đề nghị xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp; - <i>Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, sửa</i>	11 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
			<i>chữa thiếu sót: chuyển bước B6</i> <i>—Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, không sửa chữa hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu: chuyển bước B13</i>	
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt báo cáo	02 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Quyết định	01 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Hồ sơ	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày
B6	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Thông báo sửa chữa thiếu sót	11 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	02 ngày
B7	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	01 ngày
B8	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B9	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B10	Khách hàng hoàn thiện hồ sơ			
B12	Chuyển bước B1			
Tổng thời gian thực hiện đề nghị sửa chữa				15 ngày
B13	Từ bước 1 đến bước 2 (sau khi tiếp nhận hồ sơ sửa chữa, nếu không đạt)			
B14	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Quyết định từ chối xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp;	11 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt Báo cáo	02 ngày
B15	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Quyết định	01 ngày
B16	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Hồ sơ	1/2 ngày
B17	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				20 ngày

8. Thủ tục xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày làm việc;

- Thời gian cắt giảm: 5 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 15 ngày làm việc;
- *Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, sửa chữa thiếu sót đạt yêu cầu:* thời gian giải quyết 15 ngày làm việc để thông báo đến tổ chức cá nhân.
- *Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, không sửa chữa hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu:* Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận thành phần hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: + Báo cáo thẩm định; + Dự thảo Quyết định phê duyệt đề nghị xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp; - <i>Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, sửa chữa thiếu sót: chuyển bước B6</i> - <i>Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, không sửa chữa hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu: chuyển bước B12</i>	11 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt báo cáo	02 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Quyết định	01 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Hồ sơ	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày
B6	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Thông báo sửa chữa thiếu sót.	11 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt báo cáo	02 ngày
B7	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Thông báo	01 ngày
B8	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Hồ sơ	1/2 ngày
B9	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/2 ngày
B10	Khách hàng hoàn thiện hồ sơ			
B11	Chuyển bước B1			
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày
B12	Từ bước 1 đến bước 2 (sau khi tiếp nhận hồ sơ sửa chữa, nếu không đạt)			
B13	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Quyết định từ chối xóa tên người	11 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
			đại diện sở hữu công nghiệp;	
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt báo cáo	02 ngày
B14	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Quyết định	01 ngày
B15	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Hồ sơ	1/2 ngày
B16	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày

9. Thủ tục cấp phó bản văn bằng bảo hộ và cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 30 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 06 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết: 24 ngày làm việc;
- Trường hợp hồ sơ có thiếu sót: Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 30 ngày làm việc; có 60 ngày để người yêu cầu sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối; Thời gian giải quyết: 22 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	trường hợp hồ sơ hợp lệ: + Báo cáo thẩm định; + Dự thảo quyết định cấp phó bản văn bằng bảo hộ, quyết định cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ; Bản phó bản văn bằng bảo hộ, bản cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ. - Trường hợp hồ sơ có thiếu sót: chuyển bước B6	20 ngày
		Lãnh đạo phòng	phê duyệt báo cáo	02 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Quyết định	01 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Hồ sơ	1/4 ngày
B5	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				24 ngày
B6	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Thông báo kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp phó bản văn bằng bảo hộ, cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ.	7,5 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt báo cáo	02 ngày
B7	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Thông báo	01 ngày
B8	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Hồ sơ	1/4 ngày
B9	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Công chức Bộ phận một cửa	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
B10	Người yêu cầu sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối			
B11	Tiếp nhận ý kiến bằng văn bản về dự định từ chối	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B12	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Báo cáo thẩm định; Dự thảo quyết định từ chối cấp phó bản văn bằng bảo hộ, quyết định từ chối cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ hoặc Dự thảo quyết định cấp phó bản văn bằng bảo hộ, quyết định cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ; Bản phó bản văn bằng bảo hộ, bản cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ	08 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt báo cáo	01 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B13	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Quyết định	1/2 ngày
B14	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Hồ sơ	1/2 ngày
B15	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				22 ngày

10. Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 60 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 10 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết: 50 ngày làm việc;
- Trường hợp hồ sơ có thiếu sót: Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 60 ngày làm việc; có 60 ngày để người nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối về dự định từ chối đăng ký hợp đồng; thời gian giải quyết: 48 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: + Báo cáo thẩm định;	46 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
			+ Dự thảo Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp - Trường hợp hồ sơ có thiếu sót: chuyển bước B6	
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt báo cáo	02 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Quyết định	01 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Hồ sơ	1/4 ngày
B5	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				50 ngày
B6	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo thông báo dự định từ chối đăng ký hợp đồng, trong đó nêu rõ các thiếu sót của hồ sơ.	20 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt báo cáo	02 ngày
B7	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Thông báo	01 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B8	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Hồ sơ	1/4 ngày
B9	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Công chức Bộ phận một cửa	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
B10	Người nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối về dự định từ chối ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng			
B11	Tiếp nhận ý kiến bằng văn bản sửa chữa thiếu sót	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B12	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp/Quyết định từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	20 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt báo cáo	02 ngày
B13	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Quyết định, Giấy chứng nhận	01 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B14	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Hồ sơ	1/2 ngày
B15	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				48 ngày

11. Thủ tục ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 30 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 09 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết: 21 ngày làm việc;

- Trường hợp hồ sơ có thiếu sót: Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 30 ngày làm việc; có 60 ngày để người nộp hồ sơ có ý kiến về dự kiến từ chối; Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 30 ngày làm việc; Thời gian cắt giảm: 08 ngày làm việc; Thời gian thực tế giải quyết: 22 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Trường hợp hồ sơ hợp lệ:	18 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
			+ Báo cáo thẩm định; + Dự thảo Quyết định ghi nhận các nội dung sửa đổi, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp/ Ghi nhận các nội dung sửa đổi, gia hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp vào Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp; - Trường hợp hồ sơ có thiếu sót: chuyển bước B6	
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt báo cáo	01 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Quyết định	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Hồ sơ	1/2 ngày
B5	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				21 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B6	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo thông báo dự định từ chối ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.	6,5 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt báo cáo	02 ngày
B7	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Thông báo	01 ngày
B8	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Hồ sơ	1/4 ngày
B9	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/4 ngày
B10	Người nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối về dự định từ chối ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng			
B11	Tiếp nhận ý kiến bằng văn bản về dự định từ chối	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B12	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh từ	07 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
			chối ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp/Quyết định ghi nhận các nội dung sửa đổi, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.	
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt báo cáo	01 ngày
B13	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Quyết định	1/2 ngày
B14	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Hồ sơ	1/2 ngày
B15	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				22 ngày

12. Thủ tục cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 30 ngày làm việc
- Thời gian cắt giảm: 09 ngày làm việc
- Thời gian thực tế giải quyết: 21 ngày làm việc.
- Trường hợp hồ sơ có thiếu sót: Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 30 ngày làm việc; có 02 tháng để người nộp hồ sơ có ý kiến về dự kiến từ chối; Thời gian cắt giảm: 08 ngày làm việc; Thời gian thực tế giải quyết: 22 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Trường hợp hồ sơ hợp lệ: + Báo cáo thẩm định; + Dự thảo quyết định cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp; + Bản phó bản/bản cấp lại Giấy chứng nhận chuyển quyền sử dụng đối tượng SHCN. – Trường hợp hồ sơ có thiếu sót: chuyển bước B7	16,5 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt báo cáo	02 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Quyết định; Bản phó bản/bản cấp lại Giấy chứng nhận	01 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Hồ sơ	1/2 ngày
B6	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
Tổng thời gian thực hiện				21 ngày
B7	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Báo cáo thẩm định; - Dự thảo thông báo dự định từ chối cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	07 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt báo cáo	02 ngày
B8	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Thông báo, Giấy chứng nhận	01 ngày
B9	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/2 ngày
B10	Người nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối về dự định từ chối cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng			
B11	Tiếp nhận ý kiến bằng văn bản về dự định từ chối	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B12	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh từ chối cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	07 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt báo cáo	02 ngày
B13	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Quyết định	01 ngày
B14	Phát hành và chuyển bộ phận một cửa	Văn thư	Kèm hồ sơ Văn bản được ký duyệt	1/2 ngày
B15	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Kết quả trả Văn bản ký duyệt	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				22 ngày

13. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 30 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 13 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 17 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (<i>scan hồ sơ</i>)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ bàn giao	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên được phân công	- Báo cáo thẩm định; - kèm Dự thảo Quyết định cấp Giấy	15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
			chứng nhận	
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt báo cáo	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Quyết định	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Hồ sơ	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kết quả trả Quyết định cấp Giấy chứng nhận được ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				17 ngày

14. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 10,5 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 9,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (<i>scan hồ sơ</i>)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Đảm bảo hồ sơ hợp lệ	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên được phân công	- Báo cáo thẩm định; - kèm theo Dự thảo Quyết định cấp Giấy chứng nhận	7,75 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt Báo cáo	1/4 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Quyết định	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Hồ sơ	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kết quả trả Giấy chứng nhận được ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				9,5 ngày

15. Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 90 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 48 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 42 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (<i>scan hồ sơ</i>)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Đảm bảo hồ sơ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên được phân công	- Báo cáo thẩm định; - kèm dự thảo Thông báo thu hồi	06 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt Báo cáo	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Thông báo	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Hồ sơ	1/2 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kết quả trả Thông báo được phê duyệt	1/2 ngày
	Chờ tổ chức có ý kiến phản hồi			30 ngày
B8	Tiếp nhận ý kiến phản hồi của tổ chức chuyên về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Scan văn bản	1/4 ngày
B9	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên được phân công	Dự thảo Quyết định thu hồi hoặc từ chối thu hồi	1,75 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt	1/2 ngày
B10	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Quyết định	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B11	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Hồ sơ	1/4 ngày
B12	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kết quả trả Quyết định được phê duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				42 ngày

III. Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 46 quy trình

1. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc;
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 7,5 ngày làm việc (*cắt giảm 2,5 ngày*).

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Tiếp nhận hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Dự thảo Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm.	05 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Ký báo cáo thẩm định hồ sơ;	01 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
			- Xét duyệt Dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm.	
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Ban hành Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kết quả trả Giấy chứng nhận Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				7,5 ngày làm việc

2. Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc;
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 7,5 ngày làm việc (*cắt giảm 2,5 ngày*).

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Tiếp nhận hồ sơ	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Dự thảo Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm.	05 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Ký báo cáo thẩm định hồ sơ; - Xét duyệt Dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm.	01 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Ban hành Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kết quả trả Giấy chứng nhận Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				7,5 ngày

3. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 05 ngày làm việc;
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 04 ngày làm việc (*cắt giảm 01 ngày*).

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ	Tiếp nhận hồ sơ	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
		hành chính công tỉnh		
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Dự thảo Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm.	02 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Ký báo cáo thẩm định hồ sơ; - Xét duyệt Dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm.	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Ban hành Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kết quả trả Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				04 ngày

4. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc;
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 7,5 ngày làm việc (*cắt giảm 2,5 ngày*).

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Tiếp nhận hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định.	05 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Ký báo cáo thẩm định hồ sơ; - Xét duyệt Dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định.	01 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Ban hành Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	1/2 ngày
B7	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				7,5 ngày

5. Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc;
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 7,5 ngày làm việc (*cắt giảm 2,5 ngày*).

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Tiếp nhận hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Dự thảo Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định.	05 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Ký báo cáo thẩm định hồ sơ; - xét duyệt Dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định.	01 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Ban hành Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	1/2 ngày
B7	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				7,5 ngày

6. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 05 ngày làm việc;
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 04 ngày làm việc (*cắt giảm 01 ngày*).

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Tiếp nhận hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Dự thảo Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định.	02 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Ký báo cáo thẩm định hồ sơ; - Xét duyệt Dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định.	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Ban hành Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	1/2 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kết quả trả Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				04 ngày

7. Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn

7.1. Trường hợp không phải đánh giá thực tế

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 7,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	- Dự thảo Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Giấy xác nhận; - Dự thảo thẻ chuyên gia.	03 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Xét duyệt báo cáo thẩm định; - Dự thảo Giấy xác nhận; - Dự thảo thẻ chuyên gia.	02 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Giấy chứng nhận ký duyệt, Thẻ chuyên gia được ký duyệt	01 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa trả kết quả	Văn thư	Giấy chứng nhận ký duyệt, Thẻ chuyên gia được ký duyệt	1/2 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kết quả trả Giấy chứng nhận ký duyệt, Thẻ chuyên gia được ký duyệt	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				7,5 ngày

7.2. Trường hợp đánh giá thực tế

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 15 ngày làm việc

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/4 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	- Dự thảo Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Quyết định thành lập đoàn đánh giá; - Dự thảo Công văn mời tham gia đoàn đánh giá	03 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Báo cáo thẩm định hồ sơ - Dự thảo Quyết định thành lập đoàn đánh giá; - Dự thảo Công văn mời tham gia đoàn đánh giá	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	- Phê duyệt Quyết định thành lập đoàn đánh giá; - Công văn mời tham gia đoàn đánh giá	1/2 ngày
B4	Phát hành	Văn thư	Ban hành Quyết định thành lập đoàn đánh giá; Công văn mời tham gia đoàn	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
			đánh giá	
B5	Đoàn đánh giá theo Quyết định	Đoàn đánh giá	- Báo cáo đánh giá - Biên bản làm việc	05 ngày
B6	Tiếp nhận hồ sơ của đoàn đánh giá	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	- Báo cáo đánh giá - Biên bản làm việc	1/4 ngày
B7	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	- Dự thảo Giấy xác nhận; - Dự thảo thẻ chuyên gia.	04 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo Giấy xác nhận; dự thảo thẻ chuyên gia.	1/4 ngày
B8	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Giấy xác nhận; Thẻ chuyên gia.	1/2 ngày
B9	Phát hành	Văn thư	Phát hành Giấy xác nhận; Thẻ chuyên gia.	1/4 ngày
B10	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kết quả trả Giấy chứng nhận ký duyệt, Thẻ chuyên gia được ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày

8. Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn

8.1. Trường hợp không phải đánh giá thực tế

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 7,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	- Dự thảo Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Giấy xác nhận; - Dự thảo thẻ chuyên gia.	04 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Giấy xác nhận; - Dự thảo thẻ chuyên gia	02 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Giấy xác nhận; thẻ chuyên gia	1/2 ngày
B4	Phát hành	Văn thư	Phát hành Giấy xác nhận; thẻ chuyên gia	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kết quả trả Giấy chứng nhận ký duyệt, Thẻ chuyên gia được ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				7,5 ngày

8.2. Trường hợp đánh giá thực tế đạt

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 15 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/4 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	- Dự thảo Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Quyết định thành lập đoàn đánh giá; - Dự thảo Công văn mời tham gia đoàn đánh giá	03 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Báo cáo thẩm định hồ sơ - Dự thảo Quyết định thành lập đoàn đánh giá; - Dự thảo Công văn mời tham gia đoàn đánh giá	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	- Phê duyệt Quyết định thành lập đoàn đánh giá; - Công văn mời tham gia đoàn đánh giá	1/2 ngày
B4	Phát hành	Văn thư	Ban hành Quyết định thành lập đoàn đánh giá; Công văn mời tham gia đoàn đánh giá	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B5	Đoàn đánh giá theo Quyết định	Đoàn đánh giá	- Báo cáo đánh giá - Biên bản làm việc	05 ngày
B6	Tiếp nhận hồ sơ của đoàn đánh giá	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	- Báo cáo đánh giá - Biên bản làm việc	1/4 ngày
B7	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	- Dự thảo Giấy xác nhận; - Dự thảo thẻ chuyên gia.	04 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	1/2 ngày
B8	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Giấy xác nhận; Thẻ chuyên gia.	1/4 ngày
B9	Phát hành	Văn thư	Phát hành Giấy xác nhận; Thẻ chuyên gia.	1/4 ngày
B10	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kết quả trả Giấy chứng nhận ký duyệt, Thẻ chuyên gia được ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày

9. Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập.

9.1. Trường hợp không phải đánh giá thực tế

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 7,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	- Dự thảo Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Giấy xác nhận; - Dự thảo thẻ chuyên gia.	04 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Giấy xác nhận; - Dự thảo thẻ chuyên gia	02 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Giấy xác nhận; thẻ chuyên gia	1/2 ngày
B4	Phát hành	Văn thư	Phát hành Giấy xác nhận; thẻ chuyên gia	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kết quả trả Giấy chứng nhận ký duyệt, Thẻ chuyên gia được ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				7,5 ngày

9.2. Trường hợp đánh giá thực tế đạt

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 15 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/4 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	- Dự thảo Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Quyết định thành lập đoàn đánh giá; - Dự thảo Công văn mời tham gia đoàn đánh giá	03 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Báo cáo thẩm định hồ sơ - Dự thảo Quyết định thành lập đoàn đánh giá; - Dự thảo Công văn mời tham gia đoàn đánh giá	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	- Phê duyệt Quyết định thành lập đoàn đánh giá; - Công văn mời tham gia đoàn đánh giá	1/2 ngày
B4	Phát hành	Văn thư	Ban hành Quyết định thành lập đoàn đánh giá; Công văn mời tham gia đoàn đánh giá	1/4 ngày
B5	Đoàn đánh giá theo Quyết định	Đoàn đánh giá	- Báo cáo đánh giá - Biên bản làm việc	05 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B6	Tiếp nhận hồ sơ của đoàn đánh giá	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Báo cáo đánh giá - Biên bản làm việc	1/4 ngày
B7	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	Dự thảo Giấy xác nhận; - Dự thảo thẻ chuyên gia.	04 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo Giấy xác nhận; dự thảo thẻ chuyên gia.	1/4 ngày
B8	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Giấy xác nhận; Thẻ chuyên gia.	1/2 ngày
B9	Phát hành	Văn thư	Phát hành Giấy xác nhận; Thẻ chuyên gia.	1/4 ngày
B10	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kết quả trả Giấy chứng nhận ký duyệt, Thẻ chuyên gia được ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày

10. Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập.

10.1. Trường hợp không phải đánh giá thực tế

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 7,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	- Dự thảo báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Giấy xác nhận;	04 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Giấy xác nhận;	02 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Giấy xác nhận	1/2 ngày
B4	Phát hành	Văn thư	Phát hành phê duyệt Giấy xác nhận	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kết quả trả Giấy chứng nhận ký duyệt, Thẻ chuyên gia được ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				7,5 ngày

10.2. Trường hợp đánh giá thực tế đạt

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 15 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/4 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	- Dự thảo Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Quyết định thành lập đoàn đánh giá; - Dự thảo Công văn mời tham gia đoàn đánh giá	03 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Báo cáo thẩm định hồ sơ - Dự thảo Quyết định thành lập đoàn đánh giá; - Dự thảo Công văn mời tham gia đoàn đánh giá	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	- Phê duyệt Quyết định thành lập đoàn đánh giá; - Công văn mời tham gia đoàn đánh giá	1/2 ngày
B4	Phát hành	Văn thư	Ban hành Quyết định thành lập đoàn đánh giá; Công văn mời tham gia đoàn đánh giá	1/4 ngày
B5	Đoàn đánh giá theo Quyết định	Đoàn đánh giá	- Báo cáo đánh giá	5 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
			- Biên bản làm việc	
B6	Tiếp nhận hồ sơ của đoàn đánh giá	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Báo cáo đánh giá - Biên bản làm việc	1/4 ngày
B7	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	Dự thảo Giấy xác nhận; - Dự thảo thẻ chuyên gia.	04 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo Giấy xác nhận; dự thảo thẻ chuyên gia.	1/4 ngày
B8	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Giấy xác nhận; Thẻ chuyên gia.	1/2 ngày
B9	Phát hành	Văn thư	Phát hành Giấy xác nhận; Thẻ chuyên gia.	1/4 ngày
B10	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kết quả trả Giấy chứng nhận ký duyệt, Thẻ chuyên gia được ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày

11. Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận

11.1. Trường hợp không cần đánh giá thực tế

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 7,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Dự thảo Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Giấy xác nhận	04 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Giấy xác nhận	02 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Giấy xác nhận	1/2 ngày
B4	Phát hành	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy xác nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				7,5 ngày

11.2. Trường hợp hồ sơ cần đánh giá thực tế đáp ứng yêu cầu

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 15 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/4 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	- Dự thảo Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Quyết định thành lập đoàn đánh giá; - Dự thảo Công văn mời tham gia đoàn đánh giá	03 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Báo cáo thẩm định hồ sơ - Dự thảo Quyết định thành lập đoàn đánh giá; - Dự thảo Công văn mời tham gia đoàn đánh giá	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	- Phê duyệt Quyết định thành lập đoàn đánh giá; - Công văn mời tham gia đoàn đánh giá	1/2 ngày
B4	Phát hành	Văn thư	Ban hành Quyết định thành lập đoàn đánh giá; Công văn mời tham gia đoàn đánh giá	1/4 ngày
B5	Đoàn đánh giá theo Quyết định	Đoàn đánh giá	- Báo cáo đánh giá - Biên bản làm việc	05 ngày
B6	Tiếp nhận hồ sơ của đoàn đánh giá	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất	Báo cáo đánh giá	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
		lượng	- Biên bản làm việc	
B7	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	Dự thảo Giấy xác nhận;	04 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo Giấy xác nhận	1/4 ngày
B8	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Giấy xác nhận	1/2 ngày
B9	Phát hành	Văn thư	Phát hành Giấy xác nhận	1/4 ngày
B10	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kết quả trả Giấy chứng nhận ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày

12. Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận

12.1. Trường hợp không cần phải đánh giá thực tế

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 7,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Dự thảo Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Giấy xác nhận	04 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Giấy xác nhận	02 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Giấy xác nhận	1/2 ngày
B4	Phát hành	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy xác nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				7,5 ngày

12.2. Trường hợp hồ sơ cần đánh giá thực tế

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 7,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	- Dự thảo Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Quyết định thành lập đoàn đánh giá; - Dự thảo Công văn mời tham gia đoàn đánh giá	03 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Báo cáo thẩm định hồ sơ - Dự thảo Quyết định thành lập đoàn đánh giá; - Dự thảo Công văn mời tham gia đoàn đánh giá	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	- Phê duyệt Quyết định thành lập đoàn đánh giá; - Công văn mời tham gia đoàn đánh giá	1/2 ngày
B4	Phát hành	Văn thư	Ban hành Quyết định thành lập đoàn đánh giá; Công văn mời tham gia đoàn đánh giá	1/4 ngày
B5	Đoàn đánh giá theo Quyết định	Đoàn đánh giá	- Báo cáo đánh giá - Biên bản làm việc	05 ngày
B6	Tiếp nhận hồ sơ của đoàn đánh giá	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	- Báo cáo đánh giá - Biên bản làm việc	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B7	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	Dự thảo Giấy xác nhận;	04 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo Giấy xác nhận	1/4 ngày
B8	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Giấy xác nhận	1/2 ngày
B9	Phát hành	Văn thư	Phát hành Giấy xác nhận	1/4 ngày
B10	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kết quả trả Giấy chứng nhận ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày

13. Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức chứng nhận và thẻ cho chuyên gia trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 03 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Dự thảo báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Giấy xác nhận, thẻ chuyên gia.	1,5 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Giấy xác nhận, thẻ chuyên gia.	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Giấy xác nhận, thẻ chuyên gia.	1/4 ngày
B4	Phát hành	Văn thư	Phát hành phê duyệt Giấy xác nhận, thẻ chuyên gia.	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy xác nhận, thẻ chuyên gia	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				03 ngày

14. Thủ tục cấp bổ sung thẻ chuyên gia tư vấn, thẻ chuyên gia đánh giá cho tổ chức tư vấn, tổ chức chứng nhận

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Dự thảo Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo thẻ chuyên gia tư vấn, thẻ chuyên gia đánh giá	04 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo thẻ chuyên gia tư vấn, thẻ chuyên gia đánh giá	02 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt thẻ chuyên gia tư vấn, thẻ chuyên gia đánh giá	1/2 ngày
B4	Phát hành	Văn thư	Phát hành phê duyệt thẻ chuyên gia tư vấn, thẻ chuyên gia đánh giá	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Thẻ chuyên gia tư vấn, thẻ chuyên gia đánh giá	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				7,5 ngày

15. Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước

15.1. Trường hợp không phải đánh giá thực tế

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 7,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Dự thảo Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Giấy xác nhận	04 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Giấy xác nhận	02 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Giấy xác nhận	1/2 ngày
B4	Phát hành	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy xác nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				7,5 ngày

15.2. Trường hợp hồ sơ phải đánh giá thực tế, đạt yêu cầu

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 15 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	- Dự thảo Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Quyết định thành lập đoàn đánh giá; - Dự thảo Công văn mời tham gia đoàn đánh giá	03 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Báo cáo thẩm định hồ sơ - Dự thảo Quyết định thành lập đoàn đánh giá; - Dự thảo Công văn mời tham gia đoàn đánh giá	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	- Phê duyệt Quyết định thành lập đoàn đánh giá; - Công văn mời tham gia đoàn đánh giá	1/2 ngày
B4	Phát hành	Văn thư	Ban hành Quyết định thành lập đoàn đánh giá; Công văn mời tham gia đoàn đánh giá	1/4 ngày
B5	Đoàn đánh giá theo Quyết định	Đoàn đánh giá	- Báo cáo đánh giá - Biên bản làm việc	05 ngày
B6	Tiếp nhận hồ sơ của đoàn đánh giá	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	- Báo cáo đánh giá - Biên bản làm việc	1/4 ngày
B7	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	Dự thảo Giấy xác nhận;	4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo Giấy xác nhận	1/4 ngày
B8	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Giấy xác nhận	1/2 ngày
B9	Phát hành	Văn thư	Phát hành Giấy xác nhận	1/4 ngày
B10	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kết quả trả Giấy chứng nhận ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày

16. Thủ tục đăng ký cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước

16.1. Trường hợp hồ sơ không phải đánh giá thực tế

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 7,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Dự thảo Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Giấy xác nhận	04 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
		Lãnh đạo phòng	- Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Giấy xác nhận	02 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Giấy xác nhận	1/2 ngày
B4	Phát hành	Văn thư	Hồ sơ liên thông	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy xác nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				7,5 ngày

16.2. Trường hợp hồ sơ phải đánh giá thực tế, đạt yêu cầu

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 15 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	- Dự thảo Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Quyết định thành lập đoàn đánh giá; - Dự thảo Công văn mời tham gia đoàn đánh giá	03 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Báo cáo thẩm định hồ sơ - Dự thảo Quyết định thành lập đoàn đánh giá; - Dự thảo Công văn mời tham gia đoàn đánh giá	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	- Phê duyệt Quyết định thành lập đoàn đánh giá; - Công văn mời tham gia đoàn đánh giá	1/2 ngày
B4	Phát hành	Văn thư	Ban hành Quyết định thành lập đoàn đánh giá; Công văn mời tham gia đoàn đánh giá	1/4 ngày
B5	Đoàn đánh giá theo Quyết định	Đoàn đánh giá	- Báo cáo đánh giá - Biên bản làm việc	05 ngày
B6	Tiếp nhận hồ sơ của đoàn đánh giá	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	- Báo cáo đánh giá - Biên bản làm việc	1/4 ngày
B7	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên được phân công xử lý	Dự thảo Giấy xác nhận;	04 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
		hồ sơ		
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo Giấy xác nhận	1/4 ngày
B8	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Giấy xác nhận	1/2 ngày
B9	Phát hành	Văn thư	Phát hành Giấy xác nhận	1/4 ngày
B10	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kết quả trả Giấy chứng nhận ký duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày

17. Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 03 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/4 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Dự thảo báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Giấy xác nhận, thẻ chuyên gia.	1,5 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
		Lãnh đạo phòng	- Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Giấy xác nhận, thẻ chuyên gia.	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Giấy xác nhận, thẻ chuyên gia.	1/4 ngày
B4	Phát hành	Văn thư	Phát hành phê duyệt Giấy xác nhận, thẻ chuyên gia.	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy xác nhận, thẻ chuyên gia	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				03 ngày

18. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc;
- Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm: 7,5 ngày (cắt giảm 2,5 ngày).

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý; - Hồ sơ kèm theo	04 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Xét duyệt dự thảo Giấy chứng nhận; - Ký duyệt Báo cáo thẩm định	01 ngày
B3	Lãnh đạo Sở phụ trách Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt hồ sơ và chuyển Văn thư phát hành	01 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ được lãnh đạo Sở duyệt	1/2 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa	Kết quả được ký duyệt (Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				7,5 ngày

19. Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc;
- Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm: 7,5 ngày (cắt giảm 2,5 ngày).

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận - Hồ sơ kèm theo	04 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Xét duyệt dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận; - Ký duyệt Báo cáo thẩm định	01 ngày
B3	Lãnh đạo Sở phụ trách Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt hồ sơ và chuyển Văn thư phát hành	01 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ được lãnh đạo Sở duyệt	1/2 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận được phê duyệt	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				7,5 ngày

20. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý (trường hợp tổ chức giám định có Giấy chứng nhận còn hiệu lực nhưng bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ của tổ chức)

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 05 ngày làm việc;
- Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm: 04 ngày (cắt giảm 01 ngày).

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/4 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận - Hồ sơ kèm theo	02 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Xét duyệt dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận; - Ký duyệt Báo cáo thẩm định	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở phụ trách Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt hồ sơ và chuyển Văn thư phát hành	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ được lãnh đạo Sở duyệt	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận được phê duyệt	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				04 ngày

21. Thủ tục cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố đủ năng lực thực hiện hoạt động đào tạo

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc;
- Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm: 7,5 ngày (cắt giảm 2,5 ngày).

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố đủ năng lực hoạt động đào tạo cho cơ sở (theo Mẫu số 17 kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BKHCHN) - Hồ sơ kèm theo	04 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Xét duyệt dự thảo Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố đủ năng lực hoạt động đào tạo;	01 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
			- Ký duyệt Báo cáo thẩm định	
B3	Lãnh đạo Sở phụ trách Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố đủ năng lực hoạt động đào tạo và chuyển Văn thư phát hành	01 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ được lãnh đạo Sở duyệt	1/2 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa	Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố đủ năng lực hoạt động đào tạo	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				7,5 ngày

22. Thủ tục cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố bổ sung, điều chỉnh phạm vi đào tạo

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc;
- Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm: 7,5 ngày (cắt giảm 2,5 ngày).

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố đủ năng lực hoạt động đào tạo cho cơ sở (theo Mẫu số 17 kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN) - Hồ sơ kèm theo	04 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Xét duyệt dự thảo Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố đủ năng lực hoạt động đào tạo; - Ký duyệt Báo cáo thẩm định	01 ngày
B3	Lãnh đạo Sở phụ trách Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố đủ năng lực hoạt động đào tạo và chuyển Văn thư phát hành	01 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ được lãnh đạo Sở duyệt	1/2 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa	Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố đủ năng lực hoạt động đào tạo	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				7,5 ngày

23. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc;

- Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm: 9,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa Sở KH&CN	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	0,25 ngày
B2	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên được phân công	- Dự thảo Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Giấy chứng nhận. - Hồ sơ gửi kèm.	6,75 ngày
B3	Xét duyệt	Lãnh đạo phòng được phân công	- Báo cáo thẩm định có ký nhận của lãnh đạo phòng; - Dự thảo Giấy chứng nhận được xét duyệt. - Hồ sơ gửi kèm.	01 ngày
B4	phê duyệt	Lãnh đạo Sở phụ trách	Giấy chứng nhận được phê duyệt	01 ngày
B5	Đóng dấu, phát hành	Văn thư	Giấy chứng nhận được ký, đóng dấu, phát hành	0,25 ngày
B6	Trả kết quả	Bộ phận một cửa Sở KH&CN	Giấy chứng nhận	0,25 ngày
Tổng thời gian thực hiện				9,5 ngày

24. Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc;

- Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm: 9,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa Sở KH&CN	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	0,25 ngày
B2	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên được phân công	- Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Giấy chứng nhận. - Hồ sơ gửi kèm.	6,75 ngày
B3	Xét duyệt	Lãnh đạo phòng được phân công	- Báo cáo thẩm định có ký nhận của lãnh đạo phòng; - Dự thảo Giấy chứng nhận được xét duyệt. - Hồ sơ gửi kèm.	01 ngày
B4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở phụ trách	Giấy chứng nhận được phê duyệt	01 ngày
B5	Đóng dấu, phát hành	Văn thư	Giấy chứng nhận được ký, đóng dấu, phát hành	0,25 ngày
B6	Trả kết quả	Bộ phận một cửa Sở KH&CN	Giấy chứng nhận	0,25 ngày
Tổng thời gian thực hiện				9,5 ngày

25. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 05 ngày làm việc;
- Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm: 4,75 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa Sở KH&CN	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ, hợp lệ	0,25 ngày
B2	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên được phân công	- Dự thảo Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Giấy chứng nhận. - Hồ sơ gửi kèm.	02 ngày
B3	Xét duyệt	Lãnh đạo phòng được phân công	- Báo cáo thẩm định có ký nhận của lãnh đạo phòng; - Giấy chứng nhận được xét duyệt. - Hồ sơ gửi kèm	01 ngày
B4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở phụ trách	Giấy chứng nhận được phê duyệt	01 ngày
B5	Đóng dấu, phát hành	Văn thư	Giấy chứng nhận được ký, đóng dấu, phát hành	0,25 ngày
B6	Trả kết quả	Bộ phận một cửa Sở KH&CN	Giấy chứng nhận	0,25 ngày
Tổng thời gian thực hiện				4,75 ngày làm việc

26. Thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm: 9,5 ngày làm việc.
- Quy trình nội bộ:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa Sở KH&CN	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	0,25 ngày
B2	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên được phân công	- Dự thảo Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Quyết định chứng nhận chuẩn đo lường. - Hồ sơ gửi kèm.	6,75 ngày
B3	Xét duyệt	Lãnh đạo phòng được phân công	- Báo cáo thẩm định có ký nhận của lãnh đạo phòng; - Dự thảo Quyết định được xét duyệt; - Hồ sơ gửi kèm.	01 ngày
B4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở phụ trách	Dự thảo Quyết định được phê duyệt	01 ngày
B5	Đóng dấu, phát hành	Văn thư	Quyết định được ký, đóng dấu, phát hành	0,25 ngày
B6	Trả kết quả	Bộ phận một cửa Sở KH&CN	Quyết định	0,25 ngày
Tổng thời gian thực hiện				9,5 ngày

27. Thủ tục điều chỉnh quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 07 ngày làm việc;

- Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm: 6,75 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa Sở KH&CN	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	0,25 ngày
B2	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên được phân công	- Dự thảo Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Quyết định chứng nhận chuẩn đo lường. - Hồ sơ gửi kèm	04 ngày
B3	Xét duyệt	Lãnh đạo phòng được phân công	- Báo cáo thẩm định có ký nhận của lãnh đạo phòng; - Dự thảo Quyết định được xét duyệt; - Hồ sơ kèm theo.	01 ngày
B4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở phụ trách	Dự thảo Quyết định được phê duyệt	01 ngày
B5	Đóng dấu, phát hành	Văn thư	Quyết định được ký, đóng dấu, ban hành	0,25 ngày
B6	Trả kết quả	Bộ phận một cửa Sở KH&CN	Quyết định	0,25 ngày
Tổng thời gian thực hiện				6, 75 ngày

28. Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 03 ngày làm việc;
- Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm: Không cắt giảm.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa Sở KH&CN	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	0, 25 ngày
B2	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên được phân công	- Dự thảo Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Quyết định hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường. - Hồ sơ kèm theo.	1,25 ngày
B3	Xét duyệt	Lãnh đạo phòng được phân công	- Báo cáo thẩm định có ký nhận của lãnh đạo phòng; - Dự thảo Quyết định được xét duyệt; - Hồ sơ kèm theo.	0,5 ngày
B4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở phụ trách	Dự thảo Quyết định được phê duyệt	0,5 ngày
B5	Đóng dấu, phát hành	Văn thư	Quyết định được ký, đóng dấu, phát hành	0, 25 ngày
B6	Trả kết quả	Bộ phận một cửa Sở KH&CN	Quyết định	0, 25 ngày
Tổng thời gian thực hiện				03 ngày

29. Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc;
- Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm: 9,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa Sở KH&CN	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	0,25 ngày
B2	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên được phân công	- Dự thảo Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Quyết định quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường; - Dự thảo Thẻ kiểm định viên đo lường; - Hồ sơ gửi kèm	6,75 ngày
B3	Xét duyệt	Lãnh đạo phòng được phân công	- Báo cáo thẩm định có ký nhận của lãnh đạo phòng; - Dự thảo Quyết định được xét duyệt; - Dự thảo Thẻ được xét duyệt; - Hồ sơ kèm theo.	01 ngày
B4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở phụ trách	Dự thảo Quyết định, Thẻ được phê duyệt	01 ngày
B5	Đóng dấu, phát hành	Văn thư	Quyết định, Thẻ được ký, đóng dấu, phát hành	0,25 ngày
B6	Trả kết quả	Bộ phận một cửa Sở KH&CN	Quyết định, Thẻ	0,25 ngày
Tổng thời gian thực hiện				9,5 ngày

30. Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc;

- Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm: 9,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa Sở KH&CN	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	0,25 ngày
B2	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên được phân công	- Dự thảo Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Quyết định quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường. - Dự thảo Thẻ kiểm định viên đo lường. - Hồ sơ gửi kèm	6,75 ngày
B3	Xét duyệt	Lãnh đạo phòng được phân công	- Báo cáo thẩm định có ký nhận của lãnh đạo phòng; - Dự thảo Quyết định, Thẻ được xét duyệt. - Hồ sơ gửi kèm.	01 ngày
B4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở phụ trách	Dự thảo Quyết định, Thẻ được phê duyệt	01 ngày
B5	Đóng dấu, phát hành	Văn thư	Quyết định, Thẻ được ký, đóng dấu, phát hành	0,25 ngày
B6	Trả kết quả	Bộ phận một cửa Sở KH&CN	Quyết định, Thẻ	0,25 ngày
Tổng thời gian thực hiện				9,5 ngày

31. Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 03 ngày làm việc;

- Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm: Không cắt giảm.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa Sở KH&CN	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	0,25 ngày
B2	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên được phân công	- Dự thảo Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Quyết định hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường - Hồ sơ gửi kèm.	1,25 ngày
B3	Xét duyệt	Lãnh đạo phòng được phân công	- Báo cáo thẩm định có ký nhận của lãnh đạo phòng; - Dự thảo Quyết định được xét duyệt; - Hồ sơ gửi kèm.	0,5 ngày
B4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở phụ trách	Dự thảo Quyết định được phê duyệt	0,5 ngày
B5	Đóng dấu, phát hành	Văn thư	Quyết định được ký, đóng dấu, phát hành	0,25 ngày
B6	Trả kết quả	Bộ phận một cửa Sở KH&CN	Quyết định	0,25 ngày
Tổng thời gian thực hiện				03 ngày

32. Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận

-Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 28 ngày làm việc;

-Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 19 ngày làm việc (*cắt giảm 9 ngày*).

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Tiếp nhận hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Dự thảo Báo cáo Thẩm định hồ sơ - Dự thảo Quyết định cử chuyên gia đánh giá hoặc thành lập Đoàn đánh giá. - Dự thảo Thông báo đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp.	05 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Ký Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Xét duyệt Dự thảo Quyết định cử chuyên gia đánh giá hoặc Đoàn đánh giá; Dự thảo Thông báo đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp.	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Quyết định cử chuyên gia đánh giá hoặc thành lập Đoàn đánh giá; Thông báo đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi văn bản	Văn thư	Ban hành Quyết định cử chuyên gia đánh giá hoặc thành lập Đoàn đánh giá; Thông báo đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp	1/4 ngày
B5	Đánh giá tổ chức đánh giá sự phù hợp	Chuyên gia đánh giá hoặc Đoàn đánh giá	Biên bản đánh giá thực tế	10 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B6	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Dự thảo Báo cáo kết quả thẩm định của chuyên gia hoặc Đoàn đánh giá; - Dự thảo Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	01 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Dự thảo Báo cáo kết quả thẩm định của chuyên gia hoặc Đoàn đánh giá; - Xem xét Dự thảo Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	1/2 ngày
B7	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	1/2 ngày
B8	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Ban hành Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	1/4 ngày
B9	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kết quả trả Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				19 ngày

33. Thủ tục Cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 05 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 3,5 ngày làm việc (cắt giảm 1,5 ngày).

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Tiếp nhận hồ sơ	1/2 ngày
		Chuyên viên thụ lý, thẩm định hồ sơ và chuyển đến Tổ trưởng	- Dự thảo Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Quyết định chỉ định.	02 ngày
		Lãnh đạo Phòng	- Ký Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Xét duyệt Dự thảo Quyết định chỉ định.	1/4 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Quyết định chỉ định	1/4 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư Sở KH&CN	Ban hành Quyết định chỉ định	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Quyết định chỉ định	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				3,5 ngày

34. Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định.

-Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 28 ngày làm việc;

-Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 19 ngày làm việc (*cắt giảm 9 ngày*).

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Tiếp nhận hồ sơ	1/2 ngày
B6	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Dự thảo Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	15 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Dự thảo Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ; - Xem xét Dự thảo Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	02 ngày
B7	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	01 ngày
B8	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Ban hành Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	1/4 ngày
B9	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kết quả trả Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				19 ngày

35. Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: Hàng năm
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: Diễn ra hàng năm (cắt giảm 0 ngày)

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Tiếp nhận hồ sơ	1/2 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên thụ lý, báo cáo lãnh đạo phòng tham mưu thành lập Hội đồng sơ tuyển	Hồ sơ được sắp xếp theo danh mục, đầy đủ theo thành phần hồ sơ	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ	Hội đồng sơ tuyển Giải thưởng chất lượng của tỉnh (Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng là thư ký)	Hồ sơ được sắp xếp theo danh mục, đầy đủ, kết quả thẩm định	
B4	Xem xét, ký xác nhận	Tổ trưởng tổ thẩm định	Ý kiến thẩm định	
B5	Xem xét, Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Công văn, kèm hồ sơ	
B6	Chờ Kết quả thẩm định từ Bộ KH&CN	Bộ KH&CN	Thông báo kết quả đánh giá	
B7	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở KH&CN	Thực hiện ghi danh sách, văn bản phát hành	1/2 ngày
B8	Trả kết quả cho tổ chức cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả	1/2 ngày

36. Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 08 ngày.
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 08 ngày (cắt giảm 0 ngày).

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Tiếp nhận hồ sơ	1/2 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên thụ lý, thẩm định hồ sơ và chuyển xin ý kiến lãnh đạo phòng	- Dự thảo báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo giấy xác nhận.	06 ngày
		Lãnh đạo phòng TĐC	- Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Xét duyệt Dự thảo giấy xác nhận.	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Giấy xác nhận	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Ban hành Giấy xác nhận	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa Sở KHCN	Giấy xác nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				08 ngày

37. Thủ tục Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 05 ngày làm việc;

- Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm: 2,5 ngày (cắt giảm 2,5 ngày).

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/4 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn cho tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn; - Hồ sơ kèm theo	01 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Xét duyệt dự thảo Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn cho tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn; - Ký duyệt Báo cáo thẩm định	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở phụ trách Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt hồ sơ và chuyển Văn thư phát hành	1/4 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ được lãnh đạo Sở duyệt	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa	Kết quả được ký duyệt (Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn cho tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn)	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
Tổng thời gian thực hiện				2,5 ngày

38. Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 05 ngày làm việc;
- Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm: 2,5 ngày (cắt giảm 2,5 ngày).

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/4 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn cho tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn; - Hồ sơ kèm theo	01 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Xét duyệt dự thảo Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn cho tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn;	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
			- Ký duyệt Báo cáo thẩm định	
B3	Lãnh đạo Sở phụ trách Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt hồ sơ và chuyển Văn thư phát hành	1/4 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ được lãnh đạo Sở duyệt	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa	Kết quả được ký duyệt (Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn cho tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn)	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				2,5 ngày

39. Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 05 ngày làm việc
- Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm: 2,5 ngày (cắt giảm 2,5 ngày)

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy; - Hồ sơ kèm theo	01 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Xét duyệt dự thảo Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy; - Ký duyệt Báo cáo thẩm định	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở phụ trách Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt hồ sơ và chuyển Văn thư phát hành	1/4 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ được lãnh đạo Sở duyệt	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa	Kết quả được ký duyệt (Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy)	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				2,5 ngày

40. Thủ tục Miễn kiểm tra hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu

- Thời gian giải quyết theo quy định: 05 ngày làm việc;
- Thời gian đề xuất giải quyết sau khi tiếp tục cắt giảm thêm: 3,5 ngày (giảm thêm 1,5 ngày).

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/4 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Văn bản xác nhận miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng (<i>Đối với hàng hóa nhập khẩu có cùng tên gọi, công dụng, nhãn hiệu, kiểu loại, đặc tính kỹ thuật của cùng một cơ sở sản xuất, xuất xứ do cùng một người nhập khẩu, sau 03 lần nhập khẩu liên tiếp, có kết quả đánh giá phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có văn bản xác nhận miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng trong thời hạn 02 năm</i>); - Hồ sơ kèm theo	1,5 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Xét duyệt dự thảo Văn bản xác nhận miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng; - Ký duyệt Báo cáo thẩm định	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở phụ trách Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt hồ sơ và chuyển Văn thư phát hành	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	lượng			
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ được lãnh đạo Sở duyệt	1/2 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa	Kết quả được ký duyệt (Văn bản xác nhận miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng)	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				3,5 ngày

41. Thủ tục đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu

- Thời gian giải quyết: 01 ngày (trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ)

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	30 phút làm việc
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	1. Trường hợp đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu, tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định biện pháp công bố hợp quy theo kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân; theo kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật:	04 giờ làm việc

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
			- Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Văn bản xác nhận người nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên bản đăng ký của người nhập khẩu - hồ sơ có liên quan 2. Trường hợp Đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu, tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định biện pháp công bố hợp quy theo kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân; theo kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật: - Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Văn bản xác nhận người nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên bản đăng ký của người nhập khẩu - hồ sơ có liên quan 3. Trường hợp đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu, tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định biện pháp công bố hợp quy theo kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân; theo kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật: - Báo cáo thẩm định; - Dự thảo Văn bản xác nhận người nhập khẩu đã đăng ký	

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
			kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên bản đăng ký của người nhập khẩu - Hồ sơ kèm theo	
		Lãnh đạo phòng	- Xét duyệt dự thảo Văn bản xác nhận người nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên bản đăng ký của người nhập khẩu; - Ký duyệt Báo cáo thẩm định	01 giờ làm việc
B3	Lãnh đạo Sở phụ trách Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt hồ sơ và chuyển Văn thư phát hành	01 giờ làm việc
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ được lãnh đạo Sở duyệt	01 giờ làm việc
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa	Kết quả được ký duyệt (Văn bản xác nhận người nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên bản đăng ký của người nhập khẩu)	30 phút giờ làm việc
Tổng thời gian thực hiện				01 ngày

42. Thủ tục Công bố sử dụng dấu định lượng

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 05 ngày làm việc;
- Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm: 2,5 ngày (cắt giảm 2,5 ngày).

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/4 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Hồ sơ kèm theo	01 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Xét duyệt hồ sơ liên quan đến việc ký xác nhận; - Ký duyệt Báo cáo thẩm định	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở phụ trách Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Lãnh đạo Sở	Ký xác nhận, đóng dấu tiếp nhận vào hai (02) bản công bố của cơ sở và gửi lại một (01) bản cho cơ sở đó	1/4 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ được lãnh đạo Sở duyệt	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa	Bản công bố ký xác nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				2,5 ngày

43. Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 05 ngày làm việc;
- Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm: 2,5 ngày (cắt giảm 2,5 ngày).

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/4 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định; - Hồ sơ kèm theo	01 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Xét duyệt hồ sơ liên quan đến việc ký xác nhận; - Ký duyệt Báo cáo thẩm định	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở phụ trách Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Lãnh đạo Sở	Ký xác nhận, đóng dấu tiếp nhận vào hai (02) bản công bố điều chỉnh của cơ sở và gửi lại một (01) bản cho cơ sở đó	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa để thực hiện liên thông	Văn thư	Hồ sơ được lãnh đạo Sở duyệt	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa	Bản công bố điều chỉnh	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				2,5 ngày

44. Thủ tục cấp giấy chứng đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 05 ngày làm việc;
- Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm: 4,75 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa Sở KH&CN	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ, hợp lệ	0,25 ngày
B2	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên được phân công	- Dự thảo Báo cáo thẩm định hồ sơ. - Dự thảo cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường. - Hồ sơ gửi kèm.	02 ngày
B3	Xét duyệt (cấp lãnh đạo)	Lãnh đạo phòng được phân công	- Báo cáo thẩm định hồ sơ có ký nhận của	0,5 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	phòng)		lãnh đạo phòng. - Dự thảo Giấy chứng nhận được xét duyệt. - Hồ sơ gửi kèm;	
B4	Xét duyệt (cấp Phó Giám đốc Sở phụ trách)	Lãnh đạo Sở phụ trách	- Dự thảo Giấy chứng nhận được xét duyệt. - Hồ sơ gửi kèm.	0,5 ngày
B5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc lãnh đạo Sở được ủy quyền	Giấy chứng nhận được phê duyệt.	01 ngày
B6	Đóng dấu, phát hành	Văn thư	Giấy chứng nhận được ký, đóng dấu, phát hành	0,25 ngày
B7	Trả kết quả	Bộ phận một cửa Sở KH&CN	Giấy chứng nhận	0,25 ngày
Tổng thời gian thực hiện				4,75 ngày

45. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 05 ngày làm việc;
- Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm: 4,75 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa Sở KH&CN	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ, hợp lệ	0,25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên được phân công	- Dự thảo Báo cáo thẩm định hồ sơ. - Dự thảo giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường. - Hồ sơ gửi kèm.	02 ngày
B3	Xét duyệt (cấp lãnh đạo phòng)	Lãnh đạo phòng được phân công	- Báo cáo thẩm định hồ sơ có chữ ký của lãnh đạo phòng. - Dự thảo Giấy chứng nhận được xét duyệt. - Hồ sơ gửi kèm.	0,5 ngày
B4	Xét duyệt (cấp Phó Giám đốc Sở phụ trách)	Phó Giám đốc Sở phụ trách	- Dự thảo Giấy chứng nhận được xét duyệt. - Hồ sơ gửi kèm.	0,5 ngày
B5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc lãnh đạo Sở được ủy quyền	Phê duyệt Giấy chứng nhận	01 ngày
B6	Đóng dấu, phát hành	Văn thư	Giấy chứng nhận được ký, đóng dấu, phát hành	0,25 ngày
B7	Trả kết quả	Bộ phận một cửa Sở KH&CN	Giấy chứng nhận	0,25 ngày
Tổng thời gian thực hiện				4,75 ngày

46. Thủ tục chấm dứt hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký khi nhận được đề nghị không tiếp tục thực hiện toàn bộ lĩnh vực hoạt động đã được chứng nhận đăng ký của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 03 ngày làm việc;
- Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm: không cắt giảm.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa Sở KH&CN	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	0,25 ngày
B2	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên được phân công	- Dự thảo báo cáo thẩm định hồ sơ. - Dự thảo Quyết định chấm dứt hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (Quyết định); - Hồ sơ gửi kèm.	0,75 ngày
B3	Xét duyệt (cấp lãnh đạo phòng)	Lãnh đạo phòng được phân công	- Báo cáo thẩm định có ký nhận của lãnh đạo phòng - Dự thảo Quyết định được xét duyệt. - Hồ sơ gửi kèm.	0,5 ngày
B4	Xét duyệt (cấp Phó Giám đốc Sở phụ trách)	Phó Giám đốc Sở phụ trách	- Dự thảo Quyết định được xét duyệt. - Hồ sơ gửi kèm.	0,5 ngày
B5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc lãnh đạo Sở được ủy quyền	Quyết định được phê duyệt	0,5 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B6	Đóng dấu, phát hành	Văn thư	Quyết định được ký, đóng dấu, phát hành	0,25 ngày
B7	Trả kết quả	Bộ phận một cửa Sở KH&CN	Quyết định	0,25 ngày
Tổng thời gian thực hiện				03 ngày

IV. Lĩnh vực năng lượng nguyên tử: 14 quy trình

1. Thủ tục cấp giấy phép sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 45 ngày;
- Thời gian cắt giảm: 04 ngày;
- Thời gian thực tế giải quyết sau khi cắt giảm thời gian: 401 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	01 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Dự thảo Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo giấy phép sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X,	30 ngày

			phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh	
		Lãnh đạo phòng	- Ký phê duyệt Báo cáo thẩm định hồ sơ. - Xét duyệt dự thảo Giấy phép.	04 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Ký phê duyệt Giấy phép	05 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Đóng dấu phát hành Giấy phép	1/2 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức bộ phận một cửa	Kết quả trả giấy phép sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				41 ngày

2. Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn tại cơ sở sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT), thiết bị phát tia X trong phân tích nhiễu xạ tia X, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh. Mã thủ tục: 1.013971

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 02 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 08 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
----	--------------------	-----------------------	--------------------	---------------------

B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	- Dự thảo Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Chứng chỉ nhân viên bức xạ.	05 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Ký phê duyệt Báo cáo thẩm định hồ sơ. - Xét duyệt dự thảo Chứng chỉ	01 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Ký phê duyệt Chứng chỉ nhân viên bức xạ	01 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Đóng dấu phát hành Chứng chỉ nhân viên bức xạ.	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kết quả trả chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn tại cơ sở sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT), thiết bị phát tia X trong phân tích nhiễu xạ tia X, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				08 ngày

3. Thủ tục khai báo thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 05 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
----	--------------------	-----------------------	--------------------	---------------------

B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/4 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Giấy xác nhận khai báo.	03 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Ký phê duyệt Báo cáo thẩm định hồ sơ. - Xét duyệt dự thảo Giấy xác nhận khai báo	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	- Ký phê duyệt Giấy xác nhận khai báo	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Đóng dấu phát hành Giấy xác nhận khai báo được phê duyệt	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ	Công chức Bộ phận một cửa	Giấy xác nhận khai báo được phê duyệt.	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				05 ngày

4. Gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh. Mã thủ tục: 1.009841

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 30 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 06 ngày làm việc;

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 24 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	01 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng		- Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo giấy phép (gia hạn).	17 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Ký phê duyệt Báo cáo thẩm định hồ sơ. - Xét duyệt dự thảo Giấy phép	02 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Ký phê duyệt giấy phép (gia hạn).	02 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Đóng dấu phát hành giấy phép (gia hạn).	01 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận và trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa	Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh (gia hạn).	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện				24 ngày

5. Sửa đổi Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 03 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 07 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Giấy phép (sửa đổi).	05 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Ký phê duyệt báo cáo thẩm định - Xét duyệt dự thảo Giấy phép	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Ký phê duyệt Giấy phép (sửa đổi).	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Đóng dấu phát hành Giấy phép (sửa đổi)	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận và trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa	Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
			PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh (sửa đổi)	
Tổng thời gian thực hiện				07 ngày

6. Bổ sung Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 30 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 06 ngày làm việc;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 24 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	01 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo tờ trình trình UBND tỉnh ; - Dự thảo Giấy phép tiến hành công việc bức xạ sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính	17 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
			tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh (bổ sung).	
		Lãnh đạo phòng	- Ký phê duyệt báo cáo thẩm định - Xét duyệt dự thảo Giấy phép	02 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Ký phê duyệt Giấy phép (bổ sung).	03 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Đóng dấu phát hành Giấy phép (bổ sung)	1/2 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận và trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa	Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh (bổ sung)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				24 ngày

7. Cấp lại Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	01 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo tờ trình trình UBND tỉnh ; - Dự thảo Giấy phép tiến hành công việc bức xạ sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh (cấp lại).	6,5 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Ký phê duyệt báo cáo thẩm định - Xét duyệt dự thảo Giấy phép	01 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Ký phê duyệt Giấy phép (Cấp lại).	01 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Đóng dấu phát hành Giấy phép (cấp lại)	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa	Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh (cấp lại)	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				10 ngày

8. Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 5 ngày;
- Thời gian cắt giảm: 1/2 ngày;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 4,5 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/4 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Giấy xác nhận khai báo.	02 ngày

		Lãnh đạo phòng	- Ký phê duyệt báo cáo thẩm định - Xét duyệt dự thảo Giấy xác nhận khai báo	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Ký phê duyệt Giấy xác nhận khai báo.	01 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Đóng dấu phát hành Giấy xác nhận khai báo	1/2 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa	Giấy xác nhận khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				4,5 ngày

9. Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế).

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày;
- Thời gian cắt giảm: 2,5 ngày;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 7,5 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	01 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Chứng chỉ nhân viên bức xạ.	03 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
		Lãnh đạo phòng	- Ký phê duyệt báo cáo thẩm định. - Xét duyệt dự thảo Chứng chỉ nhân viên bức xạ.	01 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Ký phê duyệt Chứng chỉ nhân viên bức xạ.	02 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Đóng dấu phát hành Chứng chỉ nhân viên bức xạ	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa	Chứng chỉ nhân viên bức xạ	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				7,5 ngày

10. Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 25 ngày làm việc
- Thời gian cắt giảm: 12 ngày
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 13 ngày làm việc

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
		vụ hành chính công tỉnh		
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	11 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Ký phê duyệt báo cáo thẩm định. - Xét duyệt dự thảo giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Ký phê duyệt giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Đóng dấu phát hành giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa	Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				13 ngày

11. Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 2,5 ngày;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 7,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	01 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	03 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Ký phê duyệt báo cáo thẩm định. - Xét duyệt dự thảo giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	01 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Ký phê duyệt giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	02 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Đóng dấu phát hành giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa	Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				7,5 ngày

12. Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 25 ngày làm việc;

- Thời gian cắt giảm: 12 ngày;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 13 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	11 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Ký phê duyệt báo cáo thẩm định. - Xét duyệt dự thảo giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Ký phê duyệt giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Đóng dấu phát hành giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa	Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				13 ngày

13. Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 2,5 ngày;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 7,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	01 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	03 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Ký phê duyệt báo cáo thẩm định. - Xét duyệt dự thảo giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	01 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Ký phê duyệt giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	02 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Đóng dấu phát hành giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức Bộ phận một cửa	Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				7,5 ngày

14. Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 25 ngày làm việc;
- Thời gian cắt giảm: 12 ngày;
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 13 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/2 ngày
B2	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	- Báo cáo thẩm định hồ sơ; - Dự thảo giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	11 ngày
		Lãnh đạo phòng	- Ký phê duyệt báo cáo thẩm định. - Xét duyệt dự thảo giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Sở	Ký phê duyệt giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	1/2 ngày
B4	Phát hành, gửi hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Văn thư	Đóng dấu phát hành giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	1/4 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận,	Công chức Bộ phận một cửa	Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	trả kết quả cho khách hàng		bị X-quang chẩn đoán trong y tế	
Tổng thời gian thực hiện				13 ngày

V. Lĩnh vực Viễn thông - Internet: 24 quy trình

1. Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 45 ngày;
- Thời gian giải quyết sau cắt giảm: 44 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Phòng Hạ tầng tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ đề nghị giải quyết tranh chấp; Dự thảo Kết quả giải quyết tranh chấp	39 ngày
		Lãnh đạo phòng	Ý kiến thẩm định	02 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	02 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Quyết định giải quyết tranh chấp	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				44 ngày

2. Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ Không hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 45 ngày;
- Thời gian sau cắt giảm: 44 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Phòng Hạ tầng tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ đề nghị giải quyết tranh chấp; Dự thảo Kết quả giải quyết tranh chấp	39 ngày
		Lãnh đạo phòng	Ý kiến thẩm định	02 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	02 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Quyết định giải quyết tranh chấp	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				44 ngày

3. Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 03 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Phòng Hạ tầng tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Chuyên viên được phân công	Kiểm tra; báo cáo lãnh đạo phòng; lưu trữ hồ sơ	2,5 ngày
Tổng thời gian thực hiện				03 ngày

4. Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ Không hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 03 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Phòng Hạ tầng tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Chuyên viên được phân công	Kiểm tra; báo cáo lãnh đạo phòng; lưu trữ hồ sơ	2,5 ngày
Tổng thời gian thực hiện				03 ngày

5. Đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 08 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày

B2	Phòng Hạ tầng tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Chuyên viên được phân công	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; Dự thảo giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	5 ngày ngày
		Lãnh đạo phòng	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				08 ngày

6. Thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ fax gia tăng giá trị

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 03 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Hạ tầng tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Chuyên viên được phân công	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; nếu hồ sơ không hợp lệ thì Dự thảo Thông báo cho doanh nghiệp	1,25 ngày
		Lãnh đạo phòng	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công khai thông tin về các tổ chức, doanh nghiệp đã hoàn thành việc thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông trên cổng thông tin điện tử của cơ quan tiếp nhận thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông hoặc Thông báo hồ sơ không hợp lệ	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				03 ngày

7. Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông Không hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày;
- Thời gian giải quyết sau cắt giảm: 19 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Hạ tầng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; Dự thảo Giấy phép hoặc Thông báo từ chối cấp phép	14,25 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	02 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	02 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không hạ tầng mạng hoặc Thông báo từ chối cấp phép	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				19 ngày

8. Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày
- Thời gian giải quyết sau cắt giảm: 19 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Hạ tầng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; Dự thảo Giấy phép hoặc Thông báo từ chối cấp phép	14,25 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	02 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	02 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng hoặc Thông báo từ chối cấp phép	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				19 ngày

9. Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông Không hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày;
- Thời gian giải quyết sau cắt giảm: 19 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Hạ tầng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; Dự thảo Giấy phép hoặc Thông báo từ chối sửa đổi, bổ sung Giấy phép	14,25 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	02 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	02 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông Không hạ tầng mạng hoặc Thông báo từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				19 ngày

10. Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông Không hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày;
- Thời gian giải quyết sau cắt giảm: 19 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Hạ tầng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; Dự thảo Giấy phép hoặc Thông báo từ chối sửa đổi, bổ sung Giấy phép	14,25 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	02 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	02 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông Không hạ tầng mạng hoặc Thông báo từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				19 ngày

11. Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày;
- Thời gian giải quyết sau cắt giảm: 19 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Hạ tầng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; Dự thảo Giấy phép hoặc Thông báo từ chối sửa đổi, bổ sung	14,25 ngày

			Giấy phép	
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	02 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	02 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng hoặc Thông báo từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				19 ngày

12. Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày;
- Thời gian giải quyết sau cắt giảm: 19 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/4 ngày

B2	Phòng Hạ tầng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; Dự thảo Giấy phép hoặc Thông báo từ chối sửa đổi, bổ sung Giấy phép	14,25 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	02 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	02 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng hoặc Thông báo từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				19 ngày

13. Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày;
- Thời gian giải quyết sau cắt giảm: 19 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/4 ngày

B2	Phòng Hạ tầng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; Dự thảo Giấy phép hoặc Thông báo từ chối gia hạn Giấy phép	14,25 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	02 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	02 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng hoặc Thông báo từ chối gia hạn giấy phép	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				19 ngày

14. Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông Không hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày;
- Thời gian giải quyết sau cắt giảm: 19 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Hạ tầng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; Dự thảo Giấy phép hoặc Thông báo từ chối gia hạn	14,25 ngày

			Giấy phép	
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	02 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	02 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không hạ tầng mạng hoặc Thông báo từ chối gia hạn giấy phép	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				19 ngày

15. Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày;
- Thời gian sau cắt giảm: 19 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/4 ngày

B2	Phòng Hạ tầng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; Dự thảo Giấy phép hoặc Thông báo từ chối cấp lại Giấy phép	14,25 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	02 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	02 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng hoặc Thông báo từ chối cấp lại giấy phép	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				19 ngày

16. Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông Không hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày;
- Thời gian sau cắt giảm: 19 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Hạ tầng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; Dự thảo Giấy phép hoặc Thông báo từ chối cấp lại Giấy phép	14,25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	02 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	02 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông Không hạ tầng mạng hoặc Thông báo từ chối cấp lại giấy phép	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				19 ngày

17. Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông Không hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/4 ngày
B2	Phòng Hạ tầng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Quyết định.	7,25 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	01 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				10 ngày

18. Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/4 ngày
B2	Phòng Hạ tầng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Quyết định.	7,25 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	01 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				10 ngày

19. Cấp giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày;
- Thời gian sau cắt giảm: 19 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/4 ngày
B2	Phòng Hạ tầng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Giấy chứng nhận	14,25 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	02 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	02 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động hoặc Thông báo từ chối cấp giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				19 ngày

20. Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động.

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 05 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/4 ngày
B2	Phòng Hạ tầng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Giấy chứng nhận	3,25 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
			thông di động hoặc Thông báo từ chối sửa đổi, bổ sung	
Tổng thời gian thực hiện				05 ngày

21. Gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 05 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/4 ngày
B2	Phòng Hạ tầng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Giấy chứng nhận	3,25 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động hoặc Thông báo từ chối gia hạn	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				05 ngày

22. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 05 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/4 ngày
B2	Phòng Hạ tầng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Giấy chứng nhận	3,25 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động hoặc Thông báo từ chối cấp lại giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				05 ngày

23. Phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 05 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/4 ngày
B2	Phòng Hạ tầng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Quyết định.	3,25 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Quyết định phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá hoặc Thông báo từ chối	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				05 ngày

24. Hoàn trả số thuê bao di động H2H được phân bổ theo phương thức đấu giá

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 05 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ tiếp nhận đầy đủ hợp lệ	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phòng Hạ tầng	Chuyên viên phụ trách được phân công xử lý hồ sơ	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Quyết định.	3,25 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt dự thảo	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Quyết định hoàn trả số thuê bao di động H2H phân bổ theo phương thức đấu giá hoặc Thông báo từ chối	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				05 ngày

VI. Lĩnh vực Tần số vô tuyến điện: 20 quy trình

1. Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá

- Thời gian giải quyết: 11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ được Scan, lưu điện tử. Số hóa thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa.	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phòng Hạ tầng thụ lý, xử lý hồ sơ	Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ	Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì trả lại hồ sơ Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	8,25 ngày
			Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định Thẩm định hồ sơ; Dự thảo tờ trình, Dự thảo Giấy phép	
		Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hoặc Thông báo từ chối cấp giấy phép	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				11 ngày

2. Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá

- Thời gian giải quyết: 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ được Scan, lưu điện tử. Số hóa thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa.	1/4 ngày
B2	Phòng Hạ tầng thụ lý, xử lý hồ sơ	Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ	Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì trả lại hồ sơ Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	4 ³ / ₄ ngày
			Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định Thẩm định hồ sơ; Dự thảo tờ trình, Dự thảo Giấy phép	
		Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hoặc Thông báo từ chối gia hạn giấy phép	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				07 ngày

3. Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá

- Thời gian giải quyết: 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ được Scan, lưu điện tử. Số hóa thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa.	1/4 ngày
B2	Phòng Hạ tầng thụ lý, xử lý hồ sơ	Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ	Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì trả lại hồ sơ Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	4 ³ / ₄ ngày
			Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định Thẩm định hồ sơ; Dự thảo tờ trình, Dự thảo Giấy phép	
		Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hoặc Thông báo từ chối cấp đổi giấy phép	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				07 ngày

4. Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá

- Thời gian giải quyết: 11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ được Scan, lưu điện tử. Số hóa thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa.	1/4 ngày
B2	Phòng Hạ tầng thụ lý, xử lý hồ sơ	Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ	Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì trả lại hồ sơ Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	8,25 ngày
			Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định Thẩm định hồ sơ; Dự thảo tờ trình, Dự thảo Giấy phép	
		Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hoặc Thông báo từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				11 ngày

5. Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư

- Thời gian giải quyết: 11 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ được Scan, lưu điện tử. Số hóa thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa.	1/4 ngày
B2	Phòng Hạ tầng thụ lý, xử lý hồ sơ	Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ	Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì trả lại hồ sơ Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	8,25 ngày
			Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định Thẩm định hồ sơ; Dự thảo tờ trình, Dự thảo Giấy phép	
		Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	01 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hoặc Thông báo từ chối cấp giấy phép	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				11 ngày

6. Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư

- Thời gian giải quyết: 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ được Scan, lưu điện tử. Số hóa thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa.	1/4 ngày
B2	Phòng Hạ tầng thụ lý, xử lý hồ sơ	Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ	Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì trả lại hồ sơ Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	4 ³ / ₄ ngày
			Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định Thẩm định hồ sơ; Dự thảo tờ trình, Dự thảo Giấy phép	

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
		Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hoặc Thông báo từ chối gia hạn giấy phép	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				07 ngày

7. Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư

- Thời gian giải quyết: 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ được Scan, lưu điện tử. Số hóa thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa.	1/4 ngày
B2	Phòng Hạ tầng thụ lý, xử lý hồ sơ	Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ	Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì trả lại hồ sơ Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	4 ³ / ₄ ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
			Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định Thẩm định hồ sơ; Dự thảo tờ trình, Dự thảo Giấy phép	
		Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hoặc Thông báo từ chối cấp đổi giấy phép	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				07 ngày

8. Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư

- Thời gian giải quyết: 11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ được Scan, lưu điện tử. Số hóa thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa.	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phòng Hạ tầng thụ lý, xử lý hồ sơ	Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ	Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì trả lại hồ sơ Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	8,25 ngày
			Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định Thẩm định hồ sơ; Dự thảo tờ trình, Dự thảo Giấy phép	
		Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hoặc Thông báo từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				11 ngày

9. Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)

- Thời gian giải quyết: 11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ được Scan, lưu điện tử. Số hóa thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa.	1/4 ngày
B2	Phòng Hạ tầng thụ lý, xử lý hồ sơ	Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ	Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì trả lại hồ sơ Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	8,25 ngày
			Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định Thẩm định hồ sơ; Dự thảo tờ trình, Dự thảo Giấy phép	
		Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hoặc Thông báo từ chối cấp giấy phép	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				11 ngày

10. Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)

- Thời gian giải quyết: 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ được Scan, lưu điện tử. Số hóa thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa.	1/4 ngày
B2	Phòng Hạ tầng thụ lý, xử lý hồ sơ	Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ	Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì trả lại hồ sơ Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	4 ³ / ₄ ngày
			Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định Thẩm định hồ sơ; Dự thảo tờ trình, Dự thảo Giấy phép	
		Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hoặc Thông báo từ chối gia hạn giấy phép	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				07 ngày

11. Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)

- Thời gian giải quyết: 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ được Scan, lưu điện tử. Số hóa thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa.	1/4 ngày
B2	Phòng Hạ tầng thụ lý, xử lý hồ sơ	Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ	Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì trả lại hồ sơ Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	4 ³ / ₄ ngày
			Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định Thẩm định hồ sơ; Dự thảo tờ trình, Dự thảo Giấy phép	
		Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hoặc Thông báo từ chối cấp đổi giấy phép	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				07 ngày

12. Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)

- Thời gian giải quyết: 11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ được Scan, lưu điện tử. Số hóa thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa.	1/4 ngày
B2	Phòng Hạ tầng thụ lý, xử lý hồ sơ	Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ	Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì trả lại hồ sơ Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	8,25 ngày
			Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định Thẩm định hồ sơ; Dự thảo tờ trình, Dự thảo Giấy phép	
		Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hoặc Thông báo từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				11 ngày

13. Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ

- Thời gian giải quyết: 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định;

- Thời gian giải quyết sau cắt giảm: 21 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ được Scan, lưu điện tử. Số hóa thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa.	1/4 ngày
B2	Phòng Hạ tầng thụ lý, xử lý hồ sơ	Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ	Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì trả lại hồ sơ Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	18,25 ngày
			Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định Thẩm định hồ sơ; Dự thảo tờ trình, Dự thảo Giấy phép	
		Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hoặc Thông báo từ chối cấp giấy phép	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				21 ngày

14. Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ

- Thời gian giải quyết: 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ được Scan, lưu điện tử. Số hóa thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa.	1/4 ngày
B2	Phòng Hạ tầng thụ lý, xử lý hồ sơ	Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ	Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì trả lại hồ sơ Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	4 ³ / ₄ ngày
			Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định Thẩm định hồ sơ; Dự thảo tờ trình, Dự thảo Giấy phép	
		Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hoặc Thông báo từ chối gia hạn giấy phép	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				07 ngày

15. Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ

- Thời gian giải quyết: 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ được Scan, lưu điện tử. Số hóa thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa.	1/4 ngày
B2	Phòng Hạ tầng thụ lý, xử lý hồ sơ	Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ	Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì trả lại hồ sơ Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	4 ³ / ₄ ngày
			Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định Thẩm định hồ sơ; Dự thảo tờ trình, Dự thảo Giấy phép	
		Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hoặc Thông báo từ chối cấp đổi giấy phép	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				07 ngày

16. Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ

- Thời gian giải quyết: 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định;

- Thời gian giải quyết sau cắt giảm: 21 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ được Scan, lưu điện tử. Số hóa thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa.	1/4 ngày
B2	Phòng Hạ tầng thụ lý, xử lý hồ sơ	Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ	Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì trả lại hồ sơ Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	18,25 ngày
			Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định Thẩm định hồ sơ; Dự thảo tờ trình, Dự thảo Giấy phép	
		Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hoặc Thông báo từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				21 ngày

17. Cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư

- Thời gian giải quyết: 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ được Scan, lưu điện tử. Số hóa thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa.	1/4 ngày
B2	Phòng Hạ tầng thụ lý, xử lý hồ sơ	Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ	Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì trả lại hồ sơ Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	17,25 ngày
			Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định Thẩm định hồ sơ; Dự thảo tờ trình, Dự thảo Giấy phép	
		Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư hoặc Thông báo từ chối cấp giấy công nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				20 ngày

18. Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư

- Thời gian giải quyết: 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ được Scan, lưu điện tử. Số hóa thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa.	1/4 ngày
B2	Phòng Hạ tầng thụ lý, xử lý hồ sơ	Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ	Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì trả lại hồ sơ Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	7,5 ngày
			Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định Thẩm định hồ sơ; Dự thảo tờ trình, Dự thảo Giấy phép	
		Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	3/4 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư hoặc Thông báo từ chối cấp đổi giấy công nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				10 ngày

19. Cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải

- Thời gian giải quyết: 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ được Scan, lưu điện tử. Số hóa thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa.	1/4 ngày
B2	Phòng Hạ tầng thụ lý, xử lý hồ sơ	Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ	Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì trả lại hồ sơ Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	17,25 ngày
			Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định Thẩm định hồ sơ; Dự thảo tờ trình, Dự thảo Giấy phép	
		Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải hoặc Thông báo từ chối cấp giấy công nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				20 ngày

20. Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải

- Thời gian giải quyết: 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ được Scan, lưu điện tử. Số hóa thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa.	1/4 ngày
B2	Phòng Hạ tầng thụ lý, xử lý hồ sơ	Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ	Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì trả lại hồ sơ Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	7,5 ngày
			Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định Thẩm định hồ sơ; Dự thảo tờ trình, Dự thảo Giấy phép	
		Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	3/4 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải hoặc Thông báo từ chối cấp đổi giấy công nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				10 ngày

VII. Lĩnh vực Bưu chính: 07 quy trình

1. Cấp giấy phép bưu chính

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày;
- Thời gian giải quyết thực tế sau cắt giảm: 13 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ Cấp giấy phép bưu chính	1/2 ngày
B2	Phòng Hạ tầng	Chuyên viên phụ trách được phân công	Các văn bản đầu ra	10 ngày
		Trưởng phòng	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B3	Phê duyệt, ban hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/2 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả là văn bản do Sở phát hành	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				13 ngày

2. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép buru chính

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày;
- Thời gian giải quyết thực tế sau cắt giảm: 5 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ Sửa đổi, bổ sung Giấy phép buru chính	1/2 ngày
B2	Phòng Hạ tầng	Chuyên viên phụ trách được phân công	Các văn bản đầu ra	2,5 ngày
		Trưởng phòng	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt, ban hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/2 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả là văn bản do Sở phát hành	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				05 ngày

3. Cấp lại giấy phép buru chính khi hết hạn

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày;
- Thời gian giải quyết thực tế sau cắt giảm: 5,5 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ Cấp lại giấy phép buru chính khi hết hạn	1/2 ngày
B2	Phòng Hạ tầng	Chuyên viên phụ trách được phân công	Các văn bản đầu ra	03 ngày
		Trưởng phòng	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt, ban hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/2 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả là văn bản do Sở phát hành	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				5,5 ngày

4. Tên Thủ tục hành chính: Cấp lại giấy phép buru chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 07 ngày;
- Thời gian giải quyết thực tế sau cắt giảm: 4,5 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	1/2 ngày
B2	Phòng Hạ tầng	Chuyên viên phụ trách được phân công	Các văn bản đầu ra	02 ngày
		Trưởng phòng	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt, ban hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/2 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả là văn bản do Sở phát hành	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				4,5 ngày

5. Tên Thủ tục hành chính: Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày;
- Thời gian giải quyết thực tế sau cắt giảm: 5,5 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	1/2 ngày
B2	Phòng Hạ tầng	Chuyên viên phụ trách được phân công	Các văn bản đầu ra	2,5 ngày
		Trưởng phòng	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B3	Phê duyệt, ban hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/2 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả là văn bản do Sở phát hành	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				5,5 ngày

6. Tên Thủ tục hành chính: Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày;
- Thời gian giải quyết thực tế sau cắt giảm: 4,5 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	1/2 ngày
B2	Phòng Hạ tầng	Chuyên viên phụ trách được phân công	Các văn bản đầu ra	02 ngày
		Trưởng phòng	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt, ban hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/2 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả là văn bản do Sở phát hành	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				4,5 ngày

7. Tên Thủ tục hành chính: Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 07 ngày;
- Thời gian giải quyết thực tế sau cắt giảm: 04 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	1/2 ngày
B2	Phòng Hạ tầng	Chuyên viên phụ trách được phân công	Các văn bản đầu ra	1,5 ngày
		Trưởng phòng	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt, ban hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản do Sở phát hành	1/2 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả là văn bản do Sở phát hành	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				04 ngày